

NGUYỄN NGỌC HOA

CƠN GIẬN CON,

NỖI ĐAU MẸ

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA I



BIỂN NGỌC Xuất Bản

MỤC LỤC

Cơn Giận Con, Nỗi Đau Mẹ
Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I

Lời Tựa

- 1. Tôi Đi Học**
 - 2. Con Moi Em**
 - 3. Con Chết Mò Rạm**
 - 4. Chuyện Tình Chú Lam**
 - 5. Cơn Giận Con, Nỗi Đau Mẹ**
 - 6. Người Lú Nghé Lì**
 - 7. Dẫu Chết Không Là**
 - 8. Còn Đâu Chỗ Quê Hương**
 - 9. Một Đời Thủy Chung**
 - 10. Cõi Trần Vương Vấn**
 - 11. Dưới Mái Nhà Tôn**
 - 12. Núi Thái Bạc Lòng**
 - 13. Con và Cha**
 - 14. Người Mẹ Thứ**
 - 15. Thằng Bé Phá Đám**
 - 16. Xóm Cửa Nhà Đờ**
 - 17. Lá Bùa Thầy Phước**
 - 18. Cái Đầu Chó Vá**
 - 19. Đồng Tiền Liền Mạng Sống**
 - 20. Lỗi Tại Ai, Mọi Đàng**
 - 21. Người Hùng Vượt Tuyến**
 - 22. Ai Về Xứ Nẫu**
 - 23. Con Yến Áo Hồng**
 - 24. Giấc Mơ của Mẹ**
- Nguyễn Ngọc Hoa**

Lời Tựa

Những truyện ngắn trong *Cơn Giận Con, Nỗi Đau Mẹ: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I* được viết trong khoảng 2013-2014 và ấn hành và phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Thời Thơ Ấu” kể lại những câu chuyện tác giả trải qua hay nghe thuật lại trong thời ấu thơ của mình. Mục đích chính là kể chuyện nên những nhân vật trong truyện, kể cả nhân vật xưng "tôi," đều được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với câu chuyện muốn kể và có thể không hiện hữu ngoài đời. Mặc dù được sắp xếp theo thứ tự thời gian, mỗi truyện có tình tiết riêng và diễn tiến tương đối độc lập, và toàn tập không hướng về một chủ đề chung nào. Do đó, tập truyện ngắn trên tay quý bạn không phải là tự truyện và không hẳn là truyện dài.

Ngoài ý định kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa, chúng tôi viết để học hỏi và trau dồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương. Chúng tôi đã thận trọng để viết đúng chính tả, dùng dấu chấm câu thích hợp, lựa chọn từ ngữ chính xác, và nhất là tránh dùng những chữ mới, dùng sau năm 1975 ở bên nhà. Về mặt này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các thân hữu đã góp ý, phê bình, và chỉnh sửa; xin được kể tên vài người là các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, mọi sai lầm hay kém chính xác đều do sự sơ suất của chúng tôi.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn tiện nội Nguyễn thị Minh Ngọc (kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn) đã đọc bản thảo và đề nghị tựa truyện cho thích hợp với chuyện kể và để lôi kéo sự chú ý của độc giả. Ngoài ra, xin cảm ơn các thân hữu đã đón nhận và thưởng thức các truyện ngắn, cũng như đã khen ngợi và khích lệ chúng tôi trong thời gian qua. Hy vọng, trong một ngày gần đây, chúng tôi sẽ có phương tiện và cơ hội ấn hành *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa II* hiện nay bản thảo đã hoàn tất và phần lớn các truyện ngắn đã phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Thuở Học Trò.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày đầu mùa Xuân 2016

(20-03-2016)

Tôi Đi Học

Nguyễn Ngọc Hoa

Mẹ tôi kể khi vừa mới biết đi lẫm chẫm tôi đã được bà con họ hàng ai cũng khen là khá khinh và hiền như cục bột. Anh tôi lớn hơn tôi bốn tuổi, là cháu đích tôn trong một gia đình hiếm hoi. Ông nội là con một và chỉ có hai người con trai, nhưng người con lớn là bác tôi mất sớm nên chỉ còn một mình cha tôi. Không những ông tôi là trưởng tộc mà gia đình nhiều ruộng đất và giàu có nhất làng; ai nấy đều luôn luôn có chuyện xin xỏ, nhờ vả, hay vay mượn cầm cố. Ông sợ bà như sợ cọp nên bà nội là người cầm quyền sinh sát trong họ ngoài làng.

Khi anh tôi ra đời, ông tôi đặt tên anh là Quang, cái tên ông đã lục gia phả tham khảo và lựa chọn kỹ càng để không những mang ý nghĩa anh sẽ mang lại vinh quang cho dòng họ mà cần nhất là không trùng tên với bất cứ ai, từ tổ tiên ông bà đến làng nước xóm giềng. Nhưng bà nội gạt đi, cấm không ai được gọi anh bằng cái tên đẹp đẽ đó, sợ người cõi âm nghe thấy mà bắt đi. Do đó anh được gọi là *thằng Gái* để đánh lừa các *hồn ma bóng quế*. Mỗi khi trời sấm sét bà bắt *thằng Gái* ngậm mấy hạt gạo giả bộ như đang ăn để tránh sét đánh, vì *trời đánh tránh bữa ăn*.

Thằng Gái được bà nội nuông chiều rất mực, muốn gì được nấy; ai mà động tới *hắn* thì kể như khó sống với bà. Là con so, *thằng Gái* ra đời với thể chất èo uột, bệnh hoạn liên miên, và thầy lang và thầy pháp đến nhà thăm bệnh trừ tà hầu như hàng tuần.

Mẹ kể một hôm anh Đồng, anh họ tôi, trịnh trọng mang áo dài, đội khăn đóng, và cặp dù đến nhà, có lẽ để nhờ cậy chuyện gì đó. Kể về vai vế thì anh ngang hàng với tôi, nhưng anh đã ngoại tứ tuần, suýt soát tuổi ông nội. Trước tiên anh gặp *thằng Gái*, và *hắn* thấy cây dù đen dài bóng loáng là đòi lấy chơi. Anh bấm bụng đưa cây dù cho cậu bé, khổ sở than thầm nhìn cây dù quý bị *thằng Gái* xé tan tành chỉ còn trơ gọng.

Một lúc sau chị vú giữ *thằng Gái* la hoảng lên. Không biết *thằng Gái* gấp mở cây dù hư thế nào mà hạ bộ bị cọng dù kẹp. Cậu bé đau quá, ngã xuống giẫy đành đạch, mắt trợn trừng rồi bất tỉnh. Cả nhà túa ra, người thì lấy dầu tràm xoa bóp, người thì đun bếp sắc thuốc, người thì bắc thang lên hồi nhà gọi *ba hồn chín vía* của *thằng Gái* về nhập lại xác, và người thì đi mời thầy cúng. Rốt cuộc anh Đồng bị mất dù, công việc gặp bà nội không thành, mà từ đó anh bị bà ghét bỏ về tội đã làm hại cháu cưng của bà.

Mẹ nói bà nội mất khi tôi mới biết bò; tôi không nhớ gì về bà. Trong lúc tên *thằng Gái* do bà đặt, tên *thằng Bé* gắn liền với tôi nảy sinh như một mối duyên tình cờ. Nhà ông nội nằm sau lưng Đồn *Génie* (Công Binh) Pháp, ở giữa là một thửa đất rộng họ dùng để thả nuôi cừu. Một buổi trưa hè nóng nực, anh lính Pháp gốc Phi Châu có nhiệm vụ trông coi đàn cừu vào nhà tránh nắng và xin nước uống. Thấy tôi dễ thương, anh làm quen và dần dà xin phép được bông ẵm và nựng nịu cậu bé vừa mới biết đi. Anh gọi tôi là *Mon Petit* ("Chú Bé Con của Tôi"), mang

cho tôi nhiều bánh kẹo và thức ăn Pháp. Tôi thích nhất những thanh *chocolat* màu nâu đậm, ngọt ngào mà có một chút vị đắng và trở thành *thằng Bé* lúc nào không hay.

Rồi một hôm, anh lính Pháp đến nhà cùng với một người thông ngôn và xin gặp mẹ tôi. Sắp mãn hạn phục vụ tại Đông Dương, anh xin nhận *thằng Bé* làm con nuôi, đưa về Pháp cho ăn học thành *bác vật* (kỹ sư). Nếu mẹ bằng lòng, anh xin tặng tất cả số tiền anh dành dụm được từ lúc quen tôi. Mẹ trả lời, “Cha *thằng Bé* làm *quan một* (thiếu úy), anh đừng nói vậy ông không bằng lòng đâu.” Ngày từ biệt chúng tôi để về nước, anh khóc sụt sùi.

Tôi lớn dần trong sự yêu thương chiều chuộng của bà ngoại. Ngoại ở phía bên kia đường nhìn xéo qua Đồn *Génie*, là người duy nhất dám la mắng *thằng Gái* mỗi khi *hấn hư quá*. Ngoại sống một mình; ông ngoại mất sớm và ngoại chỉ có hai người con là mẹ và cậu Các. Cậu lớn hơn mẹ, bỏ nhà theo kháng chiến khi mẹ mới 13 tuổi – mười năm trước khi tôi ra đời. Nhà ngoại rộng thênh thang, chất đầy hàng hóa mà ngoại mua bán, và có một căn chứa gà sống. Ngoại luôn luôn dành sẵn cho tôi con gà trống đẹp nhất nhất trong cái lồng nhỏ hình quai vạc, món đồ chơi duy nhất của *thằng Bé* trong thời thơ ấu.

Đáng nhớ nhất là những lần tôi được ngoại cho đi theo ra Chợ Tam Tòa, chợ chính của thị xã. Ngoại đặt tôi ngồi trong cái thúng ở đằng trước, thúng sau chất hàng cho cân rồi nhẹ nhõm gánh đi. Ra chợ, tôi được các bạn hàng của ngoại cưng chiều, quà vật món gì cũng được ăn. Ngoại nói nhờ tôi *mau mắn* mà ngoại *mua may bán đắt*, khi nào ngoại cũng hết hàng sớm. Có lẽ vì vậy mà hàng năm vào ngày ba mươi Tết, bà con láng giềng đều tìm tôi cho tiền, dặn sáng mồng một Tết phải đến nhà họ *đạp đất* (xông đất) đầu năm. *Thằng Gái* đôi khi cũng được tiền, nhưng dặn phải ở nhà, đừng đến mà mang xui xẻo cho gia chủ suốt năm.

Thằng Gái tám tuổi mà vẫn chưa chịu đi học, mẹ và ông nội nói thế nào cũng không nghe. Sau cùng, ông tìm ra giải pháp: cho *thằng Bé* đi học với *hấn* cho có bạn. Anh tôi nói đi học khó vô kể, thầy dữ lắm thường bắt học trò *quì xơ mít*, và đám học trò cũ thì hay bắt nạt đánh đập học trò mới. Tôi nghe thấy sợ quá, lên nhà ngoại trốn biệt. Mẹ phải nhờ ngoại trần tình năn nỉ, tôi thương ngoại nên xiêu lòng chịu đi học với *thằng Gái*, nhưng với một điều kiện: phải cho tôi đem theo con gà cưng.

Một buổi sáng đầu thu lạnh lạnh, trên con đường đất dẫn tới trường làng, ông nội lưng đeo bị đựng sách vở giấy mực và vai cõng *Thằng Gái* ngồi ngất ngưỡng. Tay ôm chặt chiếc lồng gà, tôi lẻo đẻo theo sau. Vậy là tôi đi học.

Nguyễn Ngọc Hoa
12 Tháng Hai, 2013

Con Moi Em

Nguyễn Ngọc Hoa

Trường làng tôi chỉ có một phòng, học sinh toàn là con trai ngồi chung và học cùng thầy. Thầy dạy từ *lớp năm* là lớp tôi với *thằng Gái* vào học cho đến *lớp ba*. Trái hẳn với lời dọa dẫm của anh tôi, thầy trẻ và hiền, chỉ la mắng mấy *thằng nhác học*. Đi học sao mà *đễ òm*; từ học vắn, tập viết, tập đọc, học thuộc lòng, cho đến làm toán cộng trừ nhân chia, tôi học một lần là lên trả bài cho thầy và được phép òm lồng gà ra sân chơi.

Mỗi chiều ông nội đến đón chúng tôi ở cổng trường, anh tôi *méc* là bị tụi lớn bắt nạt rồi làm nũng bắt nội cõng về. Trái lại, mấy đứa bạn tôi, có đứa lớn hơn anh vài tuổi, làm ngựa cho tôi cưỡi và mang tặng tôi đủ thứ đồ chơi mà bù lại tôi chỉ cần chỉ bài để *tụi hần* được thầy cho ra chơi. Tôi mang về khi thì cái *ná* bắn chim, khi thì con điều tre mới *phất*, khi thì cái lồng chim, nhưng món quà tôi đặc ý nhất là cái *ống béc*. Tương tự như cái bơm nhỏ, *ống béc* làm bằng *hóp* là thứ tre nhỏ và thẳng, một đầu có cây thụt ra vào để ép hơi và đầu kia được nén chặt bằng “đạn” làm bằng khoai lang sống nhai mịn. Khi “bắn” cục đạn khoai, hơi ép thoát ra nghe thành tiếng “béc.”

Vườn nhà nội rất rộng, trồng đủ thứ rau quả như cà rốt, su lơ, bắp sù, v.v. Hàng ngày mẹ thuê năm sáu chị người làm cắt hái gánh ra chợ bán. Các chị độ 13, 14 tuổi nói cười ríu rít và trêu chọc *thằng Gái* bằng câu hát “*Cô Bảy cô Tám hai cô anh ưng cô nào?*” nhại theo một bài nhạc thịnh hành. *Thằng Gái óc dộc* (mắc cỡ) vùng vằng chạy đi. Trước khi trẩy gánh, các chị không quên dúm cho tôi gói *keo cau* hoặc mấy cục đường phèn.

Nhà nội tôi giàu có nhưng ăn uống tằn tiện không kém ai trong làng. Mùa bắp sù, các lá già hư được tách ra giữ lại để nhà ăn, phần xanh non bên trong thì đem bán. Khi món bắp sù luộc chấm nước kho xuất hiện trên mâm cơm chiều, anh tôi *cầm rằm* suốt bữa. Anh than vãn về món cá *long hội* (tức là *lôi họng*, ý nói cá lấm xương) kho mặn chằng và cay xé họng. Tôi biết thân im thin thít, xem chừng hôm nào cơm không ngon là chạy tót lên nhà bà ngoại. Buổi chiều ở chợ về, ngoại dành sẵn cho tôi đủ thứ quà bánh, ăn không xuể.

Khi tôi lên ba, mẹ sinh thêm *thằng Sang*. Tên *thằng* bé là *Sang* nhưng nội bắt gọi là *thằng Sáng* để khỏi trùng tên với một người ở làng bên. Mẹ vừa quán xuyến nhà cửa ruộng vườn của nội vừa lo việc buôn bán làm ăn của mẹ nên không mấy khi mẹ có thì giờ cho ba anh em tôi. *Thằng Gái* ngày đêm quần quít bên nội, *thằng Sáng* thì giao cho chị vú, và tôi theo chân anh *Đờng* làm các việc trong nhà, sau vườn.

Thuở sinh tiền, bà nội ghét bỏ anh *Đờng* nên không ai dám cho anh thuê ruộng. Anh làm các việc nặng như bừa củi, đào hố, đốn cây, đào giếng, sửa nhà cửa, v.v. để sống qua ngày. Hàng ngày anh đến nhà đờn ông nội sai khiến. *Thỉnh thoảng*, *thằng Gái* cười hề hề chỉ mặt anh lập lại

câu nội thường nói, “Dòng họ Nguyễn có hai thằng sợ vợ là Nguyễn Đồng và Nguyễn Đá.” Anh vờ như không nghe thấy. Anh Đá là em ruột của anh Đồng, đi lính đâu trong *Nam Kỳ*.

Nội quên là ông cũng là một tay... nể vợ có tiếng – ngoại trừ trong giai thoại mà (khi không có mặt bà nội) ông *vung tay múa ngón* khoe khoang. Ngày còn trẻ ông ham mê cờ bạc nhưng vì sợ bà nên cho người cất chòi đánh bạc trên *độông* (đụn) cát ngoài *Bàu Tró*, một vũng lớn nước trong nhìn thấy cát dưới đáy. Bà nội biết được tức tức kêu người hộ tống ra *Bàu Tró* bắt bạc. Lúc bà xuất hiện, canh bạc đang tới hồi gay gắt. Không ngoảnh mặt, ông ném một nắm tiền cho đám lâu la, “*Tụi bây mô, trói con mụ nớ đem quăng xuống bàu cho tau.*” Mấy tên *đầu trâu mặt ngựa* sấn tới, bà hết hồn chạy *trối chết*.

Sau vườn nhà nội là nhà cậu Thằng, em họ xa của mẹ; đêm đêm tiếng than khóc vắng vắng vọng ra. Chị vú nói *con Moi em* điên điên khùng khùng, nói *ba lép ba xàm* và xé tan quần áo nên bị cậu xiềng lại nhốt trong chuồng bò. Chị thì thầm kể *con Moi em* từng bỏ nhà theo trai, cậu tìm bắt về đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Cậu còn bị làng phạt vì có con chữa hoang.

Chiều ba mươi Tết nội lẳng xăng sửa soạn cúng đón ông bà, *thằng Gái* không có chuyện làm bèn rủ đi coi *mụ điên xiên cái l... méo miệng*. Biết là điều cấm kỵ nhưng *thằng Gái* bầy đầu thì không sợ bị đòn nên tôi chạy theo. Hai anh em mon men nấp sau bụi rào thưa thì nghe tiếng đàn bà la lên, “*Ai rứa? Dòm chi đó? Qua đây coi...*” Anh tôi hoảng hốt chạy ù đi. Nỗi lo sợ của tôi tan biến khi tôi lại gần thấy *con Moi Em* trần truồng dơ bẩn, tóc rối bù bê bết bùn, đôi mắt điên dại nhưng khuôn mặt thanh tú như mẹ.



Tôi về nhà đúng lúc nội cho *thằng Gái* đi tìm về lễ ông bà. Chắp tay vái lạy trước bàn thờ, tôi chợt nảy ra một ý kiến. Tôi xuống bếp tìm một tấm mo cau mà mẹ dùng bới cơm mang theo khi đi chợ xa rồi trở lại nhà trên giả vờ học bài. Nhân lúc nội xuống nhà ngang lấy nước châm trà, tôi bước tới bệ thờ với tay lên đĩa bánh tét. Bệ thờ cao quá, nhón gót hết sức tôi chỉ chạm mép đĩa. Tôi dùng bàn tay khều mạnh khiến chiếc đĩa rơi xuống vỡ tan. Tôi vội vàng vơ hai lát bánh tét lẫn lóc trên sàn, gói trong tấm mo cau rồi chạy như bay sang chuồng bò dí vào tay *con Moi em*.

Sau khi ra giếng rửa chân, tôi lảng vảng sau hè nghe ngóng động tĩnh. Mẹ đang rầy anh Đồng và chị vú không canh chừng để mèo tha bánh tét làm vỡ chiếc đĩa gia bảo của nội. Nội can, "*Bay đừng la tụi nó mà tội*. Năm cùng tháng tận được ông bà về hưởng *rúa* là nhà mình có phước lắm." Rồi ông nói lớn như để tôi nghe, "*Mà không phải mèo tha mô, con chuột đó*." *Thằng Bé* tuổi Tý.

Nguyễn Ngọc Hoa
20 Tháng Hai, 2013

Con Chắt Mò Rạm

Nguyễn Ngọc Hoa

Nội nói họ Nguyễn *mình* đông người nhất làng. Họ có một sào ruộng cho cấy thuê lấy lợi tức dùng sửa sang từ đường (nhà thờ họ) và cúng giỗ. *Cúng* là dâng lễ vật lên thần thánh tổ tiên và *giỗ* là lễ kỷ niệm ngày chết của người đã mất. Nếu là *kỵ* (ngày giỗ) thường, họ làm heo và xuất kho hai thúng nếp, nhưng giỗ tổ thì giết bò và xuất bốn thúng nếp. Nội là tộc trưởng nên việc giỗ họ do nội quyết định.

Trẻ con trong làng hầu như chỉ được ăn thịt ăn xôi vào những ngày giỗ họ. Sau phần cúng vái tế lễ, toàn tộc mâm trên chiếu dưới theo vai vế mà nhập tiệc, ăn uống đồng đều không phân biệt giàu nghèo hay tuổi tác. Đánh chén no nê còn được mang về, mỗi phần là một gói gồm hai chén xôi đầy úp vào nhau giữa kẹp thịt ba chỉ.

Tôi mong những ngày giỗ họ, không phải vì ăn uống mà vì được gặp đám trẻ con và nghe chúng kể về đời sống đồng nội tôi hằng ao ước. Tôi mơ được như thằng Hụ chăn trâu, buổi sáng cưỡi trâu ra đồng, chiều về dẫn trâu xuống đầm tắm, dầm nước và bơi lội thỏa thuê. Tôi say sưa nghe thằng Tỏi thuật lại những lần trèo cây lấy tổ chim, bắt cả chim con lẫn chim mẹ về nuôi. Tôi muốn theo thằng Be vác cần câu ra rạch câu cá rô cá diếc đem về nướng ăn. Chuyện của mấy đứa em họ, cháu họ hay hơn các bài học *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* rất nhiều.

Nhân ngày giỗ họ tôi gặp gia đình anh Đồng. Chị Đồng đã ngoại ngũ tuần nhưng còn nhanh nhẹn, luôn tay chặt xắt và nấu nướng trong nhà bếp. Anh Đồng lấy vợ năm lên 14 tuổi, chị lớn hơn anh một giáp và gánh vác hết việc gia đình từ trong nhà ra ngoài ngõ nên anh luôn luôn nghe lời chị và chịu tiếng sợ vợ nhất làng. Anh chị chỉ có một đứa con duy nhất là thằng Đình bị Tây ruồng bấn chết, để lại đứa con gái là *con Chắt* và người vợ góa người làng kêu là *mẹ* (mụ) *Đình*.

Anh Đồng dắt *con Chắt* đến trước mặt tôi và bảo con bé, “*Mi* đứng đây *hầu ông Bé* không được đi *mô* hết; không nghe *tau* đập chết.” *Con Chắt* cùng tuổi với anh tôi mà bé loắt choắt, thấp hơn tôi nửa cái đầu. Gầy gò trong bộ áo quần vá chằng vá chịt, con bé co ro như muốn dấu mấy ngón tay sưng đỏ đầy vết trầy mưng mủ ở bàn tay phải. Tôi gọi chuyện,

“*Răng tay mi bị vẹo* (trầy) *rứa?*”

“*Bữa tê* (hôm kia) *tui* đi mò *rạm* (cua đồng) ngoài ruộng, thò tay vô hang bị *hấn* kẹp đau *thấy mồ tổ,*” con bé dạn dĩ trả lời.

Con Chắt làm thân với tôi rất nhanh; nó kể hàng ngày đi hái rau bắt ốc, ra đồng mò tôm mò *rạm* giúp *mẹ* (bà) và *đẻ* (mẹ) nó sống lây lất qua ngày. Mùa gặt thì mót lúa, mùa khoai thì lượm khoai sấu, và mùa bấp thì bơi tìm bấp lép. Tôi ngạc nhiên,

“*Răng mi* không đi học?”

“*Ăn* còn không có lấy chi mà đi học *ông ơi!* Thấy *tui* bữa đói bữa no *ông tui* không *đềng* (đành) tính bán *tui* cho nhà *ông* *Đàm* nhưng *tui* không chịu; ở nhà ăn rau ăn cháo với *mẹ* và *đẻ tui* sướng hơn,” con bé thản nhiên nói.

Mẹ nói bán con gái cho nhà giàu là cho con đi ở đợ không công suốt đời mà cùng lắm là được trả hai thúng lúa. Bù lại cô gái có cơm ăn áo mặc, và nhất là nhà nghèo đỡ một miệng ăn.



Gần một tháng nay đêm nào tôi cũng chống mắt thức chờ mẹ về. Càng cận Tết việc bán buôn càng bận rộn nên mẹ về khuya. Nhiều đêm tôi gượng không nổi ngủ thiếp đi. Có đêm mẹ mệt về sớm, dọn vén qua loa rồi đi ngủ khiến tôi không thực hiện được ý định. Hôm nay mẹ về vừa đúng lúc: tôi sắp bỏ cuộc trùm mền ngủ thì mẹ vào nhà đặt đôi quang gánh xuống.

Mẹ cởi áo ngoài mặc lên ghế rồi lấy áo quần ra giăng tắm. *Thằng Gái* nằm cạnh tôi ngủ khì, tiếng ngáy o o của nội vọng xuống từ nhà trên, và chị vú cùng *thằng Sáng* đi ngủ từ hồi tối. Tôi rón rén bước sang phòng mẹ, lần tìm túi áo bên phải cài kim băng ngay ngắn trên áo mẹ.

Hồi hộp nhưng không run tay vì đã tập mở và cài kim băng nhiều lần, tôi mở gói tiền của mẹ, rút lấy tờ bạc ngoài cùng, gấp gói tiền để lại trong túi áo rồi bình tĩnh cài kim băng lại như trước. Trở lại phòng tôi và *thằng Gái*, mở cuốn *Pháp-Việt Từ Điển* của Đào Văn Tập trên kệ sách, tôi dấu tờ bạc giữa bìa sau và tờ cuối cùng. Xong tôi lên giường ngủ ngon lành.

Sáng hôm sau mẹ xuýt xoa than để lạc mất tờ bạc 10 đồng in hình Hoàng Hậu Nam Phương, vốn liếng một ngày buôn bán. Mẹ tiếc của ứa nước mắt; mẹ chi li từng tí, từ năm 12 tuổi theo ngoại đi buôn khắp huyện khắp phủ chưa bao giờ mẹ để mất mát một xu. Nay ma dẫn lối quỷ đưa đường khiến mẹ mất món tiền to. Chị vú đề nghị,

“*Túi ni* (tối nay) *mự* (thím) mua nải chuối về cúng Thổ Công, biết *mô* tìm lại tiền.”

“Ờ, tìm được *tau* cúng nguyên con gà,” mẹ đồng ý nhưng không mấy tin tưởng.

Tờ bạc Nam Phương nằm trong cuốn đại tự điển cho đến ngày ba mươi Tết. Trong lúc cả nhà sửa soạn ăn Tết, nội bận rộn cúng đón ông bà, và anh Đồng ngồi canh nồi bánh tét ở sau hè, tôi xin phép mẹ lên nhà ngoại chơi. Tôi rủ *thằng Gái* cùng đi và dĩ nhiên anh từ chối. Ra khỏi cổng, tôi không lên nhà ngoại mà rẽ xuống nhà anh Đồng ở bìa làng.

Nhà anh là một túp lều tranh vách đất mỗi bề chừng ba thước cất sơ sài trên bãi đất vắng vẻ. Nhà trống vì mọi người ra đồng kiếm ăn từ sáng. Trong nhà chỉ có cái bếp *ba ông táo* ở góc trong cùng, một chiếc bàn nhỏ xiêu vẹo dựa vách, và mấy tấm chiếu rách cuộn gọn gàng nằm giữa nhà. Tôi vội vàng đặt tờ bạc trên bàn, lấy hòn đá dằn lên rồi chạy như bay ngược lên nhà ngoại.

Tối Giao Thừa, tôi lấy bộ áo quần mới vuốt phẳng phiu và đánh *xia* đôi *xăng-đan* (sandales) để ngày mai mừng một Tết đi *đạp đất*. Trong giấc ngủ, tôi mơ thấy con Chắt xúng xính trong bộ áo quần mới.

Nguyễn Ngọc Hoa

11 Tháng Ba, 2013

Chuyện Tình Chú Lam

Nguyễn Ngọc Hoa

Chú Lam về phép. Chú là em họ của cha tôi nhưng cha mẹ mất sớm nên chú được ông bà nội đem về nuôi từ thuở bé. Từ ngày bà nội mất đây là lần đầu tiên chú về thăm nhà. Ông nội cho làm heo cúng ông bà và mời bà con họ hàng ăn mừng *ông quan một* oai phong trong bộ quân phục ka-ki trên cầu vai gắn lon mới toanh.

Chị vú kể ngày trước chú học giỏi lắm; học ở trường tỉnh đậu bằng Tiểu Học rồi vô Huế học trường Khải Định. Cuốn *Pháp-Việt Từ Điển* và nhiều sách Pháp trên kệ sách là của chú. Chú *thương* một cô gái trong làng nhưng bà nội nhất định không tán thành vì chú tuổi Ngọ mà cô ấy tuổi Dậu, *Tý Ngọ Mẹo Dậu tứ hành xung*. Hơn nữa, bà nói *mua heo chọn nái lấy gái chọn dòng*, mẹ cô ấy là người lẳng lơ trác nết. Thời con gái tát nước ngoài đồng có lần bà ta hát gheo ông nội lúc đó là trai tơ chưa vợ.

Cô gái *thương* chú trốn nhà vô Huế, nhưng chú là học trò chưa đủ sức đùm bọc người yêu nên cô bị cha tìm bắt về. Đồng thời, bà nội triệu chú về bắt lấy vợ. Thím Sẻ lớn hơn chú mười tuổi, đảm đang và hiền hậu *cả đời không mất lòng ai*. Không bằng lòng nhưng chú không dám cãi lời *bác Thông gái* (tức là bà nội, Thông là tên của cha tôi) dày công dưỡng dục. Chú chỉ không gần gũi đụng chạm đến cô dâu.

Để khỏi phải ở nhà, chú *đăng lính* và ở luôn trong đồn; khi nào bà nội cho người nhắn chú mới về nhà, mang theo giường bố kê ngủ ở phòng ngoài, không buồn ngó ngang đến thím. Sau ba năm làm dâu mà không chồng, thím Sẻ buồn tình ra làng xin *để* (ly dị) chú.

Chuyện kể rằng chú Lam không muốn làm sĩ quan nhưng một hôm chú ngủ mơ bằng tiếng Pháp bị ông *thượng sĩ* thường vụ nghe thấy. Ông ta nghĩ chú cà mềng mà muốn *làm le* nên buộc chú làm đơn xin học sĩ quan, định làm chú mất mặt cho bỏ ghét; không dè vì vậy mà chú trúng tuyển và “bị” gửi vào trường Võ bị Liên quân Đà Lạt.

Tốt nghiệp trường võ bị, chú quyết định dùng thời gian nghỉ phép về thăm quê nhà trước khi đi Sông Cầu nhận nhiệm sở.

* * *

Ông Há có họ với mẹ ngày trước cũng học trường Khải Định, đậu bằng *đít-lôm* (diplôme) (tức là tốt nghiệp Trung Học Đệ Nhất Cấp) và rất giỏi tiếng Pháp. Ông làm thông ngôn, mang lon trung sĩ nên được gọi là *Đội Há*. Ngôi nhà hai tầng của ông là căn nhà lâu duy nhất trong làng, nằm ngay góc đường cái và đường làng chính dẫn lên nhà ngoại.

Đội Há hách dịch và phách lối, ai cũng ghét nhưng gặp thì khúm núm sợ sệt. Không ai muốn làm ông phật lòng vì chỉ cần một lời thông dịch ác ý của ông là toàn gia bị sát hại. Chứng cứ là

năm xưa dẫn lính Pháp bố ráp làng Hoàn Lão, ông điếm chỉ cho Pháp bắn chết gia đình giàu có nhất làng, không ai sống sót.

Sợ Đội Há, người ta sợ cả con ông là thằng Xê trạc tuổi *thằng Gái*. Thằng Xê ỷ thế cha tác oai tác quái mà không ai dám kêu ca, tự an ủi *một sự nhin chín sự lành*.

Hôm ấy tôi đi lên nhà ngoại; thằng Xê chặn đầu đòi nộp tiền mãi lộ. Vốn nhát như cáy, tôi chạy về nhà hậm hực với *thằng Gái*, “*Tổ cha* thằng Xê không cho *tui* lên *mệ* (bà) ngoại.” Anh tôi nổi giận chụp cây *cặng* dài lặn lưng rồi kéo tay tôi đi. *Cặng* (nơi khác gọi là *khặng*) là trò chơi gồm hai cây tre hay củi tròn, cây dài chừng ba tấc và cây ngắn khoảng một tấc; khi chơi cây dài được dùng để đánh cây ngắn.

Thằng Xê còn đứng giữa đường diệu võ dương oai, to lớn dềnh dàng đứng cao hơn *thằng Gái* nửa cái đầu. Thấy chúng tôi đến nó la lối,

“*Tau* chấp cả nhà *bây*. Thằng Thông về *tau* cũng *đập* chết cha *hấn* luôn.”

“*Tổ cha* thằng Há làm bồi cho Tây đừng *phách chó*,” anh tôi không chịu kém chửi trả.

Thằng Xê nổi xung tiến tới thoi vào mặt anh. Dùng thế cận chiến chú Lam dạy, anh tránh sang một bên, tay trái đỡ nắm thoi tay mặt phang cây *cặng* vào mông đối thủ. Thằng Xê đau điếng đưa tay ôm mông thì anh tôi chuyển thế xoè bàn tay trái thúc vào mặt nó khiến máu mũi tuôn ra. Thằng Xê sợ điếng hồn ôm mặt chạy vào nhà.

Một phút sau, *Đội Há* xuất hiện trên bao lơn, chỉ tay xuống giận dữ,

“*Tổ cha* *thằng Gái* dám *đập* con *tau* sặc máu mũi. Đồ con không cha, *tau* bỏ tù *mi* chừ.”

Không hề sợ hãi, anh tôi vạch quần ra rồi ưỡn bụng,

“Bỏ tù con c... *tau* nì!”

* * *

Trước khi lên đường, chú Lam đưa mẹ tôi bưng *khay cau trầu rượu* lên nhà ông *Đội Há*; mẹ xin lỗi vì *con đại cái mang*. “*Nể mặt quan một* là người đồng môn và *o* (cô) Thông là kẻ biết điều,” ông đồng ý bỏ qua cho *thằng Gái* lần này. Anh tôi không bị mẹ mắng mà cũng chẳng bị nội cho ăn roi mây về tội “*trở c...*” với ông *Đội*.

Hôm sau, một đêm hè nóng nực, tôi ngủ mê mệt thì nghe tiếng gọi, “*Anh Bé, anh Bé* dậy đi!” Trong giấc mơ, tôi mở mắt nhìn: *con Moi em* lay vai tôi, đôi mắt cô tinh anh và nét mặt hiền hòa. Tôi tiếp tục ngủ thì tiếng gọi cấp bách hơn, “*Anh Bé* dậy mau kéo trẻ!” Giật mình nhồm dậy, qua cửa sổ tôi thấy lửa cháy đỏ rực bên nhà cậu *Thằng*.

Tôi lính quýnh đánh thức mẹ và nội dậy. Nội gióng mõ báo động, mõ chuyền từ nhà này sang nhà khác gọi trai tráng trong làng xách gàu đi chữa lửa. Tiếng mõ hòa với tiếng la “*nhà cháy*” vang dội khắp làng. Thu thập vội vàng các vật dụng quý giá cho vào chiếc thúng, thúng kia thì đặt *thằng Sáng*, mẹ quảy gánh kéo tôi và *thằng Gái* lên nhà ngoại lánh nạn.

Nhìn về phía nhà cậu Thăng giờ là một đồng tro tàn, nội tuyên công, “Nhờ *thằng Bé* nửa đêm dậy đi đái mà lửa không cháy lan qua nhà mình.” Tôi hỏi về *con Moi em* thì anh Đồng tường thuật vắn tắt, “*Hắn* đốt nhà rồi nhảy vô lửa. Chết rồi!”

Tôi hiểu tại sao khi kể chuyện tình của chú Lam, chị vú đã không nêu tên người yêu năm xưa của chú. Tôi không nói ai nghe tại sao tôi thức giấc giữa đêm.

Nguyễn Ngọc Hoa

30 Tháng Ba, 2013

Cơn Giận Con, Nỗi Đau Mẹ

Nguyễn Ngọc Hoa

Mẹ tôi nói cha đi lính đánh giặc xa, ít khi được nghỉ phép về thăm con. Trong ký ức của *thằng Bé*, cha xuất hiện đầu tiên lúc cậu bé hơn ba tuổi. Tôi ở nhà ngoại đùa giỡn với con gà cưng thì cha lên đón về. Cha mặc bộ quần áo bốn túi trắng tinh, đi xe đạp *Dura* sáng loáng. Ngoại bỗng tôi đặt lên giá mang hành lý, bắt dang rộng hai chân, và dặn phải nắm chặt yên xe cho khỏi té.

Gần về tới nhà, đôi chân mỏi nhừ, tôi sơ ý sút bàn chân phải vào *tấm* (nơi khác gọi là *cắm*) xe trong lúc cha tiếp tục đạp. Đau quá, tôi la lên và buông tay ngã đập mặt xuống đường, bất tỉnh. Lúc tỉnh dậy thì cha đi rồi, tôi chưa có dịp nhìn rõ mặt cha.

Bưu tá đưa giấy về làng báo tin nội có thư bảo đảm. Khăn đóng áo dài, nội cùng anh Đồng lên tỉnh lãnh gói hàng cha gửi về. Mở thư ra đọc, nội trầm ngâm một mình, đợi tối *mẹ Gái* (nội gọi mẹ) đi chợ về kêu mẹ lên nhà trên. Tôi và *thằng Gái* nhảy ra khỏi giường nấp sau tường nghe *lóm*.

Xa mẹ cha *lấy* một người đàn bà khác; đi *có mang* hai tháng thì sẩy thai và cha lượm bào thai gửi về. Cha dặn nội đem bào thai ra nhà thờ họ làm lễ phát tang và chôn cất giống như con *hữu sinh vô dưỡng* (có sinh mà không nuôi được). Nội khó nghĩ vì điều *cha Gái* (nội gọi cha) mong muốn trái với phong tục; tuy nhiên, cha thừa kế trượng tộc và có *chức phận*, bảo gì nội phải nghe. Từ đầu đến cuối mẹ khóc, không nói một lời.

Đợi mẹ và nội ra khỏi phòng, hai đứa lên vào ra xem. Chiếc hộp trên bàn màu mun đen tuyền, bên trong lót nhung vàng, đựng ba cái *bầu giác*, mỗi bầu chứa một lát thịt bầy nhầy đỏ tái, đặt lên trên bằng một cục bông gòn lớn. Bầu giác là cái lọ nhỏ hình quả bầu dùng để “giác” tức là hút máu hay hơi trong thịt để chữa bệnh.

Đêm đó, nội dậy châm *điếu bình* hút thuốc liên miên, mẹ thút thít trong phòng, và anh tôi nằm mở mắt nhìn lên nóc mùng.

Sáng sớm *thằng Gái* rủ tôi đi *đồng*, tức là làm việc bài tiết ngoài đồng vì nhà quê không có cầu tiêu. Xong việc, anh tôi dùng que gỗ *vếch* cục phân lớn gói vào trong tấm lá chuối khô. Anh bắt tôi thề không được nói với ai, nếu không nghe, “*Tau mặc kệ cho *thằng Xê* đập *mi*.*”

Thời may, chúng tôi về nhà thì nội có việc ra ngoài. *Thằng Gái* mở hộp, lật lớp nhung lót lên, và trét hầu hết cục phân vào đáy hộp. Phần còn lại, anh chia ba cho vào bầu giác rồi đặt bông gòn lại như trước. Xong, hai anh em ra giếng rửa tay rồi đi học bài.

Chiều lại tôi nghe nội tăng hăng ở nhà trên và gọi anh Đồng, “*Mi* đem chôn cái hộp *ni* ở góc vườn cho *tau*. *Hắn* có mùi rồi, để lâu trong nhà *không nên*.” Tôi thắc mắc trong đầu, tại sao có một bào thai mà cần đến ba cái bầu giác?

* * *

Chúng tôi đi Huế thăm cha. Đây là lần đầu tiên tôi ra khỏi làng quê và nhất là được đi máy bay ngồi trên cao thấy người đi và xe chạy dưới đất như kiến bò. Phi cơ đáp xuống sân bay Phú Bài, cha đem xe *đốt-cát* (Dodge 4x4, đọc theo tiếng Pháp) nhà binh ra đón đưa về Lăng Cô, nơi cha đóng đồn và thuê nhà ở với dì Cúc.

Bà chủ nhà đón tiếp chúng tôi rất niềm nở. Bà trạc tuổi mẹ, góa chồng, và có cô con gái tên Yến trạc tuổi tôi. Dịu dàng trong chiếc *áo tay phùng* màu hồng, Yến trông khác hẳn mấy đứa con gái làng tôi. Bà chủ nhà nắm tay mẹ, đầy thiện cảm dặn dò, “Chị yên tâm ở đây, không sợ ai ăn hiếp; *tui* có võ Bình Định không ngán ai hết.”

Dì Cúc trẻ hơn mẹ, cố gắng chiều lòng chúng tôi nhưng từ lúc gặp dì *thằng Gái* đã hẳn học, mặt hầm hầm, và ăn nói cộc lốc. Ngay đêm đầu tôi nghe cha chửi mẹ *xuất giá tòng phu* mà không vâng lời chồng mang đủ tiền cho cha trang trải nợ nần. Mẹ biện bạch thời buổi gạo châu củi quế buôn bán ế ẩm lại phải nuôi ba đứa con dại, mẹ đã hy sinh vợ vét hết mới có được món tiền ấy. Khi mẹ van cầu cha bớt ham mê cờ bạc vớt tiền qua cửa sổ, ông to tiếng và chửi tục.

Bà chủ nhà đãi chúng tôi ăn bún mắm sò, món đặc sản Lăng Cô. Vốn tham ăn và lạ miệng, tôi ngốn một lúc bốn tô. Ăn mắm sò lạ bụng, tôi bị tiêu chảy, mẹ và dì Cúc bắt nằm ngửa lấy dầu tràm thoa lên bụng. Cha chửi mẹ, “*Mi* để *thằng con chó đói* thèm ăn khát uống lâu ngày.”

Mẹ và *thằng Sáng* ngủ trong phòng với cha, tôi và *thằng Gái* ngủ chung với dì Cúc ở phòng bên, mỗi đứa nằm một bên. Nửa đêm tôi thức giấc vì lưng bàn tay đụng vào một khối thịt tròn mềm mại tựa quạu không ngừng. Mở mắt, tôi thấy cha nằm trên người dì Cúc, thân hình nhấp nhúm liên hồi. Cha nạt đứa, “*Ngó chi, ngủ đi!*” *Thằng Gái* cần nắn, “Đ... lằm rằm như *chó lạ*, làm *răng* mà ngủ?”

Trong bữa cơm tối cả nhà không ai lên tiếng, ngoại trừ dì Cúc mời mẹ và dục chúng tôi ăn. Tôi lấy muỗng múc canh vào chén thì bất thần lãnh một cái *cú đầu* đau điếng; cha mắng, “*Đồ ngu như heo*, đã dặn để đôi đũa xuống rồi mới múc canh, *răng mi* không nghe?” Nhìn thẳng vào đôi mắt long lên vì giận dữ của cha, giữ nguyên đôi đũa trên tay, tôi cầm muỗng múc canh một lần nữa và nghiêng răng chịu cái *cú đầu* thứ hai; lần này cha đánh thẳng tay không thương tiếc.

Tôi và *thằng Gái* lĩnh ra ngoài khi cha lùa cả mâm đồ ăn xuống đất. Sau khi mẹ và dì Cúc dọn lại bàn ăn, dì gọi chúng tôi vào ăn. Thấy cha bắt đầu ăn trở lại, *thằng Gái* nói lớn, “Không ăn; đồ ăn đồ rồi cho *heo* ăn đi.”

Đêm cuối cùng, cha mẹ lại cãi nhau. Cha chửi, “*Mi* là con vô học để ra hai *thằng con mất dạy. Liều hồn*, có ngày *tau* lấy súng bắn chết hết.”

Cha cho lính đưa chúng tôi ra phi trường, không một lời từ giã. Mẹ mừng cha không đánh đập mẹ như mọi lần – có lẽ nhờ bà chủ nhà che chở. Từ lúc bị *cú đầu* đến khi về làng, tôi chưa có một hột cơm vào bụng.

Nguyễn Ngọc Hoa
25 Tháng Ba, 2013

Người Lú Nghé Lì

Nguyễn Ngọc Hoa

Những ngày hè, khoảng đường làng chính bên hông nhà ông Đội Há là sân chơi của bọn trẻ con. Hai trò chơi thông dụng là đánh căng và đá *kiện* (nơi khác gọi là *cầu*). Cái *kiện* làm bằng *giấy dầu* (giấy bóng) bọc đồng tiền Khải Định có lỗ vuông làm đế và kết chùm ở phía trên. Tôi là *nhóc tí* nên không được nhập bọn, thèm thường đứng nhìn mấy đứa lớn vừa chơi đùa vừa nói cười to tiếng.

Từ cửa bên hông nhà, con Cúi thập thò một lúc rồi hỏi,

“*Mi* biết chơi ô làng không?”

Con gái duy nhất của ông Đội, nó hơn tôi hai tuổi và là em họ tôi. Tôi bẽn lễn lắc đầu thì con bé hăng hái,

“*Muốn học tau* chỉ cho.”

Con Cúi thành thạo lấy phấn kẻ ô vuông trên sàn gạch rồi dạy tôi dùng những viên sỏi nhỏ “*đi*” vào những ô vuông.

Hai đứa chơi *yên thấm* thì thằng Rọm lại gần. Thằng này có tiếng là sùng sỏ ưa gây sự vì *ý thế* mẹ là mẹ Ruộng hung dữ binh con chăm chặp trong lúc mọi người chủ trương *đĩ hòa vi quý*, tránh chuyện *con nít mất lòng người lớn*. Khác với thằng Rọm, bọn trẻ con dẫu biết những chuyện ấu đả bên ngoài, vì cha mẹ mà biết được thì mình bị ăn đòn trước tiên, không cần biết lỗi phải. Thằng Rọm đưa tay làm bộ xóa ván ô làng và hát chọc con Cúi,

“*Con gái chơi với con trai; rồi mai cặp bụ (vú) bằng hai trái dứa.*”

Con Cúi mắc cỡ, cong môi xí lên một tiếng rồi chạy vào nhà. Đến lượt tôi, thằng Rọm cười hề hề chỉ vào một cây *thầu đầu* (sầu đông) gần đó,

“*Làm cấy dôông (vợ chồng) với con Cúi, mai mốt con c... mi to bằng cội (gốc) cây nớ, làm răng mi mặc quần?*”

Vốn kém ăn nói, lại sợ run vì thằng Rọt đứng cao gần bằng người lớn, tôi đỏ mặt tía tai lắp bắp,

“*Cha tau làm trung úy, bữa mô cha về tau đem lựu đạn bỏ vô nhà mi cho chết hết.*”

Câu nói lúng búng trong miệng ấy càng khiến tôi trở thành miếng mồi ngon cho thằng Rọm.

Hắn cười khi khi ra tài vãn về,

“*Cha mi đi lính thủ khôì; về nhà cóc đập, ra đồng dù khom!*”

Trẻ con làng tôi rất giỏi về cách nói lái, đảo ngược âm và giọng của hai tiếng thành ra hai tiếng khác, và thường dùng lối nói này để đùa giỡn. Khi nói lái (theo kiểu miền Trung), “*thủ khôì,*” “*cóc đập,*” và “*dù khom*” trở thành những hành động tục tĩu vì trong thổ âm làng quê “*khu*” là đít hay tròn và “*đóc*” chỉ bộ phận sinh dục phái nữ.

Tôi giận điếng người, đứng sững không nói nên lời, nhưng thằng Rọm chưa chịu ngừng. Nó quay về phía *thằng Gái* kêu lớn,

“Ê thằng Thông lớn, lại đây *tau* lột lon cho biết tay.”
Anh tôi nào phải tay vừa, anh bỏ cây cặng xuống chỉ mặt thằng Rọm,
“*Mi* kêu con Ruộng ra đây cầm c... *tau* chớ lột lon lột lá ai.”

Ngày trước cha thằng Rọm, anh Cột, mắc chứng thích phô bày chỗ kín ra nơi công cộng và thường “hành sự” trong những lễ lạc có gánh hát trình diễn ở đình làng. Nấp trong bóng tối cuối sân đình, anh lén vạch quần lấy của quý bỏ vào tay mấy cô gái làng đứng chấp tay sau lưng xem hát. Nạn nhân thường mắc cỡ bỏ chạy, nhưng hôm ấy anh không may gặp nhằm chị Ruộng đánh đá có tiếng, thường chửi bọn con trai chọc ghẹo sàm sỡ vuốt mặt không kíp. Nắm chặt vật ấy trong tay, chị vừa kéo mạnh vừa la làng; đau quá chịu không nổi, anh cũng la oai oái. Anh bị mõ làng vật xuống trối ké; làng phạt một quan tiền về tội xúc phạm thuần phong mỹ tục và bắt bưng *khay cau trầu rượu* tới nhà chị xin lỗi. Duyên gặp gỡ ấy khiến anh chị gần gũi rồi nên vợ chồng. Sau khi thằng Rọm ra đời, anh bỏ làng theo kháng chiến.

Bị chạm nọc, thằng Rọm nổi khùng nhào tới đánh *thằng Gái*, nhưng làm sao địch nổi anh tôi. Từ ngày tập thành thạo thể võ cận chiến của chú Lam, anh không còn bị ai bắt nạt. Chỉ một loáng sau, thằng Rọm ôm mũi chảy máu chạy dài. Cậu Há đứng trên bao lơn vỗ tay cười ha hả,
“Việt Minh đánh với Quốc Gia, Việt Minh thua chạy có cờ!”

Đó là lần đầu tiên tôi nghe hai danh từ “Việt Minh” và “Quốc Gia.” Để tìm hiểu, tôi lục mấy thùng sách báo mà cha và chú Lam để lại đọc ngẫu nhiên. “Phòng” đọc sách của tôi là sành nhà dưới *bộ gõ* (bộ ngựa, phản, hay ván) dày hai tấc mặt láng bóng của nội. Trưa hè, trên thì nội nằm ngáy ò o, dưới thì *thằng Bé* dựa lưng vào *chân kê ngựa* chạm trở hình con rồng uốn lượn, mò mẫm tìm hiểu những tin tức cũ, những bài bình luận lỗi thời, và các truyện ngắn, truyện dài, và cả tài liệu huấn luyện của trường Võ bị Liên quân Đà Lạt.

Tôi đọc quên ăn quên ngủ nên bị *thằng Gái* gọi là con mọt sách. Tuy hiểu đôi chút về tình hình đất nước, càng đọc tôi càng rối đầu vì càng có thêm vô số thắc mắc về chiến tranh, hòa bình, phe phái chính trị, v.v. Thỉnh thoảng, tôi đem hỏi người lớn thì câu trả lời luôn luôn là,
“*Mi* con nít biết chi mà hỏi mấy chuyện *nớ*”; nghĩa là “*tau* không biết.”

Nếu rán hỏi gặng sẽ lãnh một cái cú đầu đau điếng,
“Thằng *ni* lì lợm như trâu.”

* * *

Mùa hè đó mẹ *nằm nơi* sinh em *thằng Sáng*; ngoại nghỉ buôn bán để săn sóc mẹ *nằm chỗ*. Ba anh em tôi là học trò không được lai vãng vào chỗ mẹ *nằm bếp* (nơi sinh đẻ ở gần bếp), sợ bị *phong long* nghĩa là bị ô ứ làm cho xui xẻo mà học ngu, và buổi sáng phải đi tiểu vào bình lớn để cho mẹ dùng. Chị vú nói mẹ đẻ còn non ngày, phải ăn cay nuốt đắng; mỗi lần “uống thuốc,” mẹ nhai hết một *nạm* (nằm) củ *nén* rồi bưng ly nước tiểu nhắm mắt nốc một hơi. (Củ nén nhỏ bằng đầu đũa, màu sáng chói, và mùi vị gần giống tỏi.) Nhớ bài học *Vệ Sinh Thường Thức*, “con mọt sách” hỏi một câu ngờ ngẩn,

“Vì *răng* mẹ phải uống nước đá *như nhóp* như *rứa*?” Chị vú giận làm thinh.

Ngày hai cữ, chị vú quạt bếp than để dưới *giường cữ* có vạc tre cho mẹ hong gọi là *nằm lửa*.
Tôi bần khoăn níu tay ngoại,

“*Răng* trời nóng *hầm* như như *ri* mà mẹ còn phải hơ *lửa*?”

Nhìn tôi với cặp mắt nghiêm khắc, ngoại mắng – lần đầu tiên trong đời,

“Chuyện người lớn, *mi* biết chi mà hỏi?”

Em tôi mất trước lễ *khảm thán* (đầy thán) nên không có tên mà chỉ được gọi là *thằng qua*. Anh Đồng nói em *hữu vị vô danh* (có sinh mà không có tên) thuộc về loài ranh chứ không phải loài người; theo phong tục không được chôn lẫn với người lớn, cha mẹ không khóc và không thờ tự gì cả.

Tôi không biết em mặt mũi ra sao, sống được mấy ngày, xác chôn ở đâu, và tại sao không gọi bằng cái tên Quyền đẹp đẻ mà nội đã lựa chọn. Với quá nhiều câu hỏi về “chuyện người lớn,” tôi bị cú đầu mõi thành con trâu con.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Ba, 2013

Dấu Chết Không Là

Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Bảy 1954, hiệp định *Giơ-Neo* (Genève, tiếng Pháp) được ký kết, hứa hẹn mang lại hoà bình nhưng lại chia cắt đất nước theo sông Bến Hải, ranh giới phía nam của tỉnh nhà. Căn nhà trên của nội trở thành nơi tụ họp của hầu hết những người khá giả trong làng. Họ ngồi quanh chiếc bàn vuông khảm xà cừ suy đoán tình hình chính trị, mong tìm giải đáp cho câu hỏi: di cư vào Nam hay ở lại quê nhà? Họ uống nước chè, châm *điếu bình* hút thuốc, và hăng say bàn cãi mà không để ý đến thằng bé con chưa đầy sáu tuổi nằm đọc sách ở dưới *bộ gõ* và lắng nghe mọi lời thảo luận.

Dù kiến thức non kém, con “mọt sách” tí hon cũng nhận ra những người này, kể cả nội, không những mù mờ về thời cuộc mà hầu hết suốt đời sống an phận thủ thường nơi thôn dã nên thế giới của họ chỉ quanh quẩn ở dăm ba huyện lân cận trong vùng. Ai cũng chủ trương “ở lại” và muốn người khác góp thêm lý lẽ đồng ý với mình. Ông Đàm, người giàu có và thế lực nhất làng và bạn tin cẩn của nội, cả quyết trong vòng hai năm sẽ có *hiệp thương*, nghĩa là hai bên sẽ thông thương và tổ chức tổng tuyển cử; trước sau cũng trở lại quê nhà nhưng,

“*Chừ* (bây giờ) mình vô trong *nớ* đất khách quê người lấy chi mà sống, nhà cửa không có, thủy thổ không hợp, và *người đàng trong* khôn ngoan lừa lọc chớ không *thiệt thà* như người mình.”

Mấy tuần nay, mẹ bỏ buôn bán; đôi quang gánh nằm buồn thiu ở góc nhà ngang. Mẹ đi ra đi vào luôn miệng than,

“Thời buổi *chộn rộn* ra chợ cả ngày chẳng có ma *mô* (nào) thềm *đoái hoài đoái quở*,” rồi mẹ lo ra,

“Cứ như *ri* (thế này) chắc sẽ đói cả lũ, ngồi không núi vàng ăn cũng lờ.”

Chị vú xin nghỉ việc về quê trên làng Lộc Đại. Cha mẹ mất sớm, chị về ở với gia đình tôi từ năm lên bảy, lúc đầu làm việc lật vật trong nhà cho bà nội rồi dần dần giúp việc bếp núc và chăm sóc ba anh tôi, nay đã hơn mười lăm năm. Chị về để gặp người thân duy nhất còn lại là ông anh bỏ làng đi theo *bên tề* (bên kia) khi chị mới chập chững biết đi. Khi chia tay, chị gạt nước mắt nói nhỏ bên tai tôi,

“*Thằng Bé* vô trong *nớ* (đó) học cho giỏi nghen.”

Trong lúc thằng Sáng khóc ngắt níu tay chị và đôi mắt *thằng Gái* đỏ hoe, tôi nhìn tấm lưng gầy gò tất tả bước đi và tự nhủ mai một lớn lên tôi sẽ tìm gặp và tặng chị, bà mẹ thứ hai của anh em tôi, chiếc vòng ngọc bích giống như của mẹ mà chị hằng ao ước.

Trên đường lên nhà ngoại, con Cúi hình như đã chờ nhiều ngày, đón đường và hấp tấp kéo tôi vào sân sau nhà cậu Há thì thầm,

“*Mi* về nói với *mạ mi* tìm đường mà đi, ba *tau* nói *họ* vô là nhà *mi* không ai sống nổi. Ngày mai gia đình *tau* đi máy bay vô Huế.”

“*Răng* (sao) phải đi? Ông Đàm nói hai năm nữa là thông thương,” tôi ngơ ngác trả lời.

“Thông thương cái... cục *kít*, ai mà không biết con *ông nó mần to* (làm lớn) *bên tề*? Có phải như cha mi *mô* (đâu)?”

Trước khi chia tay, con Cúi dặn dò,

“*Vô* trong *nớ*, *mi* kêu *tau* bằng tên đi học là Yên Thu nhen.”

Ban đêm nằm măn *bụ* (vú) ngoại, tôi kể lời ông Đàm và con Cúi và mơ ước,

“*Ước* chi con là Tề Thiên Đại Thánh, hoá phép để con được ngủ với ngoại như *ri* mãi.”

Ngoại dịu dàng vuốt tóc tôi và nói ngày trước cậu Các cũng mê truyện *Tây Du Ký*. Ngoại mong ngày cậu Các về,

“*Cậu mi* lên núi *rúra* (vậy là) là mười sáu năm; năm *ni* (nay) ba mươi ba tuổi, không biết *hấn* có vợ con chưa.”

Trường làng đóng cửa cả tháng nay, và từ các cuộc bàn thảo ở nhà trên tôi nghe nói gia đình thầy Trình chuẩn bị di cư nên ngạc nhiên khi thấy thầy xuất hiện ngoài cổng. Thầy cẩn thận nhìn trước ngó sau rồi đi nhanh như chạy vào nhà ngang gặp mẹ. Dạy tôi và *thằng Gái* ở trường làng hơn hai năm, thầy cho biết *thằng Gái* học ngang với *lớp ba*, còn *thằng Bé* thì,

“*Hấn* học hết sách của *tui*; cả năm *ni tui* phải cho bài riêng mà không có trò *mô* hiểu tới.”

Trước khi ra về, thầy tặng tôi cuốn sách *Toán học Lớp nhất* của Trần Tiểu thầy đã gửi mua trong Huế.

* * *

Đôi ba ngày lại có một toán cán bộ đến “*thăm*” nội; họ đội nón cối màu xanh cứt ngựa và mang *dép Bình Trị Thiên* để cắt ra từ võ xe hơi phế thải và quai dép là những dải cao su cắt từ ruột xe. Những người này rất lễ phép, một điều “*Thưa bố*” (họ gọi nội), hai điều “*Thưa chị*” (họ gọi mẹ), nhưng cặp mắt láo liên soi mói như muốn đào bới mọi góc kẽ trong nhà và luôn tay ghi chép vào cuốn sổ con. Chiều lại, những người khách không ai mời này gọi mẹ,

“*Chị ơi*, *chị* có gì ‘*bồi dưỡng*’ cho chúng em không?” nghĩa là họ đòi ăn và dĩ nhiên mẹ phải tuân theo.

Mấy anh cán bộ ăn nhanh như chớp và chỉ một thoáng là vết sạch nôi, không bao giờ chừa lại phần cho chủ nhà. Họ đi rồi, *thằng Gái* rửa,

“*Thứ* mọi ở trong rừng trong rú mới ra, tham ăn như heo!”

Nằm dưới *bộ gõ*, tôi thót ruột khi mẹ Ruộng và *thằng Rọm* bước vào nhà; mẹ mà *méc* anh tôi đánh *thằng Rọm* thì thế nào hai đứa cũng bị đòn quắn đít. Mẹ ngang nhiên kéo ghế ngồi *tréo mảy* đối diện với nội. Cố nén giận, nội hỏi xằng,

“*Chị* tới có chuyện *chi*?”

“*Tui* tới chơi coi nhà cửa của mấy người ra *răng*,” mẹ xấc xược trả lời.

“Để làm *chi*?” nội hỏi vặn.

“*Ngày* ‘*nhân dân*’ về ‘*tiếp thu*’ sắp tới rồi,” mẹ mở nụ cười đắc thắng.

Trong lúc mẹ Ruộng lên giọng kể cả hạch hỏi về cha tôi và chú Lam, *thằng Rọm* đi quanh nhà chỉ trở lung tung. Sau cùng, *hấn* lắc vai mẹ và lấy tay chỉ,

“Vú (mẹ) ơi, tui ưng (thích) bộ ngựa ni.” Cầm tay thẳng Rọm, mẹ đứng dậy,
“Ờ, đợi bộ (bố) mi về rồi tính, hấn nằm chỗ nớ chờ đi mô mà lo.”

Cha thẳng Rọm là ông Cột theo kháng chiến từ khi hấn mới ra đời.

Mẹ con mẹ Ruộng đi rồi, nội hết nén lòng nổi buột miệng chửi trống “Tổ cha mi” rồi xuống nhà dưới lấy cây rựa chẻ củi nội dùng cạo lưng khi ngồi tắm bên bờ giếng. Đứng giữa phòng xuống tấn, nội nhảy lên vung rựa múa một đường, hét lên một tiếng thật lớn rồi chém liên tiếp mấy nhát trên mặt ngựa. Tôi sợ rúm cả người, đợi một lát lâu mới dám nhìn ra; nội quỳ mọp trước bàn thờ, trán dựa lên lưõi rựa đặt nằm trên sàn nhà, vai rung rung khấn khứa.

Tin ông Đạm uống thuốc phiện với dấm thanh tự tử và bà Đạm thắt cổ nhảy xuống giếng chết theo khiến nội thần thờ cả buổi. Con ông là chú Định theo bên tể làm đến chức tỉnh uỷ. Trong nhiều năm qua, gia đình ông đã ủng hộ kháng chiến hết mình, đóng góp tiền bạc, và liều mạng che dấu nhiều đồng chí của chú. Chú cho người nhấn về với “vợ chồng tên địa chủ” mang “nợ máu với nhân dân” phải sẵn sàng “chờ ngày đền tội.”

Đêm hôm ấy nội xuống nhà ngang nói chuyện với mẹ; tôi với thằng Gái rình nghe chữ còn chữ mất,

“Cha Gái là người có chức phận trong nớ... Mẹ Gái cần lo tương lai con cái... Bộ (bố) quyết không đi mô hết...”

“Ông không thấy gương chú Đạm hay rặng?” mẹ cố thuyết phục nội.

“Thằng Định đe dọa ‘đấu tố’ cốt để giục già vợ chồng chú nớ di cư; biết rựa mà họ thà chết,” nội giải thích.

“Con làm rặng bỏ ông mà đi; lúc ông đau yếu ai lo?” mẹ thút thít.

“Bộ từng ni tuổi đầu chết cũng mẫn nguyện. Thân già ni sống thờ phụng ông bà giữ gìn mồ mả tổ tiên, thác chôn nơi quê cha đất tổ, lý mô (cớ sao) vui xương nơi xứ lạ quê người.”

Mẹ khóc, nội cũng khóc. Nước mắt chảy dài trên má hai anh em tôi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 2 tháng Tư, 2013

Còn Đâu Chỗ Quê Hương

Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Chín 1954, ngôi nhà rộng lớn của nội trở nên trống vắng. Chị vú về quê trên làng Lộc Đại, khách khứa không còn lai vãng, và vườn rau bỏ phế không ai chăm sóc. Cậu Há và thầy Trình đã đưa gia đình di cư vào Nam, thương gia trên phố đóng cửa tiệm đi hết, và cả làng Tam Tòa đạo Thiên chúa bỏ hết nhà cửa ra đi. Người ở lại trong làng thì thân cũng như sơ đều cố tránh gia đình nội vì sợ liên lụy. Sau nhiều đợt soi bói và lục lạo khắp nơi trong nhà và ngoài vườn, toán cán bộ thừa đến “làm việc”; chúng tôi bắt phải chịu đựng cảnh huống bực bội khó xử – đối diện với kẻ ác ngoài miệng xoen xoét ngọt ngào hơn cả người thân.

Nội im lìm như cái bóng, hết thắp hương lạy bàn thờ lại hút thuốc *điếu bình*. Trường làng đóng cửa, thằng Gái ở nhà lằm lằm lì lì không trò chuyện với ai. Anh Đồng, người bà con duy nhất còn đến nhà, trở nên ít nói và không ôm vai tôi kể chuyện làng nước xóm giềng như trước. Mỗi ngày mẹ ngóng trông tin cha hầu mong được chỉ nẻo – đi hay ở, và nếu di cư thì vào Nam gặp cha ở đâu – nhưng bật vô âm tín. Mẹ khóc thầm, hàng đêm khẩn vái ơn trên phò hộ ba đưa con thơ.

Sáng hôm ấy trời mưa lất phất, anh Đồng dẫn *con Chắt* đến. Con bé run rẩy *cởi* chiếc nón lá rách bươm và cái *áo tơ* xác xơ trong lúc anh mời nội và mẹ xuống nhà ngang nghe *con Chắt* kể tự sự,

“Con hái rau sau miếu Thổ Địa thì thấy mấy *ông* vô hộp trong *nó* (đó) – chú Chóp giữ trâu, *ông* Rắm kéo xe, anh Cuốc ở đợ nhà ông Đàm, và một *ông* không phải người xứ mình là cán bộ cầm đầu. Núp sau hè, con nghe *ông* *nó* hỏi,

‘Vợ chồng tên Đàm biết tội đã tự xử, giờ phải đấu tố ai trước để làm gương cho các đứa ác ôn khác?’

‘Trình đồng chí, làng ta có thằng Phiến và con dâu *hắn* (nó) là *mụ* Thông là địa chủ hút máu nhân dân *nhứt hạng*. Thằng Thông đi lính làm tay sai cho thực dân,’ anh Cuốc trả lời.”

Giờ tôi mới biết tên của nội là Phiến. Lỡ lời phạm thượng, con Chắt ngừng lại lấy tay che miệng, nhưng nội nói, “*Mi* (mày) tự nhiên kể đi.” Con bé nuốt nước bọt, nhắm mắt ôn lại chuyện xảy ra và tiếp tục,

“*Ông* *cán* *bộ* lưu ý mấy người *tê* (kia),

‘Đoàn công tác của ta dò biết *mụ* Thông tàng trữ nhiều vàng bạc nhưng chưa tìm ra nơi chôn giấu. Đừng để nó tẩu tán mà mang tội phạm tài sản của *nhân dân*,’ *ông* *chưởi* tục mấy câu rồi hỏi,

‘Đã soạn xong bản tội trạng bọn nó chưa?’

‘Thưa đã. Mời đồng chí xem,’ chú Chóp trình tờ giấy.

“Cán bộ gật gù, ‘Được, được,..’ liên hồi nhưng bỗng la lên,

‘Còn một thiếu sót lớn đây. Sao không kê tội thằng Phiến hiếp dâm con Năn vú em rồi giết chết quăng xác xuống giếng?’

‘Nhưng con Năn còn sống sờ sờ, *hắn* mới xin nghỉ việc về làng tháng trước,’ *ông Rằm* không đồng ý.

‘Các anh dám chống lại *tập thể* hả? *Tập thể* không bao giờ sai, bảo các anh kể tội này ra tất phải có lý do; biết không?’ cán bộ chỉ mặt mắng.

“*Ông Rằm* im thin thít; cán bộ hỏi tiếp,

‘Đã chuẩn bị người đứng ra hài tội bọn nó chưa?’

‘Thưa đã có *mụ Đình* vợ thằng *Đờng* và cháu nội *hắn* là *con Chắt*,’ anh *Cuốc* trả lời.

‘Phải buộc tội thằng *Phiến* đánh đập và hãm hiếp hai bà cháu *mụ Đình* nữa,’ cán bộ ra lệnh.

“Anh *Cuốc* phản đối yếu ớt,

‘Trình cán bộ, *mụ Đình* già hơn thằng *Phiến* mười mấy tuổi còn *con Chắt* thì chưa đầy mười tuổi, chuyện *nớ* e không hợp lý.’

‘Sao cần phải hợp lý? Trong tay ta có súng là *nhân dân* đồng ý,’ cán bộ nạt lớn.

“Tới đây con bò ra xa rồi chạy về nhà thưa với *ông* con. Con lạy *ông sơ*, con lạy *mẹ cố*, con lạy ba *ông*, con mà có lòng dạ phản phúc *chi mô* (gì đâu) thì *chừ* (bây giờ) trời đánh con chết tươi tại đây.”

Từ đầu tới cuối mặt nội không hề đổi sắc; đỡ con *Chắt* dậy, thở dài nói với anh *Đờng*,

“*Mi* giúp *mẹ Gái* nghen.”

Nhìn kỹ ba anh em tôi lần cuối, nghẹn ngào dặn mẹ,

“Rán sống mà lo cho con; *mẹ Gái* và mấy đứa không cần chào *bọ* (bố).”

Nội bước nhanh lên nhà trên, không muốn chúng tôi thấy người rơi nước mắt.

* * *

Mười lăm phút sau chúng tôi rời khỏi ngôi nhà yêu dấu. Mẹ ẵm thằng *Sáng* (lúc ấy lên ba), *thằng Gái* xách chiếc giỏ mẹ dùng đi chợ, anh *Đờng* khiêng cái rương nhỏ, còn tôi đi tay không lẻo đẻo sau cùng. Anh tôi than phiền,

“*Răng* (sao) không kêu xe kéo đi cho mau?”

“Tụi *hắn chừ làm to* (làm lớn), lấy ai kéo xe cho *mi* đi?” anh *Đờng* buồn bã trả lời.

Mẹ bảo anh *Đờng* đi trước, chúng tôi dừng lại ngồi trước hiên nhà cậu *Há*, nhà đóng cửa im lìm. Nhà ngoại nằm xéo bên kia đường, mẹ nhìn sang mắt đỏ hoe. Tôi muốn xin phép chạy qua gặp ngoại nhưng không dám nói. Mẹ dặn dò ba anh em tôi hễ ai hỏi thì nói đi vô nhà thương *Đờng* *Hới* thăm *mẹ* ngoại đau nặng, bắt lập đi lại cho đến khi thuộc lòng.

Quả nhiên, lúc gần đến phố chúng tôi bị một nhóm cán bộ mặc thường phục chặn lại. Họ trông dữ dằn nhưng nói năng lễ phép,

“Chào chị, chẳng hay chị và các em đi đâu?”

Chúng tôi trả lời trót lọt; họ tin vì chiếc giỏ của mẹ đựng toản thức ăn. Anh cán bộ đầu sỏ có bộ răng cải mả cười duyên,

“Phải rồi! Bây giờ đã hòa bình, đất nước độc lập, tự do, và hạnh phúc, chị và các cháu tha hồ hưởng.”

Anh ta nhìn mẹ từ đầu đến chân,

“Chính phủ ta còn nghèo, nhân dân cần sự đóng góp của mọi người. Chúng tôi hoan hỉ chấp nhận các món vàng trong người chị.”

“Chúng tôi là nhà nông chân lấm tay bùn, làm gì có vàng mà đóng góp,” mẹ trả lời cứng cỏi.

“Thế còn chiếc vòng ngọc xanh trên tay chị? Chúng tôi sẽ không cho chị đi thăm bà cụ ốm nếu chị nhất định không đưa ra,” cán bộ mím môi.

Thằng Gái đặt chiếc giỏ đồ ăn xuống, chống nạnh hai tay,

“Cán bộ làng *tui* nói ‘tuần lễ vàng’ đã chấm dứt từ lâu rồi, và chính phủ chỉ quyên góp vàng và tiền *chớ* không nhận đá quý. Có phải anh tính lấy vòng ngọc mẹ *tui* làm của riêng?”

Cán bộ giật mình cười giả lả,

“Quả nhiên em đã học tập tốt chính sách của chính phủ. Chuyện quyên góp hoàn toàn tự nguyện, chị và các cháu tự nhiên...”

Đi một quãng, anh tôi lăm bằm,

“‘Học tập tốt’ con c... *tau*! *Mi* ngu thì có!”

Đi mãi đôi chân mỏi nhừ, bàn chân phải hồi nhỏ ngồi sau xe đạp bị thương trở nên nhức nhối, tôi đi khập khiễng và bước chậm lại. Lưng cõng *thằng Sáng*, tay xách giỏ đồ ăn để *thằng Gái* rảnh tay dìu tôi, mặt đỏ gay, mồ hôi lấm tấm trên trán, mẹ mệt lả – tôi biết – nhưng vẫn luôn miệng khuyến khích,

“Gần tới rồi con, rón lên kéo trễn tàu.”

Anh tôi cố chọc cười,

“Đi mau lên, con Cúi chờ *mi* vô đánh ô làng *tề* (kia).”

Nhưng tôi không vui nổi, cắn răng chịu đau mạnh dạn sải bước – thương mẹ quá đi!

Đến chiều tới cửa sông Nhật Lệ, anh Đồng đang ngóng đợi. Trên bãi cát có nhiều người mang quang gánh đồ đạc chờ được *bốc* lên chiếc tàu hải quân Mỹ đậu ở mé biển. Anh vội vã vác rương và đỡ anh em tôi lên cùng với đám người di cư. Hành khách cuối cùng là chúng tôi vừa lên *boong* thì tàu nhổ neo chạy.

Thấy tàu đã rời bến, anh Đồng ngăn người; mẹ hốt hoảng kêu lên,

“Làm *răng*... làm *răng* cho *eng ni* (anh này) xuống? Có ai giúp *eng* không?”

Càng lúc càng ra xa, anh Đồng cuống cuống chạy tới chạy lui rồi leo lên thành tàu nhảy đại xuống sông. Từ trên *boong* cao ngẩng, tấm thân khảng khiu rơi xuống bị mặt nước xanh thăm bên dưới nuốt chửng không một tiếng động.

Anh biến mất trong những làn sóng bạc quanh tàu rồi nổi lên bờ lóp ngóp. Chối chân đứng trong nước nhìn về phía chúng tôi, một tay bơi một tay đưa lên cao vẫy vẫy một thanh tre ngắn – hình như là cái *ống béc*, đồ chơi mấy thằng bạn học trường làng tặng tôi mấy năm trước – anh mang theo chưa kịp đưa. Tôi nhìn theo đến khi anh chỉ còn là một chấm lờ mờ; đó là hình ảnh cuối cùng của nơi chôn nhau cắt rún ghi hẳn trong ký ức *thằng Bé*.

Tôi nhớ đến nét mặt buồn thảm của nội rồi tự hỏi ngoại có hay chúng tôi đã ra đi. “Chỗ quê hương” không “đẹp hơn cả” như trong *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 6 tháng Tư, 2013

Một Đời Thủy Chung

Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Giêng 2005 tôi có việc về Sài Gòn sau gần ba mươi năm bỏ nước ra đi. Trước khi tôi lên đường, mẹ gọi điện thoại dặn dò,

“Cây có cội, nước có nguồn. Đã về bên mình, con ra ngoài làng một chuyến.”

“Con chưa tính...” tôi lưỡng lự.

“Con lạy bàn thờ tổ tiên, viếng mồ mả ông bà, và thăm cậu Các giùm mẹ,” mẹ khẩn khoản.

Tôi không thể từ chối. Quê hương là nơi mẹ luôn luôn yêu quý thiết tha dù đã rời xa hơn nửa thế kỷ. Với đồng lương hưu ít ỏi, mẹ chắt chiu dành dụm từng đồng, mỗi năm năm bảy lần gửi tiền về biếu bà con, sửa sang nhà thờ họ, và trùng tu mồ mả tổ tiên. Mẹ ước nguyện khi qua đời được hoả táng và di cốt rải trên dòng sông Nhật Lệ ở quê nhà. Mẹ khuyến khích,

“Ngoài mình có động Phong Nha là kỳ quan thiên nhiên lớn và đẹp nhất thế giới, đưa con Châu đi cho biết.”

Đánh trúng tâm lý thích viếng thắng cảnh của Châu, vợ tôi, mẹ nói thêm,

“Tuần trước *thằng* Giáng gọi điện thoại qua, mẹ dặn *hắn* thu xếp cho hai đứa *bây* ở khách sạn ngoài cửa sông Nhật Lệ. Khách sạn *nó* (đó) của *hắn*, đừng lo.”

Năm nay trên tám mươi tuổi, anh Giáng là trưởng tộc và thuộc hàng anh tôi, gọi mẹ bằng *mự* (thím). Những cú điện thoại hàng tháng không ngoài mục đích xin tiền, nhưng đối với mẹ là sợi dây liên lạc với bà con thân thuộc nơi chôn nhau cắt rốn.

* * *

Xong việc Sài Gòn, chúng tôi thuê xe có tài xế lái đi dọc theo Quốc lộ 1 ra Trung, sống lại những năm tháng hạnh phúc đau thương trong trí nhớ và kỷ niệm. Ngày đầu ngừng lại ở Phan Thiết ngày trước Châu là cô học trò trung học áo trắng; bạn cũ của nàng tổ chức một buổi họp mặt đón mừng, vui như thời đi học (lời của nàng). Ngày thứ hai ghé lại Quảng Ngãi nghỉ đêm để hôm sau viếng thăm thánh địa Mỹ Sơn của người Chăm; thành phố về đêm tiêu điều vắng vẻ, không một chút sinh khí. Sau đó dừng chân tại Huế xưa kia tôi sống nhiều năm và lớn lên để thăm bạn cũ trường xưa và dùng làm điểm xuất phát về thăm quê cũ.

Trên đường từ Huế ra Đồng Hới, dừng chân ở hai địa điểm lịch sử ghi hẳn trong ký ức là Cổ Thành Quảng Trị của mùa hè đỏ lửa 1972 và cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải một thời là biên giới Bắc-Nam. Phong cảnh hoang tàn vắng vẻ của hai nơi này gieo mối cảm hoài thấm thía giống như tâm trạng của Bà Huyện Thanh Quan khi đi ngang qua đèo Ngang gần hai thế kỷ trước:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Xe vào thị xã vào khoảng một giờ trưa. Đã biết tên và địa chỉ tiệm ăn mà bạn Châu ở Huế giới thiệu, chúng tôi dừng xe nhờ một ông *chạy xe ôm* chỉ đường. Câu trả lời của người *đồng châu* gặp đầu tiên khiến tôi ngỡ ngàng,

“Không nói *mô* (đâu); đưa đây năm ngàn rồi chỉ chỗ ăn cho.”

Tôi không trả tiền, dù năm ngàn đồng chỉ tương đương với 30 xu Mỹ. Lái xe đi loanh quanh thị trấn tìm chỗ ăn trưa, nhưng không nơi nào có thức ăn. Người ta cho biết cơm trưa đã hết, cơm chiều chưa nấu, và phố chợ không bán quà vặt có thể ăn đỡ đói.

Xe chạy qua chợ Tam Tòa, chợ chính của thị xã. Nhớ khi xưa nhiều lần được ngoại đặt ngồi trong cái thúng ở đằng trước, thúng sau chất hàng cho cân rồi gánh đi theo tới đây. Bảo tài xế cho tôi xuống thăm chợ một mình, đi qua các sạp hàng lộ thiên tìm lại hình bóng thân yêu của ngoại.

Lúc tôi trở lại, Châu kể chuyện hai ông công an đến đòi tiền,

“Đưa đây sáu chục ngàn đi uống cà phê, không thì giữ giấy tờ và giam xe.”

Sáu chục ngàn đồng gần bằng bốn đô la; Châu hỏi tại sao, một ông trả lời thẳng thừng,

“Xe đậu lại đây và chị là Việt kiều nước ngoài. Hỏi *xú xớ* sẽ ‘phạt’ gấp đôi.”

Chịu đói bụng và nén uất ức vì bị cướp ngày trắng trợn, chúng tôi tìm đường đến nhà cậu Các, anh mẹ. Lớn hơn bốn tuổi, cậu theo kháng chiến khi mẹ mới mười ba. Tóc bạc phơ, người gầy gò như cây củi nhưng đôi mắt còn tinh anh, cậu ra cổng đón và nắm tay tôi khóc ròng,

“Thấy con là cậu nhớ đến mẹ con.”

Tôi cảm động theo cậu vào nhà và đưa quà – món tiền hơn cả tháng lương hưu của mẹ. Nước mắt tràn trề, cậu diễn tả nỗi nhớ nhung và lòng ưu ái dành cho em gái ở xa nửa vòng trái đất mà không hề hỏi tới tôi hay Châu một câu. Nhớ năm nay mẹ tám mươi tuổi, sáu mươi bảy năm cậu chưa gặp và không hề biết mặt mũi mẹ ra sao, tôi hỏi,

“Cậu gặp lại mẹ con hồi nào?”

“Chưa gặp nhưng đêm nào cậu cũng mơ thấy mẹ con,” giọng cậu thành khẩn.

Nhà cậu khá lớn, chung quanh có vườn rộng trồng cây ăn trái. Mợ mất sớm, cậu ở chung với vợ chồng người con trai và đứa cháu nội năm tuổi là cháu Đạt đang chơi ngoài hè hát líu lo,

“*Đêm qua em mơ gặp bác Hồ. Râu bác dài, tóc bác bạc phơ...*”

Thì ra cậu mơ thấy mẹ giống như cháu Đạt mơ thấy bác Hồ!

Đã được báo trước nên anh Giáng cùng mấy bô lão tộc thuộc chờ sẵn ở nhà thờ họ đón tiếp “*chú*” *Bé học sáng* (học giỏi) – không biết nguồn tin “*học sáng*” từ đâu ra. Sau khi trao món tiền mẹ tặng họ và làm lễ ra mắt tổ tiên, tôi ngỏ ý muốn đi thăm nhà cũ nhưng anh Giáng gạt đi,

“Bây giờ là văn phòng huyện, chú tới không được *mô*.”

“Tôi chỉ tới coi chứ có làm gì đâu mà lo. Nhà ông nội, sao không được tới?” tôi không chịu.

“Đây không phải như bên Mỹ; chú làm tới họ sẽ không để yên mà về Mỹ *mô*.”

Tôi biết điều này nên không kỳ kèo. Nhớ lời mẹ dặn, tôi hỏi đường đi tới nghĩa trang họ Nguyễn, anh lại cản,

“Mùa này nước ngập, chú *mự* không ra *chỗ* *nớ* được *mô*.”

(Sau này tôi mới biết thửa đất dùng làm nghĩa trang gia tộc mười mấy đời đã bị chính quyền trưng dụng. Mẹ tiếp tục gửi tiền về để “trùng tu mồ mã,” nhưng không ai cho biết mồ mã thực sự ở đâu.)

Đế Châu và anh tài xế ở nhà anh Giáng, tôi lần xuống cuối làng tìm nhà anh Đồng, một túp lều xiêu vẹo đổ nát trong bãi đất vắng vẻ. Một bà già lụ khụ mù một bên mắt ra mở tấm liếp che cửa, nhìn mãi tôi mới nhận ra là *con Chắt*, cháu họ gọi bằng ông. Nó nhận ra tôi, mừng rỡ,

“Cả tháng *ni* (nay) con mắt *tui* máy hoài, biết *rứa* (vậy) là có *quới* *nhơn* tới nhà.”

“*O mi* (cô mà) ở một mình hả?” tôi lúng túng lựa cách gọi thích hợp.

“Chớ ở với ai *chừ* (bây giờ)! *Ông* về *răng* (sao) mà đúng lúc, bữa *ni* *kỵ ông* *sơ*,” nó lính quỳnh chỉ chiếc ghế duy nhất trong nhà mời ngồi.

“Ông *sơ*” chính là ông nội tôi. Trên bàn thờ, một kệ gỗ thô gắn vào tường đất, ba cây nhang cắm trong lư hương bằng đất nung còn cháy đỏ. Lễ vật vồn vện gồm hai chén cơm đơm lưng đặt hai bên *đọi* (tô) canh rau nấu *rạm* (cua đồng). Nước mắt ràn rụa, tôi quỳ mọp trên sàn đất lạy trước bàn thờ.

Con Chắt kể sau “ngày tiếp quản” 1954, một tối anh Đồng đi họp ủy ban không về. Hôm sau xác anh được tìm thấy sau miếu Thổ Địa, tay trói ké và khắp người bầm tím. Anh bị lên án “phản động” vì không chịu hợp tác buộc tội nội là “thành phần bóc lột.”

Ngày đấu tố nội, dân làng được huy động tụ tập ở đám đất rộng trước đình làng. Mụ Ruộng ngồi ghế chủ tịch “tòa án nhân dân,” bắt nội quỳ trước “tòa” tay chân trói ôm vào chiếc cọc lớn sau lưng. Bà nội *con Chắt* là *mụ Đình* kể tội và chửi mắng nội là “tên địa chủ gian ác hút máu mỡ nhân dân.” Nhưng khi vụ nội hãm hiếp bà cháu mụ, mụ bị *con Chắt* cãi phăng,

“Không có chuyện *nớ*. *Ông* *sơ* là người tốt, là người ơn của nhà mình.”

“Tổ cha mi dám cãi lời cán bộ,” *mụ Đình* la lớn.

Bà già quê mùa thiếu học trước mắt tôi hãnh diện,

“Tại *rứa*, *ông* *Cột* *táng* *tui* một cái trứng con mắt trái máu chảy ròng ròng; mắt *tui* đui từ bữa *nớ*.”

“*O mi* quả thiệt là vị anh hùng của họ Nguyễn mình,” tôi cảm kích vô vàn.

Ông *Cột* là chồng *mụ Ruộng* và người thi hành bản án tử hình. Trong lúc cán bộ chỉ huy dân làng đưa tay hô to khẩu hiệu đả đảo địa chủ, ông ta kéo nội sên sệt đẩy xuống đứng dưới cái hố đào sẵn, lấp đất ngang cổ chừa lại đầu. Khi “tòa” ra lệnh, ông *Cột* hô Chú Chóp dắt trâu chạy trước, ông đẩy lưỡi cày mài sắc chạy sau...

Kể đến đây *con Chắt* khóc lớn,

“Bữa *nớ* là ngày mười sáu tháng Chạp *mình*, giống như bữa *ni*. Nhớ ơn đùm bọc của *ông* *sơ*, nghèo cách mấy năm *mô* (nào) *tui* cũng nấu chén cơm *lạt* (nhạt) cúng ngài.”

“Vậy xác ông nội chôn ở đâu?” tôi hỏi.

“Họ đem đi *mô* (đâu) không biết; có chôn cất *chi mô*,” con Chắt gạt nước mắt lắc đầu.

Trở lại nhà anh Giáng, tôi bảo Châu và anh tài xế sửa soạn về Huế; Châu ái ngại,

“Anh không sao chứ?”

“Không sao; anh chỉ không muốn ở lại nơi này thêm một phút nào nữa.”

“Còn chương trình đêm nay ở khách sạn Nhật Lệ và ngày mai viếng động Phong Nha?”

“Không cần...” tôi bỏ dở câu nói, bước nhanh ra xe.

Về tới Huế gần nửa đêm, ghé Bến Ngự ăn *bánh lá* (bánh nậm) chả tôm, món ăn ưa chuộng của tôi. Ăn bữa đầu tiên trong ngày nhưng miệng đắng nghét, nuốt không hết cái bánh lá thứ hai. Đêm hôm ấy nằm mơ thấy mình biến thành *Superman* bay đi tìm tên đầu sỏ bọn giết người cướp của. Mà sao *Superman* giống như Tề Thiên Đại Thánh trong phim truyện Tây Du Ký?

* * *

Nửa thế kỷ là một thời gian rất dài. *Thằng Gái* – anh Quang – đã hy sinh trên chiến trường Tây Nguyên năm 1970, cha mất ở Hoa kỳ hơn hai mươi năm trước, và *thằng Sáng* – nay gọi bằng tên trong khai sinh là Sang – vừa về hưu sau nhiều năm làm công chức. Sau này có thêm một cô con gái và ba cậu con trai, thị tộc của mẹ với con, cháu, và chắc có cả thảy 31 người.

Trong cuộc họp mặt Giáng sinh cuối năm, trước mặt mọi người mẹ trách,

“Xa xứ hơn năm mươi năm mà khi về không ngủ ở quê nhà được một đêm!”

Giữ kín cái chết thảm thiết của nội, tôi cúi đầu nhận lỗi. Quê hương tôi quý quýệt và tàn ác, có gì để luyến thương? Vậy mà có người bảo là “chùm khế ngọt”!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Tư, 2013

Cõi Trần Vương Vấn

Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Chín 1954 – Di cư vào Nam. Lần đầu tiên đi tàu biển nhưng không bị say sóng vì *thằng Bé* mệt đừ nằm lắn ra ngủ một lèo đến khi tàu cập bến Đà Nẵng sáng hôm sau. Sau lần đi thăm cha ở Lăng Cô khoảng một năm rưỡi trước, đây là lần thứ hai tôi ra khỏi làng quê nhưng tất cả mọi thứ đều mới lạ, mới thấy mới nghe mới biết lần đầu.

Những người di cư được đón tiếp bởi nhiều người thành thị ăn mặc chỉnh tề khác hẳn với người ngoài làng. Một ông dang tay nắm hai tay tôi nâng cả người lên đưa qua chiếc cầu tàu, một kiểu bế bồng mới mẻ đối với chú bé nhà quê. Người ta nói tiếng địa phương mà nghe như là một ngoại ngữ nào đó, thí dụ như

“*Chô choa, néng choang choang mà vợ chồng hén thôm lằm, lòm chi lòm miết rứa mà không nghĩ nơ.*” (Chu cha, nắng chang chang mà vợ chồng nó tham lằm, làm gì làm hoài vậy mà không nghĩ.)

Mọi người lên xe *Giem-Xê* (GMC, đọc theo tiếng Pháp) vận tải nhà binh về ngôi trường học có nhiều phòng rộng dùng làm trại tạm cư. Mỗi gia đình được cấp phát chiếu mền để ngủ và gạo và nước mắm để nấu ăn. Đêm đầu, lần đầu tiên ngủ trên sàn nhà, “lạ giường” và “lạ nhà,” tôi thao thức không ngủ được nhưng cố nằm yên không nhúc nhích. Mở mắt lên nhìn thấy mẹ nằm ôm *thằng Sáng* vào lòng vừa khóc thút thít vừa lẩm bẩm, tôi nghe chữ được chữ mất,

“Cầu Trời khấn Phật... ba đưa con đại... sớm thoát khỏi cảnh đầu đường xó chợ...”

Hôm sau không có chuyện làm, *thằng Gái* dẫn tôi đi quanh trại tạm cư nghe ngóng chuyện thiên hạ. Quyết tâm lập lại cuộc đời mới phải kể dân các làng đạo; dưới sự hướng dẫn của cha xứ, họ xung phong đi khai hoang lập nghiệp ở Ban Mê Thuật và Đà Lạt, và vui vẻ cười nói oang oang chờ ngày lên đường. Những người khác nấn ná ở đây vì chưa biết phải làm gì trong những ngày sắp tới. Tôi lo lắng hỏi anh,

“Rồi mai mốt mình ở chỗ *mô* (đâu)? Không lý nằm đất *như ri* (thế này) hoài!”

“*Tau* mà biết được *tau ‘xế’* liền! Giá là mẹ thì *tau* đưa ba đưa mình vô Sài gòn tìm cách *mằn* (làm) ăn,” anh miễn cưỡng trả lời. (“*Xế*” = tiếng lóng có nghĩa là “chết”.)

“*Rứa* (vậy) còn cha? *Tui* thấy dường như mẹ chờ đoàn tụ với cha,” tôi thắc mắc.

“*Mi* hỏi *chi* mà khó *rứa*? Con c... *tau!*” anh bực bội nặng lời, và tôi biết không nên hỏi thêm.

Gia đình người làng Hoàn Lão thuộc huyện Bố Trạch nằm cạnh chiếu mẹ con tôi gồm ông cụ trạc tuổi nội, thiếu phụ khoảng tuổi mẹ là con gái cụ, và đứa cháu gái tên Dương suýt soát tuổi *thằng Gái*. Con Dương làm quen dạy tôi chơi đánh thẻ, trò chơi con gái dùng mười chiếc đũa gọi là *thẻ* và trái banh nhỏ để thả bắt. *Thằng Gái* lăm lăm nhìn chúng tôi chơi và quan sát hành động của anh Viện ngủ ở chiếu kế cận. Anh không có thân nhân, ăn mặc khá tươm tất, ân cần thăm hỏi mọi người nhưng tiếng nói khó nghe không giống người tỉnh tôi.

Ông Hoàn Lão nhớ nhà nhớ quê nhớ bà con thân thuộc nên khóc lóc, trách con gái đã khiến cụ bỏ quê hương làng nước đi tha phương cầu thực nơi đất khách quê người, và chửi bới anh con rể đi lính xa bỏ bê vợ con khiến cụ phải gánh chịu. Thiếu phụ hết khuyên giải lại năn nỉ cụ nhưng vô hiệu, trong lúc anh Viện to nhỏ bên tai cụ ra vẻ ý hợp tâm đầu.

Một buổi tối nhân lúc ông Hoàn Lão khóc lớn tiếng, anh Viện kéo cụ ra giữa phòng và đứng ra hô hào mọi người trở về quê cũ “hưởng độc lập, tự do, và hạnh phúc” và nhất là “đừng nghe lời Mỹ - Diệm cho ăn bánh vẽ.” Anh nói thao thao khiến cho ai nấy đều hoang mang, và ông cụ hối thúc con gái sửa soạn hồi hương. Anh giục giã,

“Bà con cô bác mau mau rời khỏi nơi đây. Ra ngoài kia sẽ có ‘nhân dân’ đón tiếp đưa về nguyên quán; người ở đâu về tại đó.”

Giữa lúc ấy, *thằng Gái* mạnh dạn bước ra chỉ mặt anh Viện,

“Bà con đừng nghe lời *thằng ni* (này). Hấn là cán bộ *Vem* chứ không phải người di cư mình. Bà con coi đây...” (Danh từ “*Vem*” là do cách đọc “VM” tức là “Việt Minh.”)

Anh tôi tới chiếu anh Viện mở tung chiếc ba lô chứa toàn truyền đơn mang cờ đỏ sao vàng.

Một số thanh niên di cư xúm lại xem và khi họ quay lại thì anh Viện đã cao chạy xa bay.

Biến cố này khiến mẹ quyết định rời trại tạm cư. Hôm sau mẹ giao cho *thằng Gái* trông coi tôi và *thằng Sáng* để mẹ đi tìm người quen và nơi tá túc. Chiều lại, mẹ trở về trên xe *đốt-cát* (Dodge 4x4, đọc theo tiếng Pháp) nhà binh do *dượng Tụng* cầm lái. *O Nậm* vợ *dượng Tụng* là em họ của cha tôi, theo *dượng* rời làng đã lâu. *Dượng* làm trung sĩ Công binh đóng đồn ở Đà Nẵng.

Khi chia tay, con *Dương* mở sợi dây chuyền tượng Phật mang trên cổ đưa tặng *thằng Gái*,

“Mai mốt lớn *mi* muốn lấy *tau*, *tau* ưng liền.”

“*Cấy dôông* (vợ chồng) con...,” anh toan buột miệng văng ra câu nói tục thường lệ nhưng kịp thời dừng lại và lấy tay che miệng.

Anh cầm sợi dây chuyền nhìn mẹ, mẹ khẽ lắc đầu; anh lúng túng trả lại,

“*Tau* đi học tên là Quang, *mi* biết không?”

“Nhớ rồi. *Tau* chờ *mi*; *gái Bó Trạch* nói là nhớ đời,” con *Dương* mím môi để khỏi bật khóc.

Từ giây phút đó, cái tên “*thằng Gái*” của anh trở thành quá khứ và được thay bằng tên “Quang” trong giấy khai sinh.

* * *

O dượng được cấp nhà trong trại gia binh gồm những dãy nhà tôn ngăn ra từng căn bằng vách ván mỏng. Trong căn nhà đơn sơ và chật chội, bốn mẹ con ở chen chúc với *o dượng* và hai cô con gái – con *Đào* tám tuổi và con *Lê* bốn tuổi. Nhưng ít ra chúng tôi không còn là kẻ vô gia cư chờ bố thí!

Ngủ trên giường chưa được một tuần thì tôi ngã bệnh. Lúc đầu tưởng là cảm cúm, mẹ xúc dầu trầm, cho uống thuốc *Tiêu Ban Lộ*, nhờ người chích lễ, và nấu nước xông. Về sau đoán là bệnh thương hàn, mẹ và o Nậm mời thầy lang đến xem mạch cho toa. Mẹ sắc thuốc cho tôi uống, nhưng uống bao nhiêu thì nôn ra bấy nhiêu và bệnh tình không hề thuyên giảm. Đến đường cùng, hễ ai mách thứ lá cây trị bệnh nào là mẹ tìm cho bằng được và nấu cho tôi uống, nhưng càng ngày tôi càng yếu dần.

Tôi sốt mê man không ăn uống cả tháng trời; mẹ đút cháo lỏng nhưng không nuốt nổi vào bụng. Một hôm tôi tỉnh lại nghe mẹ khóc thành tiếng,

“Con ơi, con đừng bỏ mẹ mà đi.”

Anh Quang thăm nã,

“*Thằng Bé, mi* mà sống lại phen *ni, ưng* chi *tau* cũng không tiếc.”

Tinh thần nhẹ nhõm nhưng mình và tay chân tôi cứng đơ; hai bàn chân lạnh buốt và cơn lạnh lan dần lên thân mình. Bức màn đen dần dần che khuất thị giác, trước mắt tôi là một khoảng không. Đột nhiên, một khuôn mặt quen thuộc hiện lên; anh Đồng nhìn tôi mỉm cười,

“Để đầu *chi* mà rời khỏi cõi đời *ni; mi* chưa chết được *mô!*”

Như ở ngoài làng, anh ôm vai tôi kể chuyện xưa. Ngày trước ông sơ (ông nội của ông nội) tôi và trưởng tộc họ Trần cùng *thương* cô gái đẹp nhất làng, nhưng cô ấy chấp nhận lời cầu hôn của họ Nguyễn và trở thành bà sơ tôi; từ đó hai họ luôn luôn bất hòa. Hai đời sau, ông nội và họ Trần lại tranh mua một thửa đất để nối rộng nghĩa trang gia tộc; một lần nữa họ Nguyễn lại thắng. Ông họ Trần cả giận rửa,

“Mồ mả họ Nguyễn chôn nhầm *ngưu mạch* – mạch con bò – đốt nát truyền đời.”

Con cháu họ Trần có tiếng là học giỏi và thành đạt; cùng lứa với cha tôi họ Trần có cha Giản là linh mục và ông Bửu là một kỹ sư nguyên tử đầu tiên của Pháp, trong khi cha và chú Lam đậu tới *đít-lôm* (diplôme, tức là tốt nghiệp Trung học Đệ nhất cấp) là tọt bực. Anh Đồng vỗ nhẹ trên vai tôi,

“Thầy Trình nói *mi* thông minh sáng láng hơn người nên lâu *ni* cả họ đặt hết hy vọng vô *mi.*”

Hèn chi ngày trước thỉnh thoảng với nụ cười hãnh diện anh vô cớ hỏi tôi,

“*Răng mi học sáng* (học giỏi) *rứa?*”

“*Tại tui ưng* ăn mắt cá,” không biết đầu đuôi, tôi ngây thơ trả lời.

“*Rứa* thì *tau* nói *mự* (thím) cho *mi* ăn mắt cá thiệt nhiều,” có vẻ như anh tin là thật.

Và chắc hẳn không phải là chuyện tình cờ mỗi khi bữa cơm có cá, mẹ luôn luôn để dành cho tôi mấy con mắt bùi bùi và vành thịt quanh mắt béo ngậy. Anh Đồng cầm tay tôi,

“*Tại rứa*, ông bà mình biểu *tau* về bắt *mi* phải sống lại.”

“Để mà *chi?*” tôi nghĩ trong đầu.

“*Mai* mốt *mi* học giỏi hơn bên họ Trần để tổ tiên hết nhục nhã. Biết chưa *thằng Bé?*” anh như đọc được ý nghĩ của tôi.

Cuối cùng, anh bắt tôi hứa và lập đi lập lại nhiều lần,

“Tui phải sống; tui phải học giỏi... Tui phải sống; tui phải học giỏi...”

Nghe tiếng mẹ reo lên vui mừng,

“Thằng Bé mấp má môi, chắc hẳn đòi ăn. Cám ơn Trời Phật!”

“Thằng ‘cù trâu’ ni thiệt khéo giả đồ!” anh Quang la lên mừng rỡ. (*“Cù trâu”* = tiếng lóng có nghĩa là “nhà quê” hay “cả đấm,” tương tự như “cù lần”.)

Một tuần sau tôi hết sốt và bắt đầu ăn giả bữa. Tôi thường tự hỏi anh Đồng còn sống hay đã mất, và nếu mất thì qua đời lúc nào.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Năm, 2013

Dưới Mái Nhà Tôn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Căn nhà chật chội trong trại gia binh hạ sĩ quan khác hẳn với ngôi nhà của nội ngoài làng về mọi mặt. Vì nhà mái tôn không có trần, những ngày nắng hơi nóng hâm hấp tích lũy dai dẳng từ trưa cho đến tối khuya; những lúc trời mưa, mưa rơi lộp độp trên mái vang ầm ĩ át hết mọi âm thanh trong nhà. Nhà không có hiên, ra khỏi cửa là sân cát lộ thiên nóng bỏng chân khi trời nắng gắt. Ở đây không có chuyện gì riêng tư vì nhà cách nhau bằng một lớp vách ván mỏng, ngồi bên này nghe bên kia rõ mồn một.

Thấy chúng tôi tù túng bức bối và anh Quang luôn miệng càu nhàu, mẹ nhắc nhở,

“Các con nhớ thời buổi loạn lạc *ni* (này) có mái nhà trên *trôốc* (đầu) không dễ dàng *chi*. Phải nhớ ơn o dưỡng cho mình ăn nhờ ở đậu.”

“Chị đừng nói *rứa* (vậy) mà *tụi tui* mắc tội chết; chặt bụng chớ chặt *chi* nhà! Nhà chính phủ chớ có phải của mình *mô* (đâu),” o Nậm an ủi.

Tôi không quan tâm về nơi ăn chốn ở mà sung sướng vì được mẹ gần gũi săn sóc tận tình. Ngày ngoài làng, mẹ bận rộn buôn bán ngược xuôi lại phải quán xuyến nhà cửa ruộng vườn nên không mấy khi có thì giờ dành cho anh em tôi. Từ nhỏ đến giờ tôi và thằng Sáng hầu như sống với chị vú – chị Năn, được chị lo lắng mọi bề; bây giờ có mẹ bên cạnh, còn gì hạnh phúc hơn?

Có điều là tôi nhớ ngoại vô kể. Bữa ăn nhớ món măng luộc dầm nước mắm của ngoại mà ứa nước miếng. Buổi chiều ra sân cát chơi nhớ con đường làng chính dẫn lên nhà ngoại với những bụi *bông gia tô* (nơi khác gọi là bông ngũ sắc) ở hai bên đường và chiếc lồng gà có con gà trống ngoại để sẵn cho *thằng Bé*. Mỗi khi đói bụng nhớ những món quà vặt ngoại mang từ chợ về để dành cho. Đêm nằm ôm hông mẹ mà thao thức không ngủ, nhớ những lần nằm măn vú ngoại nghe kể chuyện đời xưa; nghe mẹ thổn thức khóc hoài, chắc cũng nhớ ngoại như tôi.

Anh Quang cũng thằng Sáng dẫn tôi ra ngồi chơi dưới gốc cây bàng ở cuối trại gia binh. Nhặt trái bàng rụng xếp thành hàng dài trên mặt đất, tôi nhìn nhớ hỏi anh,

“Chùng nào mình về lại ngoài làng? *Tui* nhớ *mệ* (bà) quá sức quá chùng.”

“Làm *răng* (sao) *tau* biết được. *Mi* làm như *tau* là ông thánh,” anh cau có.

“*Ôông* Đàm nói hai năm nữa hiệp thương, ai về nhà nấy, phải không?”

“*Mi* không nhớ tại tin như *rứa* mà hai *ông mụ* chết hết hay *răng*? *Mấy* thằng *Vẹm* ăn cướp nhà mình rồi, chớ *mô* mà về?” (Danh từ “*Vẹm*” là do cách đọc “*VM*” tức là “*Việt Minh*.”)

“*Hấn* ăn cướp thì khi mình về lấy lại được không?”

“*Mi* nói như con c... *tau*! Không nhớ bản mặt gian ác hãm tài của mấy thằng mọi trong rừng trong rú ra kiếm kê tài sản của *ông* mình hay *răng* mà nói chuyện đòi lại?” anh bực mình la lớn vì sự ngây thơ tốt bụng của thằng em.

“*Rứa* không bao giờ mình gặp lại *ông* với *mệ* nữa hay *răng*?” tôi rưng rưng nước mắt.

“*Tau* nói cho *mi* biết, nước mình chia hai: mẹ đưa mình vô đây là theo phe Quốc gia và phe bên *tê* (kia) là Việt Minh. Hai nước thù nghịch, trước sau *chi* cũng đánh nhau,” anh phân tích rành rẽ như người lớn.

“Con mọt sách” đã biết chuyện đất nước chia đôi, chỉ không dám nói ra những điều mình nghĩ trong đầu. Anh tôi ưỡn ngực hãnh diện,

“*Tau* đã quyết chí. Lớn lên *tau* đầu quân, lên làm tướng đem quân về đập bể đầu máy thằng Việt Minh, phải đuổi *hắn* đi mới lấy lại nhà cửa và của cải của mình.”

“Mình ở bên *ni* là làm dân nước Quốc gia, phải không?” tôi dè dặt hỏi.

“Đúng rồi!”

“*Ông* với *mẹ* ở bên *tê* bị làm dân nước Việt Minh, phải không?”

“Chắc *rứa*!” anh ngập ngừng, không biết câu hỏi sẽ đưa tới đâu.

“*Tui* hỏi anh, mai mốt đem quân ra đánh, gặp *ông* với *mẹ* bị *hắn* bắt buộc cầm súng đánh lại – anh có bắn *ông* *mẹ* mình không?”

Bất ngờ, anh tát tôi một cái thật mạnh,

“Con trâu lì, *mi* hỏi *chi* mà ác dữ *rứa*; *ông* cố nội *tau* cũng không biết trả lời.”

Xoa má nhìn lên, tôi thấy đôi mắt của anh đỏ hoe.

* * *

Nhờ lòng hiếu khách của o dưỡng Tụng, dần dà chúng tôi quen với nếp sống trong trại gia binh. Mạnh bạo và vui tính, nói năng huyền thuyên, o Nậm thích kể chuyện tiểu lâm cho chúng tôi nghe nhưng khi o dùng lời lẽ gợi ý chuyện gái trai thì mẹ xua tay đuổi đi ra sân chơi. Dưỡng Tụng, ngược lại, ít nói và rất dịu dàng với đám trẻ con. O nói hồi đó o “*ống chề*” – ế chồng; năm hăm tám tuổi nghĩa là đã “hâm đi hâm lại” tám lần mà chưa thấy ai rắp ranh bắn sê nên khi dưỡng là người góa vợ lớn hơn o một giáp cựa người mai mối đến hỏi là o nhận lời ngay.

Dưỡng thương o rất mực; muốn gì dưỡng cũng chiều theo nên o hay nói,

“*Chồng* già *vợ* trẻ là *tiên*,

Vợ già *chồng* trẻ là *duyên* ba đời.”

(“*Duyên* ba đời” là nợ nần với nhau từ kiếp trước.)

Vợ chồng hạ sĩ Tôn ở căn bên trái có hai đứa con nhỏ còn bế trên tay. Anh Tôn người Nam còn trẻ, thường hỏi han và đùa giỡn với chúng tôi và cho anh Quang mượn xe đạp để tập đi. O Nậm kể có lần mẹ vợ anh là người Quảng Nam chính gốc đến thăm anh chị. Đến giờ cơm, bà mời anh vào ăn trong lúc anh còn mắc tay sửa xe đạp nên trả lời,

“Má ăn đi, con *kẹt*.”

Không ngờ bà *lên cồ lộng mịch* (sùng sộ hung hăng) la toáng lên chửi chị Tôn,

“*Tao* kêu nó vô ăn cơm đàng hoàng mà nó đưa con c... biểu *tao* ăn. Mà nghe có lọt tai không?”

Chú Du hai vợ mà không con ở căn bên phải mang lon hạ sĩ nhất nên o Nậm gọi là *cai Du*. Hai bà vợ của chú bêu diếu cãi nhau ngày một nên ai cũng thuộc lòng sự tích chú đổi ra Huế đóng đồn ở khu Văn Thánh gần làng Kim Long rồi lấy thím hai. Hoa khôi trong làng và con một của

một gia đình giàu có, thím đem lòng yêu thương chàng binh nhất trẻ tuổi đẹp trai nhưng bắt chú phải cậy đơn vị trưởng mang trâu cau đến nhà hỏi cưới hẳn hoi. Ông cha vợ tương lai cẩn thận hỏi chú đã có vợ con chưa; chú thưa,

“Con có vợ rồi, nhưng không may vợ con khuất núi.”

Khi đơn vị di chuyển về Đà Nẵng, gặp gia đình chú và bà vợ cả, thím hai khóc ròng nặng lời trách móc chú sao nói dối là vợ chết; *cai Du* trả lời tỉnh khô,

“Núi Hải Vân cao vời vợ, bà ấy không ‘khuất núi’ là gì?”

Biết là ván đã đóng thuyền và chuyện đa thê hoàn toàn hợp pháp trong cái xã hội *đàn ông năm thê bảy thiếp là thường* nhưng thím hai luôn luôn ầm ức, tìm cách lẩn lướt bà cả mà theo phong tục là người nắm quyền sinh sát trong gia đình. Hai bà thường tranh cãi hơn thua xem tối hôm đó đến phiên ai ngủ với chồng khiến *cai Du* bực mình ôm mền gối vào đồn ngủ. O Nậm lại có dịp ví von,

“Một vợ thì nằm giường lèo,
Có gối tai bè, sáo rủ, màn treo;
Hai vợ thì nằm chèo queo;
Ba vợ thì xuống chuồng heo mà nằm.”

* * *

Mẹ nhờ người nhắn tin tìm cha không biết bao nhiêu lần, nhưng cha như bóng chim tăm cá. Lúc này tôi đã khỏi bệnh, mẹ quyết định cho tôi và anh Quang đi học cùng với con Đào, con đầu của o dựng Tụng, để hai anh em khỏi ở nhà *ăn chơi luông tuông*.

Ở trong khu xóm gần trại gia binh, lớp học tư của chúng tôi là một căn phòng kê hai chiếc bàn dài và có chũng chực cái ghế cho học trò ngồi. Thầy Giang còn trẻ chưa tới hai mươi, người nhỏ nhắn, nước da trắng trẻo, và giọng nói chậm rãi và từ tốn như con gái.

Thấy tôi mới sáu tuổi và vừa ốm dậy nên thầy đưa cho cuốn sách tập đọc lớp năm rồi cho tự do làm gì thì làm. Tôi tìm chỗ ngồi riêng và lặng lẽ lấy cuốn sách toán thầy Trinh tặng học một mình. Tôi mê say làm toán động tử (hai người đi xe đạp có vận tốc khác nhau...), toán vòi nước (hai vòi nước chảy có lưu lượng khác nhau...), tính diện tích (thửa ruộng hình vuông, đám vườn hình chữ nhật,...), tính người đi buôn lời hay lỗ, v.v. Học toán xong, tôi đọc thăm trong đầu những bài đã học trong *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* là đến giờ về.

Đặc biệt chăm sóc con Đào, buổi chiều thầy thường giữ con bé ở lại làm bài thêm. Hai anh em tôi ra về, nhưng khi đi hết ngõ hẻm ra đến đường lộ anh Quang bảo tôi về nhà trước còn anh ở lại chờ. Trong lớp, anh chăm chú quan sát khi thầy đến gần con bé giảng bài riêng; anh trở nên lìm lì ít nói và trả lời nhát gừng cho qua chuyện khi thầy hỏi tới.

Hôm ấy tan trường, ra đến đầu ngõ anh dắt tay tôi đi trở lại, dấu sách vở trong bụi rào *bông cấn* (nơi khác gọi là hoa dâm bụi), và lấy ra cây gậy ngắn làm từ một thanh củi tròn. Anh đưa cho tôi cái còi và dặn,

“Hế *tau* kêu cứu thì *mi* phải thổi cho to và la lên ‘nhà cháy, nhà cháy,’ nhớ không?”

Hai đứa rón rén nấp sau cánh cửa trước phòng học. Thầy Giang đứng quay lưng về phía chúng tôi cúi khom khom ôm con Đào vào lòng, bàn tay phải thầy đút vào trong quần của con bé. Thầy tìm cách hôn nhưng con Đào ngoảnh mặt sang một bên, vùng vẫy né tránh mà không thoát khỏi.

Anh Quang nhảy vào dùng hết sức mạnh vung thanh củi lên cao giáng liên tiếp vào lưng và vai của thầy và la to,

“Tổ cha *mi* dám làm chuyện bậy bạ với em *tau*.”

Thầy Giang đau oằn người nhưng không dám la. Thừa lúc con Đào vượt khỏi, anh đánh bồi thêm một phát lên đầu thầy rồi kéo con bé chạy ra ngoài. Tôi sợ điếng người, đánh rơi chiếc còi lúc nào không hay.

Sáng hôm sau, anh tuyên bố với mẹ,

“Con không đi học nữa, đợi mai mốt cha về con đi học trường công luôn.”

Biết ý anh đã nói là làm, mẹ lắc đầu chịu thua. Quyết định này không ảnh hưởng đến tôi; tôi nghiền ngẫm các bài toán trong sách *Toán học Lớp nhất* của Trần Tiểu như mọi ngày. Nhưng không phải đến trường.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Năm, 2013

Núi Thái Bạc Lòng

Nguyễn Ngọc Hoa

Trong khoảnh đất nhỏ ở cuối trại gia binh, “sân chơi” độc quyền của tôi và anh Quang, cây bàng đứng sừng sững với tàn cây thẳng và cân đối như cái bát trái rộng. Trời cuối thu, những chiếc lá bàng to chuyển sang màu nâu vàng, và những trái bàng hình bầu dục chín màu đỏ rụng xuống rải rác trên mặt đất. Dưới bóng cây bàng tôi nghiền ngẫm bộ *Tây Du Ký* mượn của mẹ và lén đọc cuốn *Bên Dòng Sông Trẹm* của o Nậm; cuốn sau là tiểu thuyết tâm lý xã hội của Dương Hà với những tình tiết “éo le lâm ly bi đát,” mẹ cấm xem vì “con nít không được tọc mạch chuyện người lớn.”

Chiều hôm ấy, khi anh Quang rảnh rỗi đi loanh quanh kiếm chuyện làm, chị em con Bê mang bị vải trên vai đi tới. Con Bê trạc tuổi anh tôi, và con em tên Ba có lẽ nhỏ tuổi hơn tôi. Hai đứa là con ông thượng sĩ Đồi, người có cấp bậc cao nhất trong trại gia binh hạ sĩ quan và thường được kính cẩn gọi là ông Quản. Anh tôi mở lời gây sự,

“Con cá đối nằm trên cối đá!”

Như chờ đợi sự chọc ghẹo của anh, con Bê từ tốn đặt chiếc bị vải tựa vào gốc bàng, lấy ra một tờ giấy soạn sẵn, rồi phản pháo bằng cái giọng Bắc trong trẻo quện vào nhau nghe riu rít như chim hót,

“Thầy Thông thiên tư thông thái, tính tình tiện tặn. Thầy thường thao thức than thở thế thái: thi trượt tú tài, thiếu tiền trợ, thiếu thuế thân, thiếu tiền tiêu tết. Tiết Trung Thu tháng Tám, thầy Thông ta toan tự tử trước tòa thị trưởng...”

Tôi tự hỏi làm sao con Bê biết tên cha thì anh Quang lên tiếng ngắt ngang bài văn chữ “t,”

“Bà Bê bán bún bò bị bò bạng bể bụng!”

“Quang qua quýt, quanh quẩn, quay quắt, quẩn quéo, quẩn quại, quềng quàng, quỳnh quáng, quờ quạng, quơ quét,” con Bê nhìn trong giấy đọc liền một dây.

Anh tôi cứng họng; tôi chờ câu văng tục “con c... *tau*” mọi khi, nhưng không thấy. Anh tiu ngửu kéo tay tôi,

“Thôi mình về.”

“Đi đâu mà vội mà vàng; mà vấp phải đá, mà quàng phải dây,” con Bê dụ giọng năn nỉ; vừa nói vừa diễn tả – co chân phải và nối hai tay ôm quanh đầu gối.

“Tôi đây không vội không vàng; không vấp phải đá, không quàng phải dây,” anh tôi trở tài văn chương và diễn tả đối đáp – chân phải bước tới và hai tay mở rộng ra; tôi nhìn anh mà không tin đôi mắt mình.

Lại thêm một điều khó tin khác: anh Quang, *thằng Gái*, rậm rắp nghe lời sai khiến của một đứa con gái! Anh giúp con Bê lấy trong bị ra một cái lò nhỏ bằng đất sét nung và các nồi niêu xoong chảo bé tí bằng nhôm. Chiếc bị con Ba đựng bộ bát đĩa tí hon cùng các thứ gạo, rau, v.v. để chơi nấu ăn. Anh tôi lại chịu chơi “vợ chồng” với con Bê! Đóng vai bà nội trợ, nó phân công,

“*Đằng ấy* là chồng, phải đi làm việc,” nghĩa là kiếm cành cây và lá khô để đốt lò.

“Còn *thằng Bé* và con Ba làm *chi* (gì)?” anh hỏi.

“*Cô Ba* con gái phụ mẹ quét nhà và nấu ăn; còn *cậu Bé* con *giai* thì đi học,” con Bê trịnh trọng trả lời.

Trong lúc con Ba “quét nhà” – lượm rác và trái bàng rụng, tôi “đi học” – ngồi đọc truyện như trước. Cơm nấu xong, anh Quang gọi đến ăn bằng câu hát trên,

“*Học trò đi học đã về; cơm canh chưa chín đã trề mui* (môi) *ra*.”

Mâm cơm “gia đình” chỉ có cơm và canh rau ngổn hai miếng là hết sạch nhưng thơm ngon lạ lùng. Từ lúc xa quê nhà, đây là lần đầu tiên tôi thấy anh tôi vui.

* * *

Cả tuần nay, chị em con Bê bỗng dưng biến mất. Hàng ngày anh Quang ra cây bàng chờ đợi rồi trở về với vẻ mặt buồn thiu. O Nậm thì thảo với chị Tôn hàng xóm sát vách là sau trận cãi nhau kịch liệt với chồng, bà Quản Đối đem con về nhà cha mẹ ngoài Huế.

Sau bữa cơm tối, mẹ và o Nậm lúi húi dọn dẹp chén đĩa trên giường (vừa là chỗ cả nhà ăn cơm vừa là chỗ ngủ của mẹ và ba anh em tôi), ông Quản Đối mặt đỏ gay, chân nam đá chân chiêu, ôm nậm rượu đứng trước cửa. Dượng Tụng chưa kịp mặc áo đón khách thì ông bước vào lè nhè,

“*Me-xừ Tụng, toa có biết *bây chừ moa* khổ tâm lắm không?*”

(*Me-xừ* (tiếng Pháp là Monsieur = *Mister*), *toa* (tiếng Pháp là toi = *you*), và *moa* (tiếng Pháp là moi = *me*) là các tiếng xưng hô thông dụng của người lớn thời đó.)

Nể ông Quản là cấp chỉ huy của dượng, o Nậm ra hiệu cho đám trẻ con đi ra sau bếp, nhưng anh Quang mím môi ngồi yên và tôi thừa dịp nán lại theo. Lời kể lể trong lúc say sưa không đầu không đuôi nhưng ông lập đi lập lại nhiều lần nên chúng tôi hiểu ra nỗi “khổ tâm” của ông.

Ông Quản sinh trưởng ở Ninh Bình, vào Nam lập nghiệp năm mười sáu tuổi, và gia nhập quân đội năm mười tám tuổi. Mười mấy năm trước, khi đơn vị đóng đồn gần Huế, ông cưới cô Vân Lan nổi tiếng đẹp nhất vùng và sinh ra hai cô con gái xinh đẹp là Xuân Lan (con Bê) và Thu Lan (con Ba). Khi nói chuyện, ông hãnh diện chêm vào một hai tiếng Huế để mọi người biết ông lấy vợ Huế chính cống.

Tuy nhiên, trong hồ sơ quân bạ bà Vân Lan chỉ là “vợ thứ.” Bà “vợ chính,” người được cha mẹ ông đứng ra cưới hỏi, lam lũ làm ăn và quán xuyến giang sơn nhà chồng ngoài Bắc. Nhờ những chuyến nghỉ phép hàng năm về thăm quê mà ông nói dối là đi công tác, bà sinh ra ba người con trai. Hàng tháng ông vẫn lãnh phần lương trợ cấp của mẹ con bà.

Sau khi Hiệp định *Giơ Neo* (Genève) ký kết, bà vợ chính không ở lại chăm sóc cha mẹ cùng nhà cửa ruộng vườn mồ mả tổ tiên nhà chồng mà lại dắt ba đứa con lên tàu há mồm theo làn sóng người di cư vào Nam. Đến Sài Gòn, bà nhờ người nhắn tin tìm ông từ mấy tháng nay nhưng ông

lờ đi không trả lời. Tuần trước, một người làng tìm ông để đưa tin, tình cờ gặp bà Vân Lan và cho bà hay tự sự.

Bà khóc ròng oán trách lấy nhau đã có hai mặt con mà ông nỡ nào gạt gẫm bà. Bà khuyên ông đón mẹ con bà vợ cả về để gia đình đoàn tụ, vẹn toàn cả dòng chính lẫn dòng thứ. Khi ông không bằng lòng rước “con mụ nhà quê” và “ba thằng giặc con” ấy về “phá hại hạnh phúc” của ông, bà lẳng lặng cuốn gói dẫn con về nhà cha mẹ vì không thể sống chung với người chồng, người cha vô *hậu* bạc tình bạc nghĩa như vôi.

Ông Quán tiếp tục than thở với dưỡng Tụng,

“*Bây chừ* đầu óc *moa* rối beng, *toa* nghĩ *moa* phải làm sao?”

Tôi nghe chuyện mà nước mắt chảy dài và nghĩ tới cha, chắc ông cũng tìm cách bỏ rơi chúng tôi như ông Quán Đối.

Chợt nghe anh Quang lên tiếng,

“*Răng* (sao) ông Quán người lớn mà nói tiếng Huế cà lăm?”

Ông Quán cười khà khà mỉa mai,

“Đi từ Bắc chí Nam, tao chỉ huy một đại đội lính mà *bây chừ* bị một thằng bé hỉ mũi chưa sạch chề không biết cách ăn nói.”

“*Có răng* con nói *rứa* (vậy), có sai *mô* (đâu),” anh tôi không chịu thua.

Dưỡng Tụng thương cháu nhưng không dám làm mất lòng thượng cấp,

“Cháu nó trẻ người non dạ, thượng sĩ bỏ qua cho.”

“Nếu con giảng rõ ông nói cà lăm thì tính *răng*?” anh tôi không lùi bước.

“Cậu nói đúng thì muốn gì tao cũng chịu; nhưng giảng không thông thì phải khoanh tay xin lỗi, hoặc là bị đòn,” ông Quán ra điều kiện.

Được y ước anh tôi hăng hái,

“Từ tối đến giờ ông dùng hoài tiếng ‘*bây chừ*.’ Hỏi dưỡng con có phải ‘*chừ*’ một *chắc* (một mình) có nghĩa là ‘*bây giờ*’ không?”

Dưỡng gạt gù tán thành, anh tiếp,

“Do đó ‘*bây chừ*’ là ‘*bây bây giờ*’; ông nói lấp hai tiếng ‘*bây*,’ không phải cà lăm hay *răng*?”

“Ờ, tạm cho là có lý đi,” ông Quán ngượng nghịu, “mà cậu muốn điều gì?”

“Ông đón bà về và theo ý nguyện của bà.”

Đêm đó tôi nằm mơ bị hai con yêu tinh hung ác phép thuật cao cường rượt bắt ăn thịt; một con trông tựa như ông Quán Đối, còn con kia không rõ mặt. Giật mình tỉnh dậy, tôi lên nhìn thấy mẹ khóc nước mắt ướt gối. Tôi cố hình dung diện mạo của cha nhưng không tưởng tượng ra.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 Tháng Tám, 2013

Con và Cha

Nguyễn Ngọc Hoa

Rốt cuộc cha cũng xuất hiện đón mẹ và anh em tôi về làng Truồi, nơi cha đóng đồn. Cha đến với dì Cúc mà chúng tôi đã gặp trong chuyến đi Lăng Cô gần hai năm trước. Năm nay dì hăm ba tuổi (mẹ sinh tôi lúc bằng tuổi dì), nói giọng Huế lúi lo như chim hót, thanh tao mà khó hiểu, và hết lòng chiều chuộng ba anh em tôi.

Mặt tiền nhìn ra sông Truồi (sông Hưng Bình), ngôi nhà thuê rộng rãi có ba gian thông nhau; hai chái (phòng) hai bên, và hàng hiên phía trước. Gian giữa với cửa chính mở rộng là nơi đặt bàn thờ và bộ tràng kỷ dùng tiếp khách đồng thời làm bàn ăn của cha. Hai gian bên có cửa hẹp hơn, dùng làm chỗ ngủ, cha mẹ và thằng Sáng ở một phòng còn phòng kia dành cho dì và tôi và anh Quang. Vườn cây chè rộng sau nhà trở thành sân chơi của anh em tôi.

Vốn là chú bé nhà quê, tôi quen *luông tuồng* không ai câu thúc, nhưng ở với cha thì việc gì cũng phải làm liền làm nhanh làm đúng và có kỷ luật hẳn hoi. Ăn uống đúng giờ đúng giấc, ngồi ăn phải ngồi thẳng thớm, muốn dùng muỗng múc canh thì trước hết phải đặt đũa xuống bàn, và ngay cả đôi đũa cũng phải gác ngay ngắn đúng chỗ. Đọc sách xong phải xếp lại cất gọn gàng vào chỗ chỉ định, đôi guốc và áo quần dùng xong phải có chỗ có nơi đàng hoàng, tóc tai phải luôn luôn *cúp* (hót) ngắn gọn như thợ, và nhiều luật lệ khác mà tôi không bao giờ hiểu và ít khi nhớ mà tuân theo.

Trong vô số phép tắc và khuôn khổ của cha, “luật” ngủ trưa là điều tôi ghét nhất. Trưa hè nóng bức, mẹ lừa ba anh em vào phòng bên bắt phải nằm ngủ. Căn nhà rộng im phẳng phắc không có một tiếng động ngoài tiếng ngáy khò khò của cha, và mẹ và dì Cúc nói chuyện thì thảo vì sợ động giấc ngủ cha. Trời nắng đẹp bên ngoài và bóng mát trong vườn mời gọi, tôi không thể nằm yên nên lò dò xuống bếp tìm mẹ,

“Cho con ra vườn chơi, con không làm ồn *mô* (đâu).”

“Không được. Cho *mi* ra rồi hai đứa *tê* (kia) đi theo, làm rộn cha dậy thì chết đồn,” mẹ lắc đầu.

“Vườn sau rộng như *rúa* (thế), làm *răng* (sao) nghe được tiếng tụi con?” tôi hỏi lại.

“Biểu ngủ thì phải ngủ, không nói *oong-đơ chi* hết,” mẹ nhất định. “Không nói *oong-đơ*” là “không nói một hai,” lời ra lệnh cho người khác đừng nên nói gì cả; “*oong-đơ*” do tiếng Pháp “un-deux,” nghĩa là “một-hai.”

“Không buồn ngủ làm *răng* ngủ được? Con ra bến sông chơi *nghen*?”

“Thằng *ni* (này) lì, nói không nghe. Cha cấm mấy đứa *bây* chơi gần sông khi không có mặt người lớn.”

“Trong nhà *ni* chỉ có *một chắc* (một mình) con và anh Quang biết bơi, người lớn có ai dám xuống nước *mô*,” một sự thực không thể chối cãi.

“Tổ cha *mi ưng cãi sai cung*. Cha dậy *đập* cho mi một trận *tởn tới tra* (chừa đến già)!” mẹ giận nhưng không dám lớn tiếng; tôi xem đó là lời đồng ý và chạy biến ra cửa. “*Cãi sai cung*” là lý sự cùn, cãi chà cãi cối vì thấy mình bị bắt ép hay bị đòn oan.

* * *

Chưa đến cuối ngày thứ ba mà sự tiếp đón ân cần của cha đã phai nhạt. Cha lớn tiếng đòi mẹ giao nạp của cải mang ngoài làng vào để trang trải nợ nần. Mẹ phân trần vốn liếng tài sản một đời để phòng thân phòng thủ nơi đất khách quê người; bây giờ chân ướt chân ráo, chưa có nhà có cửa làm chỗ nương thân mà *chăm hằm* tiêu pha cho hết thì chẳng bao lâu ba đứa con dại sẽ cạp đất mà ăn. Cha chửi tục và toan hành hung, nhưng mẹ quyết chí, đừng hòng lay chuyển. Nhưng từ hôm ấy cuộc sống của *thằng Bé* bỗng dưng bước vào những ngày đen tối nhất.

Trong ba đứa con, *thằng Sáng* mới ba tuổi còn anh Quang thì nhanh nhẩu và khôn ngoan, chỉ có *thằng Bé* kém ăn nói, luôn luôn phạm vào các luật lệ mới, và mang thêm trên đầu đủ thứ tội vạ đáng phạt đòn. Trước hết là tội hỗn hào, hễ “người lớn” (tức là cha) nói sai là cãi phăng không nể nang, biện bác cho ra lẽ mới chịu im. Kế đến là tội lì lợm, mỗi khi đã quyết rằng mình đúng thì ai nói cũng coi như pha. Rồi đến tội giả điếc: khi mãi đọc cuốn sách đặc ý, đố ai gọi hay bảo làm chuyện gì khác. Sau cùng là tội tham ăn, gặp món vừa miệng là ăn mãi không ngừng như thùng rỗng đáy; anh Quang gọi là “thợ ăn” và dịch ra tiếng Pháp là “*ouvrier de manger*” – theo lối tên *thằng Bé* lấy từ chữ “*Le Petit*.” Còn ai lý tưởng hơn để cha tùy tiện phạt đòn?

Ngày ngoài làng nội vót sẵn cây roi mây treo trên cột nhà để răn phạt khi *tụi hần* “hư quá.” Nội bắt nằm sấp dưới sàn nhà, vừa hạch tội bằng chuyện xưa tích cũ vừa la mắng cho đến khi “phạm nhân” rơm rớm nước mắt hối cải mới phết một roi vào mông. Có khi có khách tới nhà thăm, nội nể mặt khách tha luôn màn “ăn lươn mây” cuối cùng.

Cha là nhà binh nên cách trừng phạt cũng khác. Khi bị gọi ra đứng trước mặt cha ở gian giữa trước bàn thờ, tôi biết mình có tội, nhưng nhiều tội quá không biết sẽ bị phạt về tội gì. Cha giáo đầu bằng hai cái bạt tai choáng váng mặt mày, và tôi lính quỳnh xoa mặt lúi một bước,
“Chạy đi mô, muốn chết hả? Nằm xuống đây.”

Cha rút chiếc thắt lưng da ra. Tôi chưa kịp dấu hai bàn tay dưới bụng thì cây roi da quất tới tấp vào lưng, mông, và đùi,

“Cho *mi* chết, biết tội chưa?”

Nếu đau quá mà khóc thét lên thì lãnh thêm một tràng roi da khác,

“Oan ức lắm *răng* mà còn khóc?”

Nhưng nếu ngẩn rặng không khóc thì cũng không hơn gì,

“*Thằng chó ni* gan lì, *đập* cho *mi* hết lì.”

Đằng nào cũng “ăn da bò” nên tôi ngậm miệng chịu đau để mẹ khỏi đau lòng. Trận đòn chấm dứt khi cha mỗi tay dừng lại thở dốc và dì Cúc chạy tới nâng dậy,

“*Thằng Bé* xin cha tha đi, lần sau con không dám nữa.”

Tôi không xin tha vì chắc chắn sẽ tái phạm – cái tội gì đó không rõ. Cha đợi có thể,

“Cút đi cho khuất mắt!”

Mẹ đứng nhìn mếu máo, di đồ dầu tràm thoa lên các vết hằn, và tôi xót thấu xương. Mẹ nấu cháo thịt bò băm mịn, món ăn dành cho người bệnh, cho ăn. Đêm nằm trong lòng dì, tôi đau quá không ngủ được, suốt đêm ngọ ngoạy như con *trùn*.

Càng ngày các trận đòn càng đến thường xuyên hơn, nhất là sau những lần chủ nợ đến nhà làm dữ. Nằm nghiêng trên giường (cho khỏi đau), tôi tuần tự ôn lại những thứ đọc được khi làm con một sách nằm dưới *bộ gõ* (bộ phận) của nội ngoại làng. Tài liệu huấn luyện của trường Võ bị Liên quân Đà Lạt cha và chú Lam để lại có bài luận về sự thiết yếu của quyền chủ động trong Binh pháp Tôn Tử,

“*Người chỉ huy tác chiến giỏi là người có thể điều khiển quân địch chứ không thể theo sự điều khiển của quân địch.*”

Phải rồi, tôi phải nắm quyền chủ động mới mong thoát khỏi khổ nạn này! Trận đòn sau đó, bị hai bạt tai giáo đầu nổ đom đóm mắt nhưng không xoa mặt hay thổi lui, tôi thản nhiên nhìn cha như không có gì xảy ra.

“*Nằm xuống,*” cha quát lên.

Tôi giả điếc đứng yên. Đối với cha, một sĩ quan, con cái không tuân lệnh là điều không thể chấp nhận – một tội tày trời – nên cây nịt da toàn lực quật xuống liên hồi,

“*Thằng khốn nạn, dám không nghe lời!*” cha thở hồng hộc.

Tôi loạng quạng ngã xuống, gượng đứng dậy, và chờ cha đánh tiếp. Ngọn roi da tiếp tục giáng xuống thành tiếng “*đét*”, “*đét*,” ... ,

“*Cho mi chết rồi đem chôn!*” cha nghiến răng *trèo trẹo*.

Sau lần gặng gượng thứ ba, tôi không còn có cảm giác đau đớn mà thấy sau lưng ươn ướt, nhìn vào đôi mắt long lên sòng sọc vì giận dữ, nhưng thoáng sợ hãi, của cha. Thấy máu thấm sau lưng áo tôi, mẹ thất thanh rú lên, và dì Cúc nhào tới,

“*Đập tui nì (này), con mới sáu tuổi đầu mà hành hạ còn hơn tra khảo Việt Minh!*”

Biết mình đã thắng cuộc chiến tranh cân não với mẹ, cha xuống giọng,

“*Chiều hăn cho gắt, hăn được lòn (chiều nó cho lằm vào, nó làm tới)!*”

“*Dì xê ra, kê chó con (dì xích qua đi, để mặc con)!*” tôi đẩy dì sang một bên, đứng ưỡn ngực nhìn lên.

Mặt cha tái nhợt, tay run run đưa dây nịt lên cao, dừng lại một lát rồi hạ xuống,

“*Cút đi. Con quý con yêu, con với cái chi mô (gì đâu)!*”

Tôi đứng yên không đi. Buột lên tiếng chửi thề tục tĩu, cha bước nhanh ra sân lên xe *Giép* (Jeep đọc theo tiếng Pháp) nổ máy rột rột. Trước khi ngã vào lòng dì bất tỉnh, tôi nghe xe tông vào cây mít trước nhà cái “*rầm*.”

* * *

Tôi nằm liệt giường lúc tỉnh lúc mê suốt hai tuần lễ. Mẹ mời thầy lang thăm bệnh, xem mạch cho toa. Dì sắc thuốc cho uống ngày ba lần, thuốc Bắc đắng nghét, đắng hơn canh *mướp đắng* (khổ qua) mẹ nấu cho cha ăn. Khi tôi ra khỏi giường, anh Quang kéo ra vườn nói nhỏ: cha mẹ vừa đi Đà Nẵng lấy tiền, và cha nhượng bộ chịu dành ra một phần tiền mua nhà ở Huế.

Từ giã làng Truồi dọn về An Cựu, hình như không ai trong gia đình thực sự hài lòng với ngôi nhà chật hẹp dưới chân núi Ngự Bình, ngoại trừ *thằng Bé*. Chủ nhà trước để lại tủ sách xưa, trong đó có bộ *Grammaire française (Văn phạm Pháp ngữ)* của Claude Augé.

Chọn cuốn văn phạm *cours préparatoire* là *lớp dự bị* (tương đương với lớp một ngày nay) mà học một mình. Thấy tôi ôm cuốn sách dày bằng nửa cuốn tự điển, cha hất hàm,

“Mi học lớp mấy?”

“Dạ không biết,” có đi học đâu mà biết.

“Học *chi*, đưa đây coi,” cha giật cuốn sách ra khỏi tay.

“Dạ...” không cần trả lời vì cha đã cầm cuốn sách, biết rồi.

“Mi hiểu không?” cha không cần hỏi vì nếu không hiểu tôi đã không học.

“Dạ...” đưa hai tay đòi lại cuốn sách, chấm dứt cuộc đàm thoại một chiều vì cha đã hỏi đến câu thứ ba.

Bàn luận với anh Quang về những thứ tôi không thích: thoa dầu tràm, ăn cháo thịt bò, uống thuốc bắc, và... cha, bị mẹ nghe được mắng mỏ,

“Đồ con bất hiếu bất mục, cha *mi* mà *mi* dám nói *rứa*.”

Nhớ lại các bài học trong *Luân Lý Giáo Khoa Thư* lớp đồng ấu (tương đương với lớp mẫu giáo ngày nay), tôi hổ thẹn với chính mình.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 6 tháng Mười Một, 2013

Người Mẹ Thứ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngôi nhà An Cựu của mẹ nằm giữa một thửa đất rộng gần chân núi Ngự Bình. Hàng rào chung quanh là những cây chè mọc hoang đan vào các bụi cần (hoa dâm bụt) với những đóa hoa giống như cái lọng màu đỏ và chen lẫn với các bụi ngũ sắc với những bông hoa nhỏ nhiều màu sắc và trái tròn nhỏ xíu dính với nhau thành chùm. Vườn tược trồng trái, mẹ dự định trồng cây ăn trái ở phía trước và lập vườn rau ở phía sau để thu hoạch hoa màu làm lợi tức gia đình.

Không tới một tuần mà anh Quang đã tụ tập chơi đùa với bọn trẻ con cùng trang lứa trong xóm. Trong lúc anh được phục lẫn và tôn làm đầu nêu bày trò chơi, tôi bị chê là ngu ngơ khờ khạo. Bọn này hái trái ngũ sắc chín màu đen dự tôi ăn; tôi ăn vào nhả phụt ra ngay vì không ngon lành gì cả (dì Cúc chê “chim cũng không thèm ăn trái nó”) và bị trêu chọc vì gọi cây hoa bằng cái tên ở ngoài làng,

“Lêu lêu, bông ngũ sắc mà kêu là *bông gia tô*. *Quê òm* (quê quá chừng)!”

Buổi sáng anh dẫn tôi chạy lên núi để luyện phi hành tức là lướt đi như bay như các hiệp sĩ trong truyện võ thuật hay kiếm hiệp. Chạy lên núi đã khó – mệt và mỗi chân, nhưng chạy xuống lại càng khó hơn – giữ sao cho đừng đổ dốc ngã chúi dập mặt. Anh nói khi đạt đến mức thượng thừa mỗi ngày hiệp khách có thể đi ngàn dặm như không.

Buổi chiều, hai anh em luyện phi thân tức là nhảy vọt lên. “Sách” dạy khi đầy đủ công phu chỉ cần nhún chân một cái là nhảy qua tường cao hay bay lên nóc nhà. Ở góc vườn sau không ai nhìn thấy, anh đào một cái hố đường kính chừng một thước và ban đầu sâu chừng ba tấc. Đứng dưới hố, không cong chân (ở đầu gối), và rón nhảy lên mặt đất. Sau khi “thành công” ở độ sâu này, lại đào sâu hơn, và cứ thế mà tiếp tục.

Thỉnh thoảng chúng tôi lên hai hòn núi nằm hai bên núi Ngự Bình, Tả Phù và Hữu Bật. Tôi lượm thạch anh và đá lửa ở chân núi đem về trữ trong “kho tàng bí mật” chôn dấu sau hè nhà. Anh Quang dẫn “quân” lên hòn Hữu Bật tập diễn màn vua Quang Trung lập đàn tế cáo trời đất và lên ngôi hoàng đế trước khi tiến quân ra Bắc đánh quân Thanh. Khi vở kịch hoàn tất, anh nghiêm giọng hô lớn,

“Quân ba...a...ay!”

“Dạ...ạ...ạ,” bọn trẻ dạ rân lên.

“Cầm cu cho tau đá...ái...ái,” anh cười kha khả.

Bọn “lâu la” rú lên cười hãnh diện và cùng nhau vỗ tay hát,

Hai vợ chồng,

Hông vợ chài.

Đổ bánh khoai.

Hái rau răm.

*Nằm với nhau.
Địt cái tộng!*

Anh tôi nghe không thuận tai, dạy các bạn hát bài đồng dao Quảng Bình về vợ chồng,
*... O một mình, không đặng
Tui một mình, không đặng
Gió ngoài biển dờn vô
Mây trên trời cuốn lại
O với tui cũng cuốn lại ...*

Những trò chơi *loang toang* của chúng tôi không qua nổi đôi mắt dì Cúc, nhưng dì không la mắng mà còn giúp đỡ và che chở khi cha hỏi tới. Cha thường ngủ đêm trong đờn dưới Trườn ít khi về nhà nên chúng tôi ít gặp và không lo bị “ăn da bò.”

Giúp mẹ lo việc nhà cửa và săn sóc bốn anh em tôi (mẹ vừa có thêm thằng Triết), dì được mẹ tin cậy. Anh Quang không ưa dì nhưng chỉ dám lén uốn éo đóng trò bắt chước dì nói giọng Huế,
“Eng ăng noái chi mà lạ rứa, mềng người ta dị bắc chết mà nỡ biết ôốc dộc!” (“Anh ăn nói gì mà lạ vậy, làm người ta thẹn muốn chết mà không biết xấu hổ!”)

Một hôm tôi thấy đứng chơ vơ bên đường lên núi một cây hoa quỳ cao chừng hai thước với những cánh hoa màu vàng rực rỡ chung quanh đài hoa. Đóa hoa đẹp quá, tôi bẻ cả cây đem về đưa mẹ xem. Mẹ vốn không ưa cây dại ngoài đồng,
“Quăng đi, đem về làm chi cho nhớt (dơ) nhà?”

Tôi mang hoa tặng dì Cúc. Dì cảm động, lấy chai bia không đổ nước vào cắm hoa để trên đầu giường, và giải thích,

“Cây ni còn kêu là bông hướng dương có gốc ở bên Châu Mỹ. Những cọng bông nhỏ lấm tấm trong đài hoa lớn lên thành hạt ăn ngon lắm.”

“Dì ăn thử chưa?” tôi tò mò.

“Nghe rứa chớ có mô mà ăn,” dì xoa đầu tôi cười rúc rích.

Mỗi chiều thứ Năm dì xin phép mẹ đưa tôi đi xem hát bội ở trường hát Ba Tuần (tức là rạp Đồng Xuân Lâu) ở Ngã Giữa (hay đường Gia Long). Xem hát xong, dì ghé quán Bà Cửu Ối mua cho mẹ gói thuốc cấm lệ, tiệm Hồng Thuận lấy cho anh Quang và thằng Sáng gói mè xừng hoặc hộp kẹo gương, và chợ Đông Ba tìm cho thằng Triết món quà nhỏ như cái lục lạc hay con chim bằng vải treo trên nóc nôi. Chú “thợ ăn” thì no nê với quà bánh *xực* liên tục từ khi tới rạp hát cho đến lúc ra về.

Dì thích nhất tuồng *“Quan Vân Trường Phò Nhị Tẩu”* diễn tích Quan Vũ hộ tống hai bà chị dâu, vợ người anh kết nghĩa là Lưu Bị, trên đường lưu lạc. “Con mọt sách” đã thuộc lòng các truyện Tàu mà tựa đề mang thêm hai chữ “Diễn Nghĩa” như *Phong Thần, Tam Quốc Chí, Tây Du Ký*, v.v. và hằng hái kể lại cho dì nghe những sự tích trong truyện. Tôi khám phá ra một điều không ai biết: dì có khả năng nhận thức lẹ và nhớ dai lạ lùng như nghe đọc tên thuốc hay địa danh bằng tiếng Pháp một lần là nhớ mãi và lập lại đúng giọng, nhưng lại không biết đọc hay biết viết.

Biết tôi ham đọc truyện, dì kiếm về cho tôi nhiều sách cũ phần lớn mất cả bìa trước lẫn bìa sau nhưng trang đầu ghi lời yêu cầu của chủ nhân,

*Chơi hoa chớ để hoa tàn,
Xem sách chớ để sách tan nát bìa.*

Tôi học cách cắt giấy cứng làm bìa, dùng đinh đục lỗ, và dùng kèm cắt dây kẽm làm kim đóng sách để đóng sách lại và cất giữ. Nhờ vậy, tôi có cả thư viện truyện tình cảm xã hội như *Bên Dòng Sông Trẹm* của Dương Hà, truyện trinh thám như *Con Tàu Máu* và *Chiếc Thuyền Ma* của Phi Long, truyện võ thuật như *Hỏa Thiêu Thiểu Lâm Tự* và *Thần Long Đại Hiệp*, v.v.

Truyện trinh thám và võ thuật không hiểu sao thường bị bỏ dở nửa chừng và không có kết cuộc. Nhưng không hề gì, dì Cúc giúp tôi dệt thêm phần cuối, thêm mắm thêm muối cho đến khi thấy câu chuyện kết thúc vừa ý – người hiền gặp lành, và kẻ ác đền tội. Với phương pháp “viết truyện miệng,” dì là cô giáo Việt văn đầu tiên và giỏi nhất trong đời tôi.

Dì hay kể lể tâm sự với tôi mà không sợ bị tiết lộ sang người thứ ba vì *thằng Bé* không có ai để kể lại, mà có kể cũng chẳng ai thèm nghe. Dì là dân Huế chính cống, sinh ra và lớn lên ở vùng

*Đông Ba Gia Hội hai cầu,
Ngó về Diệu Đế bốn lầu hai chuông.*

Chùa Diệu Đế tọa lạc bên bờ sông Gia Hội (hay còn gọi là sông Đông Ba).

Mồ cô cha từ thuở bé, dì theo mẹ vào Lăng Cô mở quán tạp hóa rồi gặp cha và thương tài “ông quan một” lớn hơn dì tám tuổi. Cha thành thực cho biết đã có vợ và ba đứa con ở ngoài làng và ngỡ ý muốn hỏi cưới dì làm vợ hai đúng lúc bà mẹ lâm bệnh nặng sợ không qua khỏi. Bà giục dì, lúc ấy mười chín tuổi, nhận lời cầu hôn để có nơi nương tựa sau khi bà ra đi.

Đám cưới chạy tang được tổ chức đơn giản với sự chứng kiến của các bạn đồng ngũ của cha. Sau khi mẹ mất, dì bán nhà cửa và giao hết tiền bạc cho cha. Từ đó, coi mình là một phần gia đình cha và nguyện phục tòng và giúp mẹ nuôi nấng các con. Dì mong ước một điều,

“Rằng ông Trời cho dì để đưa con gái. Có công chúa đứng giữa tứ hổ tướng là bốn anh em bây là nhà mình có phúc nhứt hạng.”

Nhân thu xếp các món đồ trong rương, dì hãnh diện lấy cho tôi xem tờ “giấy giá thú” cha làm lúc cưới dì,

“Cha nộp giấy ni trong đồn, ăn lương dì là vợ thứ cùng với mẹ là vợ chánh và mấy đứa bây là con.”

Đó là tờ “Giấy Sống Chung” đánh máy trên giấy trơn không có tiêu đề, đại khái cho biết cha và dì thỏa thuận sống chung với nhau; cha ký tên bên dưới và dì điểm chỉ một bên. Tôi đọc đi đọc lại mà không thấy chữ “giá thú,” “chồng,” hay “vợ thứ” đâu cả. Dì ngạc nhiên,

“Rằng con đọc lâu rứa, có chi lạ không?”

“Dạ không, có mấy chữ khó mà con không hiểu,” tôi ngập ngừng và thấy mắt cay cay.

Vậy mà lâu nay tôi cứ ngỡ dì thực sự là thứ mẫu – mẹ thứ – của anh em tôi. Tội nghiệp dì quá đi thôi!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Mười Một, 2013

Thằng Bé Phá Đám

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Chiếc xe *Giép* (Jeep) nhà binh chạy từ từ vào trong sân và ngừng lại. Trong bộ quân phục ka-ki màu vàng vôi lon thiếu úy một vạch vàng trên cầu vai, chú Lam oai vệ bước xuống xe. Anh Quang mừng rú chạy ra đón, nắm tay chú đưa vào nhà. Chú tươi cười xoa đầu tôi và thằng Sáng. Đây là lần thứ hai tôi gặp chú, lần đầu chú về thăm nhà ngoài làng khi mới tốt nghiệp trường Võ bị Liên quân Đà Lạt. Mẹ cười tươi nhưng làm bộ trách,

“Đi *mô* mà biệt tăm biệt tích, tưởng chú *từ* chị với nhà *ni* rồi *chớ!*”

“Từ Sông Cầu em đổi ra Quảng Trị nửa năm rồi mà không biết chị và các cháu đã vô trong *ni*. Tuần trước em liên lạc với anh,” chú phân trần.

“Gặp lại chú là chị mừng rồi, có bắt lỗi bắt phải *chi mô* mà chú lo,” lâu nay mới thấy mẹ vui.

“Em đi phép một tuần, về thăm anh chị và các cháu là người thân duy nhất.”

“Chú tìm được cô *mô* vừa ý vừa tứ chưa? *Tra trước* (già đầu) rồi, *trẻ mô chi* nữa mà lòng bông hòai!”

“Ai thèm lấy em, chị ơi!”

“Để đó chị tính cho. *Vú* mất rồi, *bọ* ở ngoài làng không biết khi *mô* gặp lại, *chừ* anh là *quyền huynh thế phụ*, không lo vợ con cho chú thì ai lo?” như thể mẹ đã có kế hoạch sẵn.

Sang ngày thứ hai chú mới có thì giờ dành cho anh em tôi. Bao nhiêu thắc mắc từ trước đến nay, tôi và anh Quang tranh nhau đem ra hỏi chú. Anh tìm hiểu tổ chức quân đội; nhiệm vụ và hoạt động của các binh chủng hải, lục, và không quân; và các cấp bậc trong quân đội, từ binh nhất, hạ sĩ, hạ sĩ nhất, v.v. đến thiếu tướng, trung tướng, và đại tướng; *thằng Bé* chen vào,

“Đại úy lục quân so với đại úy hải quân hay không quân, ai *to* (làm lớn) hơn?”

“Cùng cấp bậc không ai *to* hơn ai, mỗi người một nhiệm vụ.”

“Rứa thì ai ‘mạnh’ hơn, nhiều quyền hơn?” tôi chưa thỏa mãn.

“Cái *nớ* thì *tau* chịu! Tùy theo công việc của từng người...” chú cười to.

“Rứa thì trong quân đội, công việc *chi* quan trọng nhất làm cho người *nớ* thành ‘mạnh’ nhất?”

“Mai mốt học lên cho giỏi *mi* sẽ biết!” chú cố chấm dứt đề tài thảo luận.

“Phải học tới *mô* con mới biết chuyện *ni*?” tôi hỏi gặng.

“Con trâu lì, nói *ba lạp ba xàm!*” anh Quang cú mạnh lên đầu tôi.

Chú xin phép mẹ chở tôi và anh Quang đi chơi, lần đầu tiên chúng tôi được ngồi xe *Giép*. Biết chú ngày trước học trường Khải Định, rành rẽ đường đi nước bước đất cổ đô, anh Quang đề nghị,

“Mình ra ngồi quán Lạc Sơn bạn con nói là chỗ thanh lịch nhất Huế nghe chú.”

“Ngồi quán làm *chi*?” tôi vội vàng lên tiếng.

“Mi còn nhỏ không biết, người lớn ra ngồi đó uống cà phê – kêu là *đi nghe*,” anh tôi cười chúm chím. “*Đi nghe*” tiếng Huế là đi ngắm phụ nữ, giống như “đi rửa mắt.”

“Con không muốn đi nghề mô,” tôi lập tức phản đối.
“Tau biết mi muốn chi rồi, đừng lo,” chú trấn an thằng Bé.

Chú đưa tôi đến nhà sách Ưng Hạ trên phố Trường Tiền. Lần đầu tiên vào nhà sách và lần đầu tiên được cầm đọc sách mới còn thơm mùi mực, tôi dán mắt vào những cuốn sách trưng bày ngay ngắn trên kệ sách dài cao quá đầu người. Chú Lam tìm cô hàng sách gửi gắm,

“O cho cháu tui ở đây coi sách, hẩn ưng chi o cứ lấy cho hẩn.”

“Dạ, thiếu úy để tui coi em cho. Tui ở gần thằng Bé và quen với nhà ông trung úy mà!” một giọng nói thanh tao quen thuộc cất lên.

Cô hàng sách là chị Hân ở ngôi nhà lớn có vườn rộng phía bên kia đường, hay sang nhà tôi chơi với dì Cúc, và thỉnh thoảng cho tôi sách cũ. Chú Lam nói như phân trần,

“Tui qua bên Lạc Sơn gặp mấy người bạn đồng ngũ, đem theo thằng lớn cho nó nghe chuyện nhà binh. Còn thằng ni thì mê sách mê vở.”

“Dạ, thiếu úy cứ đi,” chị Hân dịu dàng.

“O ni, mình là hàng xóm láng giềng, o đừng có thiếu úy thiếu iếc mà mất vẻ thân tình.”

“Dạ...” tiếng chị êm ái khiến chú Lam không muốn dời bước.

Tối hôm đó chị Hân sang nhà tặng tôi cuốn *Hà Nội Băm Sáu Phố Phường* của Thạch Lam mới tinh. Chị đứng dưới bếp nói chuyện với dì Cúc thật lâu; mẹ và chú Lam thì thăm bàn bạc và thỉnh thoảng nhìn về phía nhà bếp. Chị về rồi, mẹ cười chum chim,

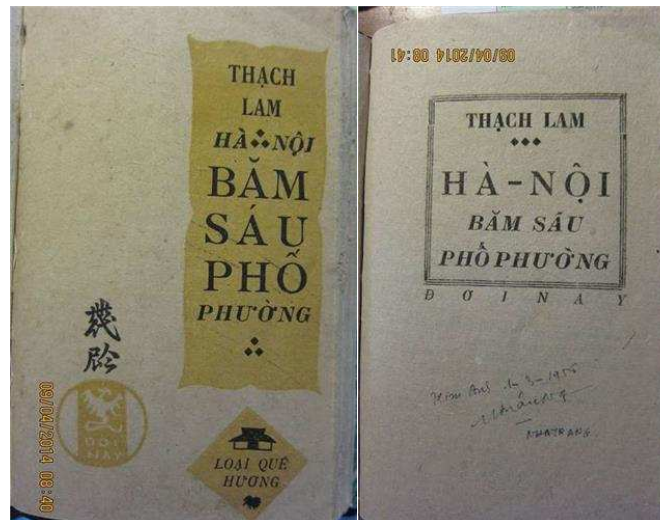
“Chú thấy con nó được không? Ưng thì chị đi nói.”

“Dạ, chị tính rằng cũng được,” chú bẽn lễn.

“Chú mà chắc ý thì tiền lính tính liền. Lấy vợ thì cưới liền tay, đừng để lâu ngày lắm kẻ gièm pha,” mẹ thúc giục.

“Dạ...”

“Rứa thì sáng mai chị sắm lễ vật bưng qua nhà hẩn giạm hỏi, xin ngày sinh tháng đẻ để đi coi thầy. Một mặt, chú xuống dưới Truồi mời anh về làm chủ hôn,” vậy là mẹ đã quyết định cưới vợ cho chú.



Chị Hân thuộc dòng dõi hoàng tộc và có tên thật đẹp mà dài ngoằng: Công Tăng Tôn Nữ thị Nhật Hạ. Chú Lam xem cách triều nhà Nguyễn đặt họ cho con trai,

Miên – Hoàng – Ưng – Bửu – Vĩnh – Bảo

và cho con gái,

Công Chúa – Công Nữ – Công Tôn Nữ – Công Tăng Tôn Nữ – Huyền Tôn Nữ – Tôn Nữ
mà tính ra chị Hân ngang vai với vua Khải Định (Bửu Đảo) và vai o của vua Bảo Đại (Vĩnh Thụy),
đương kim quốc trưởng.

Có điều phiền là năm nay chị 23, tuổi Dậu, trong lúc chú Lam 26, tuổi Ngọ – *Tý Ngọ Mẹo Dậu tứ hành xung*. Mẹ kể thầy Phước bên Ngã Giữa (hay đường Gia Long) coi tuổi nói hai người khác tuổi nhưng,

“Chú *hấn* mạng mộc, còn *con* *nớ* mạng hỏa hợp nhau và cuộc nhân duyên có cơ bền vững suốt đời nếu...”

“Xí, thời buổi *ni* mà *mụ* còn mê tín dị đoan – thầy với bà!” cha nóng nảy ngắt lời.

“Có kiêng có lành *ông* ơi! Thầy chỉ cách hóa giải để hai đứa khỏi gặp trục trặc về sau...”

“*Tui* nói rồi, *mụ* không được tốn thêm tiền cho thầy bói thầy toán,” cha lớn tiếng nạt đùa.

Thông cảm nhà trai là quân nhân thì giờ eo hẹp, “Mẹ” (tiếng gọi các ông hoàng, con vua cháu chúa đời nhà Nguyễn) cha chị Hân chấp thuận lời yêu cầu cho “hỏi cưới một ngày,” nhưng đòi lễ vật – cau, trầu, rượu, trà, bánh, trái, và con heo quay – phải đầy đủ, không thể giảm bớt. Mẹ đòi đoàn rước dâu nhà trai phải có mười cặp bê lão đã sống với nhau lâu năm để chúc phúc cho cô dâu chú rể. Cha nổi giận phản đối nhưng mẹ can ngăn,

“*Ông* đừng lo, *tui* có mười cặp *nớ* rồi; để mai *chú* *hấn* đi mời.”

Chú Lam lái xe *Giép* ra Quảng Trị và vào Đà Nẵng mời về đủ mười cặp trưởng thượng, kíp đám cưới là ngày nghỉ phép cuối cùng của chú. Bà con áo dài khăn đóng tụ tập trong căn nhà nhỏ, đến giờ hoàng đạo xếp hàng hai mang lễ vật đi bộ sang nhà gái. Dì Cúc ở nhà trông bốn anh em tôi. Chưa bao giờ thấy đám cưới, tôi rủ anh Quang,

“Đi coi đám cưới *hè*, ở nhà làm *chi*?”

“*Tau* không thêm; coi mà không được ăn thì hay ho *chi*,” anh từ chối.

“*Rứa* thì *tui* đi *một* *chắc* (một mình)!”

“Con đi coi thôi *nghen*, đừng vô trong nhà người ta làm *chộn rộn* bị đòn rán chịu đó,” dì Cúc cẩn thận dặn dò.

Nhập bọn với đám trẻ con hàng xóm, tôi đứng ngấp nghé ngoài cửa nhà chị Hân nhìn vào. Như anh tôi nói, những lễ nghi cúng bái, lời qua tiếng lại, cười nói lễ phép, v.v. chán phèo, không có gì đáng xem. Tôi định bỏ về thì mẹ chị Hân nhận ra, chạy ra dắt tay đưa vào nhà. Cỗ bàn linh đình dọn ra, tôi được xếp ngồi cùng bàn với chị Hân và các cô phù dâu; họ ăn nhin như mèo, cười nói khúc khích; và tôi thì cầm cúi ăn – chú “thợ ăn” hôm nay được “tổ đãi.”

Cách ăn uống ngồm ngoàm và áo quần lôi thôi của *thằng Bé* không qua nổi cặp mắt bực dọc của cha ngồi ở bàn trên cùng với mẹ, chú Lam, và ông bà nhạc của chú. Khi tiệc gần tàn, mặt đỏ ké

vì rượu và không kìm hãm được nổi tức tối, cha bất thần kéo ghế đứng dậy bước sang xách tai *thằng Bé* quát lớn,

“Ai cho phép *mi* tới đây?”

“Dạ... không ai cho,” tôi bình tĩnh trả lời.

“*Rằng* *mi* dám tự ý tới?” lửa giận bùng lên, cha la lớn.

“Dạ... không ai nói con không được đi coi đám cưới.”

“*Rằng* ăn đám cưới mà ăn mặc thốc thếch như *rứa*?” cha kiểng có khác.

“Dạ... con đi coi rồi bác gái kêu vô ăn chứ có tính đi ăn đám cưới *mô*,” tôi quay lưng ngồi xuống, ngầm nhắc cha đã hỏi đến câu thứ ba.

Lên cờ lộng mộc (sùng sộ hung hăng) như con gà chọi sấp lằm trợn, cha nắm tay đưa lên cao,

“Tổ cha *mi*, *thằng* con mất dạy hỗn hào!”

Mọi người nhốn nháo xì xào, mẹ nhào tới dùng thân hình che cho tôi và chú Lam ôm cha can gián. Dắt tay tôi và mẹ chị Hân (mẹ gọi bằng thím) ra đứng giữa phòng, mẹ chấp tay xin lỗi quan khách,

“Chuyện đáng tiếc *ni* không phải tại *thằng* bé con hay *ông* nhà *tui* mà do sự sắp xếp của *tui* và thím đây. Thầy Phước nói chú Lam và thím Nhật Hạ tuổi Ngọ tuổi Dậu xung khắc, phải có người phá rối trong đám cưới thì hôn nhân mới vẹn toàn trăm năm. Thời may thầy tìm ra *thằng* nhỏ *tui* tuổi Tý, một trong tứ hành xung, là cách hay nhất để hóa giải. Cha thì nóng như lửa, con thì ngay thẳng cứng rắn nên hai thím cháu *tui* mới thành công. Xin bà con hai họ thương cô dâu chú rể mà rộng lòng tha thứ.”

* * *

Tham thực cực thân! Vì tham ăn tôi trở thành *thằng* bé phá đám và mang tiếng rần đầu ngõ nghịch. Không ai thèm nhớ công của *thằng Bé* trong việc chú thím gặp gỡ và lấy nhau.

Ngày chú hết phép trở về đơn vị, gia đình tôi sửa soạn dọn sang căn nhà thuê ở Cửa Nhà Đờ gần cầu Bạch Hổ trên bờ tả ngạn sông Hương. Cha nói với mẹ nhưng để phân trần với mọi người,

“Mai mốt thím Lam dọn qua ở với mình, nhà *ni* chật làm *rằng* có đủ chỗ? *Tui* sắp thuyền chuyển về đồn An Hoà cách Cửa Nhà Đờ có năm cây số, đi về chăm sóc con cái thuận tiện biết mấy.”

Cha nói thật hay, nhưng buổi tối nằm ngủ tôi nghe dì Cúc buồn bã tâm sự,

“Cha bán nhà để trả nợ cờ bạc. Đêm kia, cha ở Trườn về gí súng vào đầu mẹ bắt ký văn tự bán nhà...”

Bị kêu là rần đầu ngõ nghịch không hẳn là thiệt thòi. Từ nay lũ trẻ trong xóm nhìn tôi với cặp mắt nể phục hơn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Giêng, 2014

Xóm Cửa Nhà Đờ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Rời căn nhà dưới chân núi Ngự Bình, gia đình tôi dọn sang xóm Cửa Nhà Đờ, tức là Cửa Chánh Nam của kinh thành Huế và còn gọi là Cửa Sập vì vòm và vọng lâu bị sập trong trận lụt năm Quý Tỵ (1953) khiến gạch đá và vữa tường bít hẳn lối đi. Từ ngoài đường chính dọc theo bờ sông Hương đi vào là đoạn đường ngắn xuyên qua khu nhà ở, đến cây cổng dài cong cong bắc ngang qua “hồ” nước đen thui đầy rác rưởi, lác đác vài chiếc lá sen già đã đổi sang màu đen thẫm, rồi mới tới cửa thành. Người Huế quen gọi là “hồ” mà thật ra là hào nước quanh thành.

Chỗ ở mới của chúng tôi là ngôi nhà tranh nằm ở đầu cầu. Nhà cửa nơi thị tứ san sát không có vườn tược, vài cây trứng cá rải rác trước nhà và đôi ba cây *thầu đầu* (cây sầu đông) nằm phía sau, người ta sống chen chúc nhau trong không gian chật hẹp, trẻ con suốt ngày rong chơi ngoài đường, và những gánh hàng rong rao bán thức ăn không ngớt.

Sung sướng nhất là gặp lại con Cúi, người bạn duy nhất của *thằng Bé* từ ngoài làng. Cậu Há đã chuyển qua làm thông ngôn cho Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến và di cư bằng máy bay vào Huế từ trước. Nhà cậu nằm ở mặt tiền nhìn ra sông Hương, cách xa nhà tôi chừng nửa cây số. Gặp lại tôi, con Cúi mừng húm,

“*Tau* sợ mi kẹt lại ngoài *nớ* thành *thằng* Việt Minh con.”

“*Làm răng* *tau* làm *thằng* *Vem* được?” tôi phản đối yếu ớt.

“*Ba tau* nói ngoài *tê* ai cũng thành Việt Minh hết. Con nít ba tuổi cũng bị bắt vô đoàn nhi đồng hay thiếu nhi *chi* đó. Rồi *hắn* dạy cách rình rập cha mẹ ông bà mà báo cáo với cán bộ,” con Cúi chỉ ngón tay đe dọa.

“*Hắn* bắt mà *tau* không thềm vô mấy đoàn *nớ* thì *răng*?” tôi ngây thơ hỏi.

“*Mi* nói thiệt hay nói chơi *rứa*? Không sợ *hắn* bỏ tù mạ *mi* rồi cấm không cho bán đồ ăn để nhà *mi* chết đói hay *răng*?”

“*Tại rứa* mà mẹ *tau* mới cực khổ đem tụi *tau* vô đây.”

Như ngày trước, con Cúi dạy tôi chơi ô làng, đánh thẻ, và nhảy cò cò – *chơi nhà cò, đũa nào thua, cò ba vòng*. Nó thuộc lòng nhiều bài hát các ca sĩ nổi tiếng hát trên đài phát thanh Huế bắt được bằng chiếc máy thu thanh tân kỳ khắp xóm chỉ có nhà cậu Há mới có. Tôi thích con Cúi hát bài “Gạo Trắng Trăng Thanh,”

... *Ai đang đi, trên đường đê*

Tai lắng nghe muôn câu hò đê mê

Vô đây em, dù trời khuya anh nhớ đưa em về...

mà bọn trẻ trong xóm tinh nghịch đổi thành

... *Ai đang đi, trên cầu mông*

Rớt xuống sông, ướm cái quần ni-lông

Vô đây em, đợi quần khô anh sẽ đưa em về...

Một hôm nhà con Cúi có người khách khác thường: Cậu Trần, em cậu Há, theo *bên tê* lâu nay sống ở đâu làm gì không ai biết, đột ngột xuất hiện “thăm gia đình” vì chính phủ hai bên cho phép qua lại thăm viếng thân nhân trong khi chờ đợi tổng tuyển cử như hiệp định *Giơ-Neo* (Genève) quy định.

Con Cúi rủ tôi và anh Quang ra ngoài bờ sông, đứng dưới tàn cây phượng vĩ, nhìn quanh nhìn quất không thấy ai mới nói,

“Chú Trần *ni* không đếm xỉa tới ai, khăng khăng kêu ba *tau* về làm việc cho Việt Minh.”

“*Hắn* nói *răng?*” anh tôi bắt đầu chú ý.

“Chú nói ngoài làng *chừ* sướng lắm; ai nấy đều ăn nên làm ra, những chỗ đất trống trước đây như khoảnh đất ngoài thành Đồng Hới trồng cam trồng quít đầy dẫy, ăn *ngập họng* mà còn cả đồng nên không ai thèm hái.”

“*Răng* *hắn* nói như thiệt *rứa?* Mới hơn nửa năm mà trồng cây đã ra trái,” anh cười khà khà.

Con em họ tôi tiếp tục kể lễ,

“Chú khoe trai gái trong làng ai cũng cấp sách tới trường. Trường làng *chừ* xây lên ba tầng thành trường trung học *to* hơn trường Khải Định.”

“Lúc mình ở ngoài *nớ*, khắp làng không ai học hết lớp ba, làm *răng* có học trò học lên trung học?” tôi nghe không lọt tai.

“Chú nói *dốc* nhà *mô* cũng có hai ba cái máy thu thanh, nghe nhạc Liên Xô và Trung Quốc chán cả tai nên *chừ* cho con nít chơi.”

“Tổ cha thằng *Vem phách tấu*; phét lác như con c... *tau!*” anh nổi sùng.

Nó nín tay anh tôi,

“Chưa hết *mô!* Chú *nớ* tối ngày dụ dỗ anh Xê *tau* về làng, và hỏi thăm hàng xóm rất kỹ về cha mi và mấy người làng mình có chức phận trong *ni.*” Thằng Xê là anh con Cúi, trạc tuổi anh Quang, ngày ngoài làng hay ỷ thế cha phá làng phá xóm.

“*Hắn* hỏi chuyện *chi?*” anh tôi ngạc nhiên.

“Đủ thứ hết! Như cha mi đóng đồn chỗ *mô*, về nhà một tuần mấy lần, ăn ngủ lúc *mô*; thậm chí hỏi cha mi ngủ với dì hai ở phòng *mô.*”

Anh Quang trầm ngâm suy nghĩ; tôi biết anh lo, nhưng cố trấn an tôi và con Cúi,

“Thằng cha *ni* kiếm chuyện để *tò le*; chắc không có *chi mô.*” “*Tò le*” là tọc mạch, ngồi lê đôi mách.

“Chú *nớ* gian ác lắm *chớ* không phải chơi *mô,*” con Cúi không đồng ý.

“Như *ri ni* (thế này), *mi* với *thằng Bé* cứ chơi đánh thẻ hay ô làng như thường lệ, nhưng phải coi chừng *hắn* bàn chuyện *chi*, với người *mô*, và họ ở chỗ *mô* tới.”

“Nghĩa là hai đứa *tau* phải *mần* việc dọ thám?”

“Kể như *rứa* đi.”

“*Rứa mi mần chi?*” con Cúi nhìn anh với đôi mắt nghi ngờ.

Bị con bé hạch hỏi về vai trò của mình, anh tức mình nạt,

“Giao việc chưa *mần* mà đã *hỏi ỏm ỏc*...” “*Hỏi ỏm ỏc*” là hỏi lảng nhãng khiến người ta bực mình.

“Đừng *học dọi* (bắt chước) cha mi ăn hiếp *liền bà*,” con Cúi phản pháo.

“Hai đứa *mi* nhỏ theo dõi trong nhà, *hắn* ra đường thì *tau* với thằng Vượng rình theo,” anh tôi dụ giọng.

“Thằng Vượng con ông Thịnh *hiến binh* hả?”

“Hiến binh” là tên gọi thời ấy của “quân cảnh.” Thằng Vượng là “đệ tử ruột” của anh Quang; anh đi đâu nó cũng đi theo và làm gì cũng làm theo như bóng với hình. Anh kể tài thằng Vượng,

“*Hắn* là con trai Huế chính cống, thuộc lòng mấy *đường kiệt* (ngõ hẻm) trong xóm và kẻ vanh vách từng nhà ở mặt tiền từ bến Thương Bạc tới cầu Bạch Hổ.”

Một tuần sau, chúng tôi tụ họp lại dưới tàn cây phượng vĩ. Con Cúi tức tối vì anh Quang chú tâm vào việc hái trái phượng trên cây hơn là chuyện đối phó với cậu Trần,

“Bữa qua có hai thằng cha đầu trâu mặt ngựa, ăn nói *hoang đàng* tới thăm chú *nó*.”

“Bọn *hắn* hẹn gặp thêm các bạn khác ở động nhèn nhện trong xóm. Mà ‘động nhèn nhện’ là cái chi?” tôi tiếp lời con Cúi và thắc mắc.

“Chắc là động đĩ của mụ Lác béo ú rồi!” thằng Vượng gật gù.

Tôi hỏi gặng cho bằng được,

“‘Động’ như ‘động yêu tinh’ trong *Tây Du ký* thì *tui* biết rồi, nhưng ‘đĩ’ là cái chi?”

“Là *liền bà* bán thân cho khách làng chơi,” thằng Vượng cười ngặt nghẽo.

“Làm *răng* bán thân được? Bán thì ai mua, mà mua để làm *chi*?” tôi tiếp tục chất vấn.

“*Thằng Bé* đừng rộn ràng *tau* *đập* chết *chừ*; kể tiếp đi,” anh Quang cong tay dọa cú đầu.

Tôi ầm ức bỏ tức tin tức thu lượm được khi nghe lóm cậu Trần nói chuyện với bạn,

“*Hắn* dặn hai người *tê* nhắc nhở đám bạn chuẩn bị mang theo nhiều ‘xí xập gì’ để cho mấy ‘con gà đá’ được ‘chết sớng’; nghĩa là *răng*?”

“Không biết, chắc là ký hiệu bí mật dặn đồng đảng đem theo khí giới hay dụng cụ *chi* đó,” anh tôi lắc đầu.

(Nhiều năm sau, tôi khám phá ra “xí xập gì” là cách đọc theo tiếng Quảng Đông của “tứ thập nhị,” tức là số “42,” tên một loại thuốc cường dương làm tại Chợ Lớn, nhưng tôi tin giải thích đầu tiên của anh Quang là đúng.)

* * *

Ngày hăm ba tháng Chạp ta, mẹ và dì Cúc sửa soạn nấu cúng đưa ông Táo về Trời. Tôi và anh Quang đứng xớ rớ trước nhà thì con Cúi hốt hơ hốt hải chạy tới,

“Chú Trần đi rồi...”

“*Hắn* đi *mô*?” anh tôi bình tĩnh hỏi.

“Đêm qua, chú *nó* biến mất cùng với anh Xê của *tau*. Sáng *ni* không thấy tăm hơi,” con Cúi vừa nói vừa thở hổn hển.

“Ba *mi* nói *răng*?” tôi nóng nảy hỏi.

“Ba *tau* dặn trong nhà không ai được hở *mui* (môi) ra ngoài, không thì ở tù rục xương cả lũ.”

“Từ đây phần việc của hai đứa *bây* xong rồi. Không được nói cho ai biết, nghe chưa?” anh tôi căn dặn.

Đêm ba mươi, mẹ cúng giao thừa thì cha lái xe *Giép* (Jeep) về nhà. Trong cơn say, cha lúi xe thẳng không kịp ửi sập một góc nhà bếp, để xe nằm nguyên tại chỗ, rồi lảo đảo bước vào ngủ phòng dì Cúc. Sáng mùng một Tết, mặt trời lên cao, mẹ dậy sửa soạn bàn thờ cúng gia tiên đầu năm mà chưa thấy dì Cúc hay cha dậy. Mẹ bưng thau nước chùi nhà, vén màn tạt vào giường cha và dì Cúc đang ôm nhau ngủ. Cha giật mình tỉnh dậy, không kịp mặc quần nhảy ra chửi chói lói,

“Tổ cha thằng Ấm và con Bèo đẻ ra con chó khốn nạn là *mi*...” và thêm một tràng tiếng chửi tục tĩu khác.

“Cha nói ai?” tôi khều anh Quang.

“Cha kêu tên *ông mẹ* ngoại *chưởi* mẹ *chớ* ai,” anh Quang véo tai tôi nói nhỏ.

Anh chua chát than,

“Không có *tau* thì cha đã đi đời nhà ma, còn *mô* mà *chưởi* mẹ!”

“*Răng rứa?*” tôi chưa hiểu ra.

“*Tau* với thằng *Vượng* theo dấu *thằng cha* Trần đến ‘động nhèn nhện’; đó là địa điểm hội họp của tụi *Vem* gài lại nằm vùng ở Huế.”

Anh hãnh diện,

“Ông *Thịnh* nói bọn *Vem* mở chiến dịch ‘Diệt Ác Ôn’ ám sát viên chức Quốc gia. Bữa qua, đợt bọn *hấn* tụ họp đông đủ phe mình mới xông vô túm trọn ổ. Nếu không, *túi* (tối) qua cha bị *hấn* làm thịt rồi!”

“Bắt được cậu *Trần* không?”

“*Họ* để yên cho *hấn* trở về Bắc cùng với *thằng Xê* tuần trước...”

Tôi gãi đầu suy nghĩ,

“Nếu biết trước cha ác với mẹ như *ri*, anh có theo dõi bọn *Vem* và báo hiến binh hay không?”

“Chuyên môn hỏi *ba lớp ba xàm!*” anh cú đầu tôi thật mạnh.

Ngày mùng một tết bị cú đầu nên tôi bị xui xẻo suốt năm. Nhưng không sao, những ngày rủi ro luôn luôn ghi chuyện đáng nhớ và khiến cho những ngày khác trở nên vui thú tuyệt vời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Hai, 2014

Lá Bùa Thầy Phước

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ căn nhà tranh trước Cửa Nhà Đờ nhìn xuống “hồ,” tức là hào nước quanh thành, gia đình tôi dọn sang căn nhà ngói nằm khoảng nửa đường từ ngoài bờ sông vào cửa thành. Ra khỏi sân trước, gần đường là bóng mát của ba cây trứng cá cao với trái nhỏ bằng đầu ngón tay đầy hạt tẩn mẩn như trứng cá.

Nhà dì Xuân ở cùng đường nhưng gần sông hơn. Nhỏ tuổi hơn, dì là bạn đi buôn của mẹ ngày trước. Mẹ kể dì đẹp nhất đám, dạn dĩ, bạo miệng, và hay *nói hoang*, tức là nói tục về liên hệ gái trai, nhưng đùa giỡn có duyên nên ai cũng mến. Vì vậy, dượng Nguyễn vừa đẹp trai vừa học giỏi yêu chết mê chết mệt, nhất định hỏi cưới dì bằng được. Không như mẹ, sau đám cưới dì theo chồng vô Huế; dượng đi học lớp sĩ quan đầu tiên ở Trường Sĩ quan Việt nam ở Đập Đá.

Mẹ cười nhớ lại thời con gái và khen dượng,

“Dượng *nở* miệng có quai mắt có đuôi, liếc một cái là gái theo cả bầy. *Rứa* dì mới *mê tí* thò lò theo ôm *riệt!*”

“Không giữ *răng* được chị? Miệng *hắn* dẻo quẹo, nói một *chặp* rần trong hang cũng bò ra nghe, con gái con ghiếc *truột* quần *khi mô* không biết,” dì mỉm cười hãnh diện.

“*Rứa* *hắn* có mèo mỡ *chi* không, hay đã chịu khếp nép một bề?”

“Trụ Vương háo sắc thì *răng* mà khỏi được. Tháng *mô* tui cũng ra Quảng Trị canh chừng, không thì *hắn* lộng tới trời,” dì trề môi ví von.

Theo *Phong Thần Diễn Nghĩa*, Trụ Vương là kẻ háo sắc, quá si mê nàng Đắc Kỷ là một mỹ nữ bị hồ ly tinh nhập xác, và bị nàng xúi dục làm nhiều chuyện quá tàn ác khiến triều đại nhà Thương sụp đổ. Mẹ cười tủm tỉm,

“Có túm được con Đắc Kỷ *mô* không?”

“Chưa *bắt* được tay *dày* được cánh nên *hắn* chối bai bãi cười trừ mà thôi.”

“*Găng* *rứa* mà không sợ dượng *đần* *dừ* *xương* (đánh như xương) à?”

“*Hắn* *đập* thừa sống thiếu chết mấy lần. Nhưng *tui* không sợ, nách thằng Biên và thằng Sơn vô đồn kêu khóc với cấp chỉ huy. Hết thói vũ phu, *cạch* *tới* *tra* (chừa tới già)!”

Hai đứa con dì là thằng Biên, lớn hơn tôi hai tuổi, và thằng Sơn, thua tôi một tuổi, chơi thân với tôi, nhưng khi dì kể chuyện dượng thì chúng lánh xa, mặc *thằng* *Bé* đứng lố ló một mình nghe chuyện người lớn. Tôi nghe mẹ nói,

“Không sợ dượng bị cấp trên quở phạt hay *răng*?”

“*Kệ* *chó* *hắn* (mặc kệ nó)! Tại mê gái mà *chừ* còn lệt đệt chức thiếu úy quèn.”

Nhà dì Xuân trở thành “trung tâm hành quân,” nơi tụ họp của các bà vợ sĩ quan bàn luận cách trừ khử cô *vợ* *hầu* (vợ bé) đã quyến rũ chồng mình. Được xem là kẻ cầm đầu với nhiều kinh nghiệm “chiến trường,” dì đồng dục vạch ra “nguyên tắc” của cuộc đánh ghen,

“*Liền ông có vợ hầu vì con dĩ nớ trẻ đẹp, mặt hoa da phấn trong khi mình làm lụng cực khổ, sanh đẻ mấy lần, và da bụng nhăn nhú như mặt khi; răng bì được?*”

“*Biết răng chừ? Có là răn mô mà mỗi năm lột da trẻ lại?*” bác Cẩn gái cười khúc khích; bác Cẩn trai làm Đại úy, chức cao nhất trong mấy ông chồng.

“*Tại rứa mà khi túm được hấn, chị đập vô mặt cho sưng híp lên và cho có sẹo mà xấu đi, và xỏm đầu tóc cho dị dạng không ai thèm ngó – chừa thói rù quyến chồng người.*”

Thím Thâu, chồng làm trung úy như cha, e lệ lí nhí trong miệng,

“*Mình địch răn lại với con dĩ nhà nghề chuyên mần chuyện nớ đưa thẳng cha tể sượng lên thấu mây xanh?*”

“*Phải đó,*

Văn chương chữ nghĩa bề bề,

Thần l... nó cắn cũng mê mẩn đời.

“*Nớ nện guốc cao gót vô chỗ nớ cho tanh bành té bẹ – hết trở tuyệt kỹ với chồng mình.*”

Dì Xuân thao thao tiếp,

“*Mấy chị mấy o biết chồng mình là sĩ quan có danh giá, con nớ dụ dỗ cũng vì*

Một ngày dựa mạn thuyền rồng,

Còn hơn một kiếp nằm trong thuyền chài.

“*Thành ra cần lột quần xé tan ra cho hấn ở lổ, đưa bộ sậu phơi ra trước mắt bàng quan thiên hạ – ôốc dồộc (xấu hổ) không ngóc đầu lên nổi mới đáng đời.*”

* * *

Đề tài hôm ấy là kế hoạch đánh ghen giùm bác Cẩn. Bác trai đóng đồn ở Quảng Trị, không mấy khi về nhà. Dì Xuân khuyên,

“*Chị đừng nóng mà anh Cẩn đem con nớ giấu nhem đi là hư chuyện. Ngày mai chị ra ngoài nớ với o Lèn.*” Chồng o Lèn làm thiếu úy giống như dượng Nguyên.

“*Để làm chi?*” bác Cẩn gái nóng nảy.

“*O Lèn miệng mồm mau mắn khéo ăn khéo nói, sẽ giúp chị dò hỏi chỗ ở con nớ. Biết rõ giờ giấc của hấn và anh Cẩn – hấn đi chợ lúc mô, và đi một chắc (một mình) hay đi với ai.*”

Nhà chỉ huy là dì Xuân hoạch định chương trình,

“*Bọn mình ra quân ít nhất là năm người.*”

“*Răng cần nhiều người rứa?*” bác Cẩn gái ngơ ngác.

“*Mình chia làm hai tốp, giả đờ như không biết nhau. Tốp chính là chị và hai cái bồ lương tấn gió là chị Bồn và chị Lụa giữ tay chân con dĩ ngựa để chị hạch tội.*” “*Bồ lương*” là cái phen tre dày dùng để che hay chặn lại, tức là “*tấn,*” và “*bồ lương tấn gió*” chỉ người to lớn mạnh mẽ.

“*Từ nhỏ đến lớn tui chưa ra tay đập ai,*” bác than thở.

“*Muốn giữ chồng thì mạnh dạn lên chớ. Chị mang dép thấp để tiện hành động; đôi guốc cao gót thì bỏ trong giỏ xách cùng với cái kéo thiệt sắc, gói ớt bột cay, và vài lọn tóc mượn.*”

Tóc mượn là chùm tóc kết chặt một đầu, dùng bổi (búi hay bới) độn để đầu tóc to và đẹp. Dì giải thích,

“Tới trước nhà mai phục và đợi *hắn* ra khỏi nhà, chị xông tới vãi tung ớt bột vô mắt làm *hắn* hết *chộ* luôn. Hai chị hộ pháp kèm lại, chị dầy xéo nát thây *hắn* ra.”

“Mấy lộn tóc mượn làm *chi*?”

“Có lần bị tổ trác ớt bột bay ngược vô mắt phe mình, con *tê* thừa cơ chạy mất. Bị ớt vô mắt lấy tóc chùi là hết cay liền; cách chữa mọ *ni* ai mà *nõ* biết?”

Các bà ò lên cười, thán phục sự chu đáo và tỉ mỉ của dì Xuân. Dì nghiêm giọng tiếp,

“Tui với *o* Lèn tiếp ứng, canh chừng có ai làm kỳ đà cản mũi. *Liền* bà thì không sợ, nhưng lỡ gặp *liền ông* mất công lắm. Có lần *tui* gặp thằng hạ sĩ Du làm anh hùng rơm xía vô can...”

“Có phải chú Cai Du ở Đà Nẵng đổi ra?” nãy giờ mẹ mới lên tiếng.

“Đúng là cha *cai dù* hai vợ *nớ*. *Tui* với *mụ tê* đề *hắn* ra, nhắm chỗ *nớ* mà xía vô, dài thì *lôi* tròn thì bóp. *Hắn* đau quá lạy lục xin tha, chừa thói gánh vác chuyện bao đồng!”

“*Tui* chịu *o* luôn!” bác Cấn gái lắc đầu; các bà kia bò lăn ra cười.

Các bà kia về rồi, dì Xuân nhìn mẹ thương hại,

“Chị không cần đánh ghen vì *hắn* đã ở sờ sờ trong nhà.”

“Ván đã đóng thuyền, thay đổi được *chi mô*! *Hắn* biết đường ăn ở nên *tui* buồn mà không lo,” tôi biết mẹ nói về dì Cúc.

“Mai mốt *hắn* đẻ ra cho anh Thông đứa con gái thì chị với bốn thằng con trai *ra rìa*, kéo nhau ra đường ở.”

“Biết *rứa* nhưng *mần rãng chừ*?”

“Thầy Phước trên Ngã Giữa giàu lòng cứu nhân độ thế; chị sắm lễ vật thiết hậu hĩ lên năn nỉ, khó cách chi thầy cũng có cách trị.” Ngã Giữa là tên cũ quen gọi của đường Gia Long trên phố.

* * *

Cha thông báo đổi từ An Hòa ra Đông Hà, ải địa đầu đèo heo hút gió nên cha đưa dì Cúc theo lo cơm nước nhà cửa. Mẹ lặng thinh không nói gì. Tôi buồn vì dì đi xa; dì là người duy nhất bên vực khi tôi bị bọn trẻ con trong xóm ỷ lớn ăn hiếp, bắt kể lời lăng nhục của chúng – “đồ *vợ hầu* *vợ mọn*.” Ngày dì ra đi với cha, tôi không biết chào từ giã mà rơm rớm nước mắt nhìn theo.

Vài tuần sau cha về nhà một mình. Mẹ cũng không đề cập đến dì. Tôi và anh Quang lấy làm lạ nhưng không dám hỏi. Đợi đến khi mẹ sang tâm sự với dì Xuân, tôi nghe lóm,

“Thầy Phước là tiên là thánh, ra tay *mần* phép một bận là trừ được con yêu *nớ* liền.” Tôi giật mình, dì Cúc là yêu tinh thật sao?

“Mừng chị từ *ni* hết lo kiếp chồng chung, con hai dòng, nhà hai mẹ!”

“Lúc đầu thầy không thuận giúp vì ‘đốt *chùa không tội bằng tội rẽ duyên*,’ nhưng *tui* thành khẩn lạy xin, thầy biểu ba ngày sau trở lại.”

Dì gật gù tán đồng,

“Thầy cần ba ngày để luyện bùa!”

“Thầy cho hai lá bùa. Lá thứ nhất đốt thành tro pha vô nước trà anh Thông uống ba ngày. Chuyện *ni* dễ so với lá thứ hai thầy biểu đặt dưới gối *con nớ* nằm ngủ ít nhất là bảy ngày.”

“*Rứa* chị làm *răng*?”

“*Thằng Bé tui* ngủ chung với *hắn*. Lấy cớ cặp gối tai bèo đã mềm xèo và đến lúc dồn bông lại, *tui* dẫu bùa vô cái gối có bao trong bằng lụa in bông và căn dặn gối *nớ* của dì, *liền bà* da dẻ mịn màng.”

* * *

Cha và cậu Há ngồi uống bia “La Rue” (chai bia cao) ăn mực khô nướng, mẹ biểu tôi đứng gần đờ cha sai vật. Cha tâm sự với cậu, không biết tôi hiểu một số chữ Pháp,

“*Moa* không được thăng lên đại úy và bị đày ra Đông Hà là tại vì *en*. *Thằng* tiểu đoàn trưởng nói chính phủ sắp có luật cấm đa thê, và sĩ quan chỉ huy có bốn phạm làm gương trước.”

Moa (tiếng Pháp là *moi* = *me*) và *en* (tiếng Pháp là *elle* = *she* hay *her*) là đại danh từ thông dụng đương thời. Cậu ngạc nhiên,

“Anh giải quyết làm *răng*?”

“*Moa* đưa *en* ra Đông Hà; lấy cớ *en* không có con, lại vô tài bất tướng, mà đuổi đi.”

“Không phải *en* là vợ *hầu* chính thức của anh hay *răng*?”

“Vui thì ở, buồn tống đi. Ăn ở với nhau có hôn thơ hôn thú *chi mô*!”

Tôi nhớ và thương dì Cúc vô kể. Và thường băn khoăn thắc mắc về lá bùa huyền bí: Dì không hề dùng chiếc gối đẹp như lời mẹ dặn mà nhường cho tôi nằm, làm sao pháp thuật thầy Phước hiệu nghiệm mà khiến dì bị đuổi đi?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 5 tháng Ba, 2014

Cái Đầu Chó Vá

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Quán hớt tóc bác Mão không có bằng hiệu nhưng đàn ông con trai trong xóm ai cũng đến đó *cúp đầu* (hớt tóc). Trong cái chòi sơ sài ở góc đường vào Cửa Nhà Đồi và đường cái, phần Quốc Lộ 1 có tên cũ là Paul Bert, những kẻ rồi việc thường tụ họp tán chuyện với bác. Đồ đạc trong quán vốn vẹn có thùng đồ nghề, chiếc ghế tròn giữa phòng, băng ghế dài sát tường, và tấm gương soi và sợi dây da liếc dao cạo trên tường. Khi tìm không gặp thằng Biên và thằng Sơn con dì Xuân mà nhà chỉ cách vài căn, tôi chạy ra quán ghé nhòm hóng chuyện người lớn.

Ba anh em tôi là khách hàng thường xuyên nhất của bác Mão vì lần nào cha từ Đông Hà về nhà chúng tôi cũng phải *đi cúp* cho “tóc tai sạch sẽ,” bất kể tóc dài hay ngắn. Hôm ấy cha về bất ngờ và sau bữa cơm trưa bảo mẹ,

“Chiều *ni* cho tụi *nó* đi An Cựu, qua nhà cha mẹ con Hân.” “Con Hân” là thím (vợ chú) Lam.

“Có việc *chi* không ông?”

“*Tui* qua thăm *ông mụ* và biểu con Hân sang đây ở. *Hắn* lấy chồng mấy tháng *ni* rồi mà chưa chịu dọn về nhà chồng.”

Đây là lần đầu tiên các con được “*đi chơi*” với cha, mẹ mừng quỳnh vội vàng hối đi hớt tóc. Đã có vài người đến trước, anh em tôi bồn chồn ngồi đợi. Vừa đến lượt anh Quang, chị ở hớt ha hớt hải chạy tới,

“Bác ơi, *cúp* mau mau cho mấy đứa về đi với chú Thông. Chú mặc áo quần xong rồi.”

“Thằng *ni* mới ngồi vô chưa *cúp*. Hay là về đi rồi chiều ra *cúp*?”

“Không được *mô*! Đi mà tóc tai lồi thoi thì có nước chết với chú,” chị ở nhăn nhó.

“Hối như giặt *rửa* thì làm *răng tau* *cúp* cho được?” bác cầu nài, bắt đầu bóp *tông-đơ* đẩy dọc lên đầu anh Quang.

“Thím nói *răng* con thưa với bác *rửa*, con biết *chi mô* mà bác la.”

“*Tau* không la nhưng *mi* phải về nói lại *rửa*.”

Nhường anh Quang hớt trước vì anh là anh lớn, tôi lại phải nhường cho thằng Sáng, vì nó là em nhỏ. Bác Mão sửa soạn *cúp* cho nó thì chị ở lại xuất hiện, thờ hốt hốt,

“Bác *cúp* gấp lên giùm; chú Thông đi ra đi vô nóng lòng *quá chừng quá đỗi*.”

“*Tau* có phải Na Tra ba đầu sáu tay *mô* mà *cúp cái ào* là xong liền?”

Trong truyện *Phong Thần Diễn nghĩa* và *Tây Du ký*, Na Tra là vị thiên tướng thường biến hình thành ba đầu sáu tay, tay cầm sáu thứ binh khí. Chị ở chột dạ trần tình,

“Chú *chưởi* thím *răng* không biểu mấy đứa đi *cúp* trước mà bắt chú chờ.”

“Có phải ông Trời *mô* mà muốn *chi* được nấy?”

Anh Quang về nhà thay áo quần bị bắt ra quán trở lại hai lần để tiếp tục hối thúc. Khi đầu tôi hớt được khoảng một nửa, mẹ đích thân ra với đôi mắt đỏ hoe,

“Bác chịu khó tén gọn cho *thằng Bé* về đi với ông nhà *tui*.”

“Cái *trôốc* (đầu) tèm lem như *ri* coi *răng* được?” bác phản đối.

“Không được cũng phải được thôi; *tui* trả tiền cho bác đây. Đi về con,” tôi nghe mẹ nói như khóc.

Trong buổi thăm viếng, câu chuyện xoay quanh đầu tóc hớt dở dang của *thằng Bé*. Bác gái mẹ thím Lam nhìn tôi,

“Thợ *mô* mà *cúp* tóc lạ *rứa*?”

“Ông nhà *tui* kêu đi gấp để kịp giờ ra ngoài đờn nên cháu *cúp* nửa chừng mà phải ngưng,” mẹ bào chữa.

“Tội *rứa*! *Răng* không đợi cháu *cúp* xong?”

Cha xen vào, đắc ý khoe,

“Cha mẹ là trời, biểu nhảy vô lửa cũng phải nhảy hưởng hồ *chi* chuyện nhỏ nhặt *nó*.”

“Nhưng cháu *dị* (mắc cỡ) với bạn *chớ*,” bác chép miệng.

“*Thằng ni* mà *dị dạng chi*?”

Hôm sau mẹ bảo tôi ra quán bác Mão hớt tóc nốt. Trên đường đi, tôi lập đi lập lại để nói rõ ràng và không vấp vấp,

“Con không muốn *cúp* nữa. Cha mẹ con đã muốn thì con cứ để *như ri*.”

“*Răng rứa*? Không sợ bạn cười à?” bác ngạc nhiên.

“Dạ không...” tôi ấp úng rồi chạy đi.

“Không *cúp* thì *tau* trả lại tiền. Bấy đồng đây, đem về cho mạ *mi*,” bác kêu giật lại.

Tôi mang tiền về trả; mẹ giận nhưng không hài tội không vâng lời,

“Cho *mi* đó, làm *chi* thì làm. Từng *nó* tuổi đầu mà đã biết làm *nư* với cha mẹ.”

“Con không thêm *cúp* nữa.”

“*Kệ chớ mi* (mặc kệ mày)! Để cái *trôốc* loang lổ cho *họ* cười thúi óc.”

“Con không ăn cắp ăn trộm hay làm điều *chi* xấu xa thì *răng họ* cười?” tôi nhắc lại y chang lời mẹ nói khi sai làm việc gì mà tôi “hở người” không chịu làm.

“Tổ cha *mi*, chỉ giỏi tài lý sự cùn.”

Đột nhiên tôi phải đương đầu với một vấn đề khó khăn: làm gì với số tiền trong tay? Từ trước đến nay, tôi chỉ biết ra quán tạp hóa bên cạnh quán bác Mão mua các món đồ mẹ dặn, đưa tiền và nói mỗi một câu,

“Bác bán cho mẹ con một ... (tên món đồ) ...”

Sau một tuần suy nghĩ, tôi hỏi đường lên nhà sách Thượng Tứ trên cửa Thượng Tứ kiểm các pho truyện Tàu do Tín Đức Thi xã xuất bản. Lựa lọc cả buổi, tôi chọn bộ *Tiết Đình San Chinh Tây* có chuyện nữ tướng Phàn Lê Huê tài ba mà cao ngạo, đày đọa chồng là Tiết Đình San khổ sở cầu lụy đến dở sống dở chết mới nhận ấn nguyên soái cầm quân đi đánh giặc. Bộ truyện do Tô Chấn dịch gồm ba cuốn, mỗi cuốn ghi giá bảy đồng. Tôi dự định hàng ngày lên nhà sách đọc xong hai cuốn đầu rồi mua cuốn cuối, vừa tiêu hết tiền vừa đọc trọn bộ.

Đọc *khín* nhưng sợ *lòi đơôi* nên tôi cầm tiền trên tay, thỉnh thoảng làm bộ đếm như thể đang phân vân lựa chọn. Hành động “khả nghi” của tôi không che nổi cặp mắt ông chủ nhà sách; ông lại gần thân mật gợi chuyện,

“Em thích truyện Tàu lắm hả?”

“Dạ...” bị bắt “quả tang,” tôi lúng búng trong miệng.

“Tiền của em để đi *cúp*, phải không?”

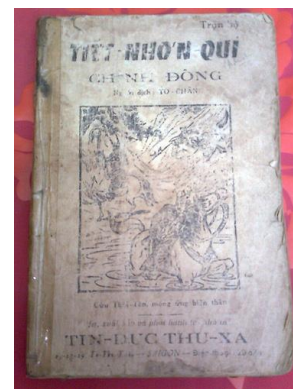
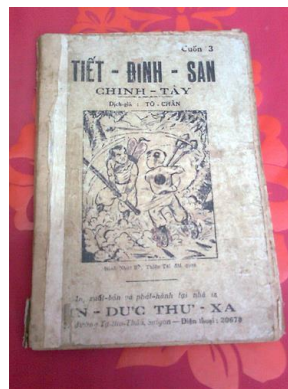
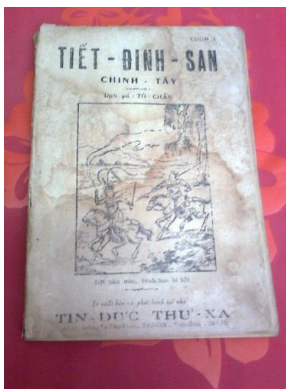
“Dạ... Nhưng con không muốn *cúp* nữa.”

Ông đặt tay lên vai tôi xoa nhẹ,

“Bậy *nà!* Con trai phải *cúp* tóc cho *đẹp chớ.*”

“Nhưng mà...” tôi không biết làm sao giải thích.

“Chừ chú tặng em bộ *Tiết Đĩnh San*; lấy tiền *nớ* đi *cúp* nghen.”



* * *

Tôi và thằng Biên lấy phẩn vẽ bàn cờ trên sàn xi măng trước hiên nhà đi Xuân chơi cờ gánh, dùng *nắp keng* (nắp chai bia) làm quân cờ bên sắp bên ngửa. Mỗi bên cờ gánh có tám quân, khi một quân bên này đi lọt vào giữa hai quân bên kia thì “gánh” (tức là ăn) hai quân ấy. Bỗng *mụ* Cấy gánh hàng bún bò đi qua; đi Xuân gọi vào. Tôi đứng dậy ra về thì đi giữ lại,

“Nghe nói *mi* là ‘thợ ăn’ *hảo hề* món bún bò, phải không?”

“Dạ...” bị đánh trúng tim đen, tôi thẹn thùng gật đầu.

“Một lần *mi* *ních* được mấy *đọi to* (tô lớn)?”

“Bốn năm *đọi chi* đó,” tôi ngập ngừng.

“Thiệt không? Bún bò cay như *rứa* mà không *ngán* à?”

“Cay ngon thì không *răng* hết!”

Đi cười cười, không biết đùa hay thực,

“Chừ đi *bao* (đãi) *mi* năm *đọi* bún bò, *mi* *xực* hết không?”

“Dạ hết,” tôi không ngần ngại.

“Nếu không hết, đi biểu làm *chi* cũng phải nghe, chịu không?”

“Dạ...” máu tham ăn nổi lên, tôi đồng ý ngay.

“O múc cho *hấn* năm *đọi to*; bỏ nhiều bún, nhiều thịt, và thiệt nh...iều...iều ớt vô,” đi nói với *mụ* Cấy.

Bún bò *mụ* Cấy cay... mà ngon; ngốn xong hai *đọi* đầu tiên tôi nhận ra lớp váng ớt màu đỏ choét trên mặt đã thấm vào các miếng thịt thái mỏng và các sợi bún dẻo, và đã hòa lẫn với nước dùng khiến *đọi* bún bò cay xé họng. *Đọi* thứ ba, không biết *mụ* Cấy có cho thêm ớt hay không mà tôi cố gắng lắm mới húp hết nước dùng. *Đọi* thứ tư tôi vừa ăn vừa ho sặc sụa vì mùi ớt không những bốc lên mũi mà xông vào tận phổi. Tôi vào nhà lấy nước uống, nhưng vô hiệu.

Trước cặp mắt thán phục của thằng Biên và thằng Sơn, tôi xoay xở *xức* trộn *đọi* thứ tư. *Đọi* cuối cùng mới bùng lên gần miệng mà mùi ớt đã xông lên nòng nặc khiến tôi hắt hơi liên liên không dứt, nếu không nhanh tay đặt xuống thì *đọi* bún đã văng tung toé ra đất. Sau vài lần cố gắng, tôi chịu thua,

“Con không ăn nổi nữa. Dì biểu con làm chi?”

“Dì có bắt *mi* lên rừng xuống biển *chi* mà lo – ra ngồi cho bác Mão *cúp* cho *trốc* hết vẩn vện khó coi. Ra đây, dì trả tiền cho,” dì nắm tay tôi kéo đi.

Hôm sau, thằng Biên tìm tôi khoe,

“Chú Thứ mới cho *tau* cuốn truyện *Tiết Nhơn Quý Chinh Đông*. *Mi* coi *Tiết Đình San* xong đổi với *tau* *nghen*.” Trong tích xưa, Tiết Nhơn Quý là cha của Tiết Đình San, và chuyện *Tiết Nhơn Quý* xảy ra trước chuyện *Tiết Đình San*.

“*Răng mi* biết *tau* có bộ truyện *nớ*?” tôi ngạc nhiên.

“Chú *tau* nói; chú là chủ nhà sách Thượng Tứ.”

Tôi hiểu ra: chú Thứ tặng sách và dì Xuân thách ăn bún bò không phải ngẫu nhiên mà tới; thế nào cũng có bàn tay mẹ nhúng vào.

* * *

Mấy tờ bạc bạc còn nguyên vẹn; tôi vuốt thật phẳng và dấu ở bìa sau cuốn Tự Điển Tiếng Pháp Larousse của chú Lam để trên kệ sách. Một hôm mẹ vắng nhà, nghe thím Ngót gánh chè rao bán ngoài đường,

Ai ăn chè đậu xanh đậu ván bánh tráng chè kê... Ai ăn...

Anh Quang gọi thím vào và hỏi tôi,

“*Mi* ăn chè đậu xanh *hỉ*?” Chè đậu xanh là hảo vị của tôi.

“Thím ơi, một chén chè mấy đồng?” tôi hỏi.

“Chè hai đồng; cái *ni* thì ba,” thím chỉ vào một phần tư chiếc bánh tráng nướng phết lên một lớp chè kê dày và phơi cho chè vừa khô.

Tôi cẩn thận hỏi anh Quang,

“Tiền *mô* mà anh có?”

“*Túi* qua, tình cờ mở cuốn Larousse *tau* thấy chú Lam để quên tiền trong *nớ*, *chừ bao mi* với thằng Sáng ăn chè một bữa.”

Tôi làm con tính trong đầu: anh Quang và thằng Sáng mỗi người một chén chè hết bốn đồng, còn lại ba đồng đủ cho tôi kêu miếng bánh tráng chè kê – món mắt nhất, cho... đỡ tức.

Từ đó bọn trẻ con trong xóm gọi tôi bằng cái tên mới – thằng “đầu chó vá.” Như cha nói, tôi không thấy xấu hổ; bù lại tôi có nguyên bộ truyện *Tiết Đinh San*, ăn bữa bún bò *ngập họng*, và thưởng thức miếng bánh tráng chè kê không mấy thuở được ăn – kể như... huề. Nhưng trong thâm tâm, tôi biết mình mất một thứ gì đó rất lớn mà nghĩ mãi không ra.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 3 tháng Năm, 2014

Đồng Tiền Liền Mạng Sống

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Chín 1955. Hai tuần nay bầu trời xám xịt, mây thấp, và mưa đổ xuống từng cơn. Từ trên nguồn là ngã ba Tuần (còn gọi là ngã ba Bằng Lăng), nước sông Hương đục ngầu chảy cuồn cuồn, và mực nước mỗi ngày một dâng cao. Quán bác Mão suốt ngày đầy người nhưng không ai màng đến chuyện *cúp đầu* (hớt tóc) mà bàn tán về trận lụt sắp tới, và *thằng Bé* chuyên hóng chuyện người lớn không thể vắng mặt.

Ngoài đường gió lạnh thổi liêu xiêu, nhưng tôi không bị mẹ cấm ra quán vì đi với ông Hoát. Trạc tuổi ông nội, ông Hoát là công chức sở lục lộ hồi hưu ở cạnh nhà tôi. Căn nhà rộng mà chỉ có ông với *mụ* (*mệ* hay bà); hai người con gái có chồng ở xa. Ông *mụ* thương yêu bốn anh em tôi như cháu ngoại; ông hay giúp mẹ và thím Lam làm công việc *liền ông* nặng nề vì cha và chú Lam lâu lâu mới về nhà, và chỉ ngủ qua đêm rồi trở lại đồn.

Ông Hoát thích trồng hoa và cây cảnh. Có lần ông ương một chậu cây để trong phòng khách, nơi trẻ con ít lai vãng. Tình cờ tôi chơi trốn tìm với thằng Sáng vào đó nấp và thấy chậu cây đầy trái tròn màu vàng, giống như trái quít nhỏ. Tôi bứt hơn một chục trái bỏ túi, về nhà bóc ăn thử, rồi nhăn mặt hỏi thím Lam,

“Trái *chi* mà chua lè chua lét như *ri*?”

“Trái cam quật đó; ở *mô* con hái nhiều *rứa*?” thím ngạc nhiên.

Cam quật hay còn gọi là quất là loại cây cùng giống với quít, trái thường chín vào dịp Tết âm lịch. Tôi cuống quít,

“Con thấy chậu cây bên nhà ông Hoát...”

“*Chết cha*! Chậu cam quật ông để dành chưng Tết,” thím la lên.

“Thím đem trả cho con *nghen*,” tôi giao mấy trái còn lại cho thím rồi ù chạy.

Tôi mắc cỡ trốn biệt không qua nhà ông Hoát cả tuần lễ cho đến khi ông biếu *mụ* nấu nồi bánh canh tôm cua rồi tìm tôi dắt tay về nhà bắt ăn; món ăn khoái khẩu này tôi không bao giờ từ chối! Chậu cam quật không còn trong phòng khách, và ông không hề nhắc tới.

Từ trong quán tiếng bác Liền oang oang ra tới đường. Bác làm tài xế xe *trắc-xông* chạy đường Huế-Đà Nẵng mà vì lụt phải nghỉ làm. (*Trắc-xông* là xe lô dùng hiệu xe Citroën Traction Avant của Pháp; tên gọi do chữ “*traction avant*” nghĩa là có bộ phận chuyển vận do bánh trước.) Nhớ lại trận lụt Quý Tỵ (1953), bác chép miệng,

“Nghĩ tới là *tui* rợn tóc gáy. Trong tỉnh Thừa Thiên mình trên ba trăm người chết và hơn sáu ngàn ngôi nhà bị sụp đổ.”

“Cửa thành xây từ đời Gia Long - Minh Mạng, đứng vững gần một trăm năm mươi năm mà nằm trên đường nước lũ cũng bị nước xối chân ũi sập hống chi là nhà thường dân,” bác Mão thêm.

“Sập bốn cửa thành, kể cả cửa Nhà Đờ mình tức là cửa Chánh Nam,” ông Hoát nói với tôi.

Tôi được dịp nói hớt,

“Con thấy cửa Ngăn cũng sập, có phải bị trong trận lụt *nớ*?”

“Đó là cửa Ngăn Trên tức là Quảng Đức xưa dành cho các bà thuộc Nội cung ra hóng mát sông Hương, thường đóng và không cho dân chúng sử dụng,” bác Liền giảng giải.

“Còn cửa Ngăn Dưới chỗ *mô*?”

“Từ Kỳ Đài *ngó* ra sông Hương cửa Ngăn Trên nằm bên phải, cửa Ngăn Dưới có tên chính thức là Thể Nhơn bên trái. Cửa *ni* không *răng* hết,” ông Hoát nắm vai tôi.

Đề tài sôi nổi là liệu năm nay lụt *to* bằng năm Quý Tỵ. Bác Mão nhận xét,

“Chẳng có *chi* đáng lo! Ngoài sông không có nhiều củ *rều* trôi bằng năm *nớ*; mưa trên nguồn ít và nước lũ yếu hơn.” “*Rều*” là cỏ, rác, và cây khô trôi lênh bênh trên mặt nước.

“*Tui* thấy kiến lửa trên mấy cây trứng cá trước nhà dời tổ lên cao hơn, tức là lụt *to* hơn vì bọn kiến có linh giác mực nước cao tới *mô*,” bác Liền cãi.

“*Tui* đồng ý với chú Mão hơn. Bọn ong vò vẽ trên cây *thầu đầu* (sầu đông) sau nhà *tui* biết năm *ni* nước không lên cao nên làm tổ thấp hơn nhiều. Không tin hỏi *thằng Bé* thì biết,” ông Hoát nhìn tôi cười nửa miệng.

Được người lớn đề cập tới, tôi hãnh diện gật đầu. Mới mấy tuần trước tôi theo bọn trẻ con trong xóm coi *tụi hấn* liệng đá phá tổ ong vò vẽ sau nhà ông Hoát. Ong bay tủa ra ào ào; mấy đứa lớn hô nhau bỏ chạy để mặc tôi ở lại, sợ quá đứng sững như trời trồng và kêu la không thành tiếng; lũ ong chích tưng bừng vào mặt và lưng *thằng Bé*. May là *mụ* Hoát trông thấy mặc áo tơ đội nón lá che mặt chạy ra đuổi ong kéo vào nhà. *Mụ* nặn nọc ong ra và lấy vôi ăn trầu bôi vào vết đốt,

“*Ong vò vẽ đốt nẻ mở cà;* mở cà bằng gỗ còn bị *nẻ* hưởng chi da thịt *mi*. Lần sau *mi* đừng chơi dại như *rứa ghen*.”

Bị *la* (rầy) oan nhưng tôi im thin thít vì không biết biện bạch. Tối hôm đó tôi lên cơn sốt, mẹ mua *Tiêu Ban Lộ* cho uống. Hôm sau mặt và lưng tôi sưng vù, mẹ sai chị ở lên Kim Long mua măng tre tươi về giã nhuyễn đắp lên. Cả tuần sau tôi mới đi lại bình thường; mẹ thấy đau không nở mắng.

* * *

Buổi chiều nước sông Hương xấp tới mặt đường, mẹ và thím Lam cùng chị ở ra sức đưa đồ đạc trong nhà lên cao. Quá nửa đêm, tôi bị đánh thức, mơ màng nhìn quanh thấy nước dâng lên gần tới mặt tấm phản ba anh em tôi nằm ngủ, guốc dép và đồ vật nổi lều bều, và một chiếc *nôốc* (một loại thuyền bằng gỗ) áp mũi vào sát phản. Mẹ ra lệnh cho chị ở,

“*Mi* đưa mấy đứa đi với hai bác Hoát tránh lụt, đợi nước rút rồi về!”

“*Răng* thím với chị Lam không đi?”

“*Tau* với thím *nớ* còn nhà cửa phải lo, đi *răng* được?”

Đứng dưới sàn nhà, nước ngập ngang bụng, thím Lam bưng chiếc đèn dầu soi đường và mẹ ẵm em nhỏ nhất là thằng Triết trao cho *mụ* Hoát rồi giục giã,

“Mau lên kẻo *Mệ nuốt chừ!*” Mẹ nói “*Mệ,*” kiêng tên Hà Bá là vị thần làm chủ con sông.

“Mẹ không đi, con ở lại phụ mẹ,” anh Quang hiểu ra và phản đối.

“Chim đầu đàn phải đi mà lo cho em. Vài ngày thôi con à!” mẹ năn nỉ.

Chiếc ghe chèo đi trong bóng đêm, tôi ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy thì trời sáng và ghe đã đậu lại; nước lặng không đẩy ghe đi và biển nước màu vàng đất che phủ mọi vật, chỉ chừa lại *đọt* (ngọn) cây và mái nhà. Tôi gọi với hỏi ông Hoát,

“Đây là chỗ *mô?* Mình làm *chi* ở đây ông ơi?”

“Vườn nhà ông Bính; mình đậu *nốc* chờ nước rút.” Nhà ông Bính là một dinh cơ rộng lớn gần cầu Bạch Hổ, cách nhà tôi không tới nửa cây số.

Cả đêm trần trọc không ngủ, anh Quang bồn chồn lo lắng mà cố gắng trấn tĩnh dạy tôi và thằng Sáng lấy que củi làm cần câu cá, nhưng chỉ được một lát chúng tôi chán, liệng bỏ cần câu và cho tay xuống nước vọc chơi. Nhưng làm gì thì làm, tôi nhớ mẹ quá chùng!

Ở cuối ghe *mụ* Hoát và chị ở nấu cơm mùi thơm thoang thoang bốc lên. Cơm nóng chan nước mắm ăn ngon miệng, nhưng mỗi người chỉ được một chén; chú “thợ ăn” thòm thèm cũng mặc.

Nước dâng lên thêm một ngày nữa là tới đỉnh và sáng hôm sau rút xuống. Từ chỗ ông Bính chúng tôi về đến nhà thì trời mưa xối xả. Ông Hoát nói,

“Mưa *xối bùn,* hết lụt rồi. Mấy đũa *bây* phải cảm ơn Trời Phật đã phù hộ cho mẹ và thím được bình an.”

Bên ngoài bùn đất và cành cây bám đầy, trong nhà bàn ghế tủ giường lấm bùn nghiêng ngã chỏng chơ. Mẹ huy động chị ở, anh Quang, và cả *thằng Bé* quét dọn bùn và phơi phóng vật dụng. Ở phía sau nhà, mẹ và thím Lam mở cái rương lớn, lấy các xấp giấy bạc một trăm đồng in hình Quốc trưởng Bảo Đại bị thấm nước, trải từng tờ trên nia để hong khô, rồi dùng bàn ủi than ủi phẳng trước khi bó thành xấp như trước. Mẹ và thím ở nhà để giữ gìn nhà cửa và nhất là của cải trong chiếc rương này!

Mẹ kể đêm thứ hai nước lụt dâng lên, mẹ và thím Lam bắc thang leo lên rằm thượng. Trong đêm tối, một chiếc ghe “cứu người” gọi cửa, trên ghe có bốn năm người đàn ông lực lưỡng và nhiều đồ đạc, hẳn là *hôi* được của những nhà không có người canh giữ. Họ hỏi,

“Hai chị ở nhà *một chốc* (một mình) hay có ai nữa?”

“Chồng *tui* và chú em chồng thím *nớ* canh lụt cả ngày mệt nên còn ngủ phía sau. Cần *chi* không, *tui* kêu ra?” mẹ bình tĩnh nói cứng.

“*Tui tui* đi tuần coi ai cần cứu giúp, hai chị không cần thì thôi.” Họ thất vọng bỏ đi.

Lời cầu khẩn Trời Phật của mẹ và thím Lam được đáp ứng: nước dâng lên vừa thấm sàn rằm thượng thì ngừng lại. Mẹ vui mừng nói với thím,

“Hai chị em mình có mang mà *dầm* nước lụt thì sẽ đẻ con gái.”

“Thiệt không? *Răng* chị biết?” thím bẽn lẽn.

“Ông bà mình nói *rứa!* Thím có mang con so lại càng ứng nghiệm,” mẹ chắc mẫm.

Quả nhiên, năm sau thím Lam sinh con gái đầu lòng, em Hương mang tên dòng sông lúc bình thường gắn liền với sự thanh lịch thơ mộng và cảnh vật đẹp đẽ của thành phố Huế. Một tháng sau mẹ sinh cô “công chúa” duy nhất trong nhà bốn anh trai, em Bình mẹ nói hình thành dưới chân núi Ngự Bình.

Nhớ lời ông Hoát, hàng năm đến mùa lụt tôi tìm xem lũ ong vò vẽ làm tổ cao hay thấp để tiên đoán trận lụt sắp tới to hay nhỏ. Nếu cơn lụt Ất Mùi (1955) dâng nước cao thêm chừng nửa thước, tôi đã không còn mẹ yêu dấu mà cũng chẳng có cô em gái bầu bĩnh dễ thương. Không biết cha có hay được điều này?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Năm, 2014

Lỗi Tại Ai, Mọi Đàng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Con Cúi được cậu Há cho đi học lớp nữ sinh trường Bồ Đề. Nó hí hửng tới báo tin và nhất quyết biểu tôi gọi bằng tên đi học là Yên Thu hay nói gọn là Thu. Tôi ừ ngay cho xong chuyện vì “*mi mi tau tau*” tôi có gọi nó bằng tên đầu mà lo. Nhưng anh Quang không chịu,

“Thu *chi* mà Thu, *thu đủ* hả?” Người Huế gọi quả đu đủ là trái “*thu đủ*.”

“*Mi* ăn nói đàng hoàng, không *tau mec o* cho coi,” con Cúi dọa mách mẹ.

“*Chấp mi mec!* *Mi* nhỏ hơn *tau*, lại là vai em mà hỗn hào; cậu Há biết được là đời *mi* tàn,” anh tôi chỉ ngón tay hăm he.

“Ba *tau* nói ai cũng phải kêu *tau* bằng tên đi học,” con Cúi dụ giọng.

“*Mi* là mùa thu ảm đạm hay mùa thu cúc nở bông?” anh cười chúm chím.

Tôi ôm bụng cười vì lối chơi chữ và nói lái (theo kiểu miền Trung) của anh – “Thu Đạm” hay “Thu Cúc”? Con Cúi ngơ ngác, anh làm nghiêm gật gù,

“Thôi thì *mi* là Thu Cúc.”

“*Tau* kêu *mi* là *thằng Gái Giập Dái*, chịu không?” nó hiểu ra trợn mắt nhắc lại ngày còn bé chơi nghịch cây dù hư anh bị cọng dù kẹp vào hạ bộ đau quá trợn mắt ngã xuống bất tỉnh.

“Con gái *con ghiecc chi* mà dữ dằn như quỷ Dạ Xoa,” anh chịu thua nhưng cố vớt vát.

Anh em tôi mừng thầm, chắc mẩm thế nào cũng được học trường Bồ Đề như con Thu, nhưng *nói trước bước không qua*, mấy ngày sau cha về nhà đưa ra quyết định,

“Hai *thằng ni* ở nhà phá làng phá xóm, phải cho vô nội trú để các cha các thầy rập vô khuôn phép mới được.”

“Cho con học trường dòng ở bên *tê sông?* Mình có đạo *mô?*” mẹ hỏi.

“Mẹ *mi* không biết ất giáp *chi* hết. Mấy người *làm to* (làm lớn) đều xuất thân từ trường *nớ*; không dễ dãi *chi* mà chen chân vô, *hơi mô* mà thối mắc *lương* hay *giáo!*” “*Lương*” là đạo thờ cúng ông bà, khác với “*giáo*” là đạo Thiên chúa.

Mẹ sung sướng mãn nguyện; lần đầu tiên cha quan tâm đến chuyện học hành và tương lai của các con và không ngại tốn kém cho con học trường danh giá, điều mẹ không hề mơ tới. Nhưng khi cha bàn chuyện với cậu Há, cậu không tán thành và nghiêm khắc hỏi,

“Anh tính cho hai đứa tu làm cha nhà thờ hay *răng* mà bắt ở ký túc xá trường dòng?”

“*Mô* có! *Tụi hấn* cần được uốn nắn chặt chẽ hơn...”

Cha lúng túng trả lời rồi đổi đề tài,

“*Toa* còn nhớ *Me-xừ* Hoàng người làng Tam Tòa không? *Lúy* bây giờ là tiểu đoàn trưởng của *moa*.” *Toa* (tiếng Pháp là *toi* = *you*), *Me-xừ* (tiếng Pháp là *Monsieur* = *Mister*), *lúy* (tiếng Pháp là *lui* = *he* hay *him*), và *moa* (tiếng Pháp là *moi* = *me*) là các đại danh từ thông dụng đương thời.

“Hoàng *nớ* học Khải Định trên anh mà dưới *tui* hai lớp, học dốt bị ở lại hai năm rồi bị đuổi,” cậu nhớ lại.

“Học sĩ quan Đà Lạt với *moa*, *lúy* cũng ra trường *chót bẹt*; nhưng nhờ gia đình đạo dòng mà lên chức như điều gặp gió.”

“*Hắn* có người em học trường dòng rồi tu thành cha, *chừ ở mô?*”

“Cha Trực là Cha Tuyên úy Quân khu II. *Me-xừ* Hoàng và cha khuyên *moa* muốn rộng đường tiến thân phải cho *tụi hắn* học trường đạo. Nhờ cha bảo trợ trường mới nhận.”

“*Té ra rứa* (thì ra vậy)!” nhưng giọng nói của cậu không ngạc nhiên tí nào.

* * *

Ngày chúng tôi vào trường mẹ khóc thút thít tiễn đưa, dặn dò đủ thứ làm cha phải gắt lên,

“*Tụi hắn* học nội trong Huế *ni* chớ đi *mô* xa mà khóc với lóc.”

“Thiệt tội, từ nhỏ đến lớn chưa *khi mô* xa mẹ; không thương *răng* được,” mẹ giụi mắt.

“Lễ, Tết, hay hè *tụi hắn* lại về thăm nhà, có *chi* mà bịn rịn?”

Cha đích thân lái xe *Giép* (Jeep) đưa đi. Ngôi trường nguy nga tráng lệ, ba mặt giáp bờ sông với những hàng cây xanh mướt, và phía sau là vườn cam tuyệt đẹp. Tôi được vào lớp Ba (lớp 3 ngày nay), và anh Quang lớp Nhì (lớp 4 ngày nay). Đón chúng tôi có thằng Thụ con bác Hoàng, thượng cấp của cha. Thụ nhỏ thó và trắng trẻo, học lớp Nhì như anh Quang, nhưng đã vào đây từ lớp Năm rồi học lên cho đến bây giờ. Gặp anh Quang nó mừng rỡ lảng xảng nhưng chỉ nói lí nhí trong miệng.

Thầy giáo là các *Frères* mặc áo chùng đen có miếng trắng ở cổ. *Frère* (đọc tương tự như “frair” trong tiếng Anh và sau này dịch ra tiếng Việt là *Sư huynh*) là danh xưng của các tu sĩ dòng La San gồm các trường sư phạm công giáo; dòng này không có linh mục. Dạy lớp Ba là *Frère* Matthieu cao lớn và mũi cao như Tây. Ngày đầu tiên tôi bỡ ngỡ bước vào lớp, *Frère* ngồi sẵn ở bàn thầy giáo, bỏ cặp kính dày cộm xuống, và hỏi bằng tiếng Bắc giả giọng Huế,

“*Mi* tên *chi?*”

Tôi sợ khiếp vía, lắp bắp không ra lời. *Frère* chỉ hai món trên bàn,

“Roi mây dành cho mấy đứa rần mắt và thước kẻ cho những thằng nhác học.”

Từ một đứa bé nhà quê luông tuồng, tôi bị đặt vào kỷ luật nghiêm khắc trong một thế giới khép kín mà học sinh mới bị canh chừng cẩn thận. Mọi giờ giấc trong ngày và trong tuần – học hành, ăn ngủ, chơi đùa, v.v. – đều tuân theo thời khoá biểu vạch sẵn. Năm giờ sáng, bị đánh thức để đi nhà thờ đọc kinh cầu nguyện, mắt nhắm mắt mở tôi học cách ngủ quỳ và thường thức giấc khi mọi người đọc Kinh Thú Nhận,

... *Tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm*

và những điều thiếu sót: lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng...

Buổi sáng là giờ học Giáo lý và tiếng Pháp. Mỗi ngày chúng tôi phải học thuộc lòng chừng hai chục chữ Pháp; mấy đứa không thuộc phải ngửa tay lên bàn và chụm ngón tay lại cho *Frère* lấy thước kẻ khẻ mạnh xuống. Đau ứa nước mắt nhưng kẻ nhác học phải nói lớn,

“*Merci, cher Frère* (cám ơn *Sư huynh* yêu quý)!”

Nhờ lúc ở nhà mà tự học bộ *Grammaire française* (Văn phạm Pháp ngữ) xưa của Claude Augé và thỉnh thoảng lật Tự Điển Tiếng Pháp Larousse của chú Lam ra xem hình đoán chữ, tôi đọc ngữ vựng Pháp một lần là nhớ nên thường được *Frère* khen, không như các bạn học ngày học đêm mà vẫn bị khẻ tay.

Buổi chiều chúng tôi học toán và các môn khác. Toán lớp Ba dễ òm; làm "toán chạy" thì tôi giải nhanh hơn... chạy; *Frère* viết đề toán vừa xong là tôi đã nghĩ ra đáp số. Giờ toán, môn học tôi thích nhất, trở thành nhàm chán vì phải khoanh tay ngồi không suốt buổi.

Giờ học tối tất cả học sinh lớn nhỏ phải vào phòng học chung và phải ngồi "học" cho đến giờ về phòng ngủ là cực hình lớn nhất trong ngày. Không có bài cần học nhưng tôi phải ngồi yên để không làm phiền học sinh khác. Nhớ mẹ và hai em Sáng và Triết mà không biết làm sao hơn là ngồi khóc.

Mỗi ngày tôi thấy anh Quang đôi ba lần – trong nhà thờ, phòng ăn, phòng học chung, và phòng ngủ – nhưng mỗi đưa theo thời khóa biểu riêng, không có cơ hội trò chuyện. Tôi biết lớp Nhì học với *Frère* René Thọ, trẻ và hay cười, và không khó đăm đăm như *Frère* Matthieu.

Trong tuần tôi mong đến chiều Chủ Nhật học sinh nội trú được các *Frères* dẫn ra ngoài dạo chơi và anh Quang tìm cách đi gần tôi hỏi chuyện. Anh thường nhìn mặt,

"*Tau* thấy *mi* khóc hoài; bị *Frère* đập hả?"

"Không, *tui* nhớ nhà. Buồn *chi* lạ, không *nơi mô* bằng nhà mình!"

"Vô đây học, có phải đi chơi *mô* mà buồn hay vui!"

"*Tui* có học được *chi mô*? *Tui* ưng về với mẹ."

"*Tau* cũng không sung sướng *chi*, nhưng để rững rãi sẽ liệu. Cái khó là *màn rặng* cha không đem ngược trở vô."

"Nói *rứa* thì *tui* chịu." Với tôi, bao giờ anh cũng giữ lời.

Tuần lễ sau kỳ thi lục cá nguyệt đầu tiên, ai nấy đều vui vẻ vì vừa qua thời gian học thi cực nhọc, nhưng anh Quang có điều gì khác lạ. Anh không còn mỉm cười khi nhìn thấy tôi mà mím môi như báo trước một việc gì sẽ tới.

Chủ nhật sau đó, đoàn nội trú được ra ngoài tắm sông Hương. Khi các *Frères* ra lệnh tập họp sửa soạn về trường, anh Quang đột nhiên bỏ hàng chạy tới kéo tay tôi,

"Đi về *Bé* ơi, không học trường *ni* nữa!"

Hai anh em thi nhau ù chạy. Trước khi các *Frères* kịp phản ứng, anh quay người lại la to,

"*Frère* René bú c... học trò! Thầy Thọ mút c... học trò!"

* * *

Anh em tôi bị một trận đòn la lết và cấm không được ra khỏi nhà. Thăng Vượng, bạn thân nhất của anh Quang, đến tìm; vốn phục anh sát đất, *hấn* xun xoe,

"*Mi* là tổ sư thứ thiệt! Cả gan bỏ học, lại dám kêu tên thầy dòng ra *chưởi*!"

“*Tầm bậy nà; tau có chưởi ai mô. Thằng Thụ với tau đi mô cũng có nhau, ngủ giường cạnh nhau. Hấn bị Frère René tức là thầy Thọ để ý và hay vuốt ve trong lớp. Ban đêm Frère mò xuống phòng ngủ rờ rẫm lung tung, nhất là... chỗ nớ.*”

“*Răng lạ rứa? Đàn ông lại đi mò con trai?*”

“*Thằng Thụ sợ quá giả đờ ngủ say; Frère mần tới, lần lần không những lấy tay mà còn dùng mỏ (miệng)...*”

“*Chi mà gớm ghiếc dễ sợ rứa?*” thằng Vượng chưa tin hẳn.

Anh Quang bụm miệng cười kể tiếp,

“*Chộ hấn (thấy nó) sáng mô ngủ dậy cũng khóc, tau xúi hấn ăn cắp chai mực xanh trong lớp đem về phòng, vô cầu tiêu lấy bút lông tô mực lên chỗ nớ với lại hai trấp bả (bắp vế), đợi mực khô mới mặc quần đi ngủ.*”

“*Không lẽ thầy sợ mực xanh?*”

“*Frère không biết có mực nên vẫn... thối lửa lú lo như thường lệ, sáng sớm vào nhà thờ cầu nguyện mặt mũi môi mép dính mực tèm lem. Tau không nhịn được bật cười to rồi lãnh roi mây và ăn thước kẻ suốt tuần lễ. Frère mắng tau là đũa rắn mắt và nhác học nhất lớp.*”

“*Té ra thằng cha nớ là thầy Thọ Lỗi!*” thằng Vượng cười ré lên, đặc ý với cách nói lái vừa nghĩ ra. Trong ngôn ngữ trẻ con Huế, “*lợ*” là... cái ấy của đàn ông.

Tôi cầu Trời Phật phù hộ cho thằng Thụ không còn bị Frère René Thọ quấy rối. Những ngày buồn chán của tôi trong tòa tháp ngà ấy không hẳn là vô ích. Nhiều năm sau, thỉnh thoảng gặp một chữ Pháp mới, tôi hiểu nghĩa ngay mà không nhớ mình học lúc nào. Cám ơn Frère Matthieu!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 6 tháng Bảy, 2014

Người Hùng Vượt Tuyến

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối năm 1955, căn nhà Cửa Nhà Đờ của mẹ là một đại gia đình gồm nhiều họ hàng thân thích và người làng. Cha là trưởng họ và có chức phận cao nhất nên đương nhiên thành nơi nương tựa, tinh thần cũng như vật chất, cho bà con tụ về. Theo gót bà nội khi xưa, mẹ thấy có bốn phận *lá lành đùm lá rách* giúp đỡ những kẻ sa cơ lỡ vận và hoan hỉ trông nom cái xã hội tí hon này.

Gia đình anh Nối và anh Đủ, hai người anh họ tôi, ở đó lâu nhất. Trước phục vụ trong quân đội ở Sài Gòn, anh Tiếp giải ngũ đưa chị và hai đứa con về Huế; con Đoái lớn hơn tôi một tuổi và thẳng Chớn lên ba. Anh Đủ làm trung sĩ đóng đồn ở Quảng Trị, đi đi về về như cha. Chị Đủ lo cho thằng con bệnh hoạn không thôi cũng đủ vất vả. Thằng bé chừng hai tuổi, từ lúc sinh ra nằm yên như cục bột, không nhúc nhích hay thốt ra tiếng.

Anh Nối làm việc nặng quanh nhà và buổi chiều đưa anh em tôi đi tắm sông; chị phụ lo bếp núc và dọn dẹp nhà cửa. Sau bữa cơm tối, bọn trẻ con chơi đùa trong sân thì người lớn ngồi dưới hàng hiên nghe chị Nối kể chuyện Nam kỳ. Nhờ đó tôi được biết trong *nớ* khi mua bán *họ xé đôi tờ bạc một đồng, tính thành nửa đồng*, và ai cũng sống thông dong thoải mái, không như *ngoài mình*; buổi trưa phu xích lô đậu xe chỗ mát *ngồi vách đốc* đọc báo và ngủ trưa, khách kêu không thềm đi.

Con Đoái người tròn trịa, đứng cao hơn tôi nửa cái đầu. Nó sinh ở Sài Gòn và là “dân Sài Gòn” chính cống nhưng thường hỏi một kẻ *quê rích quê rang* như tôi,
“Chú đi chơi đâu, cho em theo với.”

Trẻ con trong xóm xưng “*tau*” với mấy đứa nhỏ hơn hay ngang hàng, “*tui*” với các anh lớn, và “con” với người lớn hơn nữa, chứ không bao giờ xưng “em” mềm mỏng và dịu dàng như con Đoái. Nhưng đừng tưởng nó hiền; thấy tôi với nó chơi chung thằng Biên buột miệng *cặp đôi*, tức là gán ghép ví là vợ chồng,

“Hai đứa *mi* xứng đôi vừa lứa *hỉ?*”

“*Mi... mi...* đừng nói *tầm bậy*. *Hắn* là ... cháu kêu *tau* bằng chú,” tôi lấp bắp cãi.

“Chú *chi?* Chú trong họ *hả?*” nó cười hăng hắc, dùng lối chơi chữ để nói lái (theo kiểu miền Trung) – “chú trong họ.” “*Hự*” tiếng Huế là cái hũ, tức đồ đựng bằng sành, nhỏ hông mà to miệng.

Tôi chưa kịp phản ứng thì con Đoái vung tay tát vào mặt thằng Biên cái “bốp,”

“Cho mày chừa thói ăn nói *bậy bạ!*”

Từ đó con Đoái được gọi là “Con Xè *Goòng*” không đứa nào dám giỡn mặt.

* * *

Một người đàn ông trạc tứ tuần đến nhà gặp mẹ và tự giới thiệu là anh chị Năn, chị vú ngoài làng. Cha mẹ mất sớm, chị về ở với gia đình nội từ năm lên bảy, lúc đầu làm việc vặt trong nhà cho bà nội rồi dần dần giúp việc bếp núc và chăm sóc ba anh tôi. Sau hiệp định *Giơ-Neo* (Genève) 1954, chị xin nghỉ việc về quê ở làng Lộc Đại để đoàn tụ với người thân duy nhất là ông anh bỏ làng đi theo *bên tề* (bên kia) khi chị mới chập chững biết đi.

Người anh ấy là bác Mậu này. Dáng quê mùa cục mịch nhưng bác ăn mặc khá chỉnh tề và thao thao,

“O Năn *tui* lúc nào cũng nhắc tới công ơn của gia đình *mự* (thím).”

“Đó là nhờ *ông mẹ* mấy đứa. *Chừ* con Năn làm *chi*?” mẹ hỏi.

“Sau khi học bổ túc văn hóa, *hấn* làm giáo viên cấp một trường Lộc Ninh nên đời sống sung sướng lắm.”

Tôi ngạc nhiên vì mới năm trước chị vú không biết một chữ. Mẹ không để ý chuyện này mà quay ra giải thích cho cả nhà,

“Làng Lộc Đại nằm trong xã Lộc Ninh nên trường học mang tên xã. Xã *ni* có một làng khác kêu là Hồ Cai trồng dưa đỏ ngon, ngọt, và dòn có tiếng.”

“*Rứa mự* cũng rành địa thế tỉnh mình?” ông Mậu hỏi, nhưng không có vẻ ngạc nhiên.

“Ngày trước *tui* đi buôn, quấy gánh lê la khắp các chợ huyện. Trong mười mấy năm giúp việc cho gia đình *tui*, con Năn chắt chiu tom góp tiền bạc để dành xây lǎng cho hai bác – thiệt tội – và *tui* giúp một phần.”

“*Mự* không hỏi *tui* cũng nhắc để cảm ơn. Nhờ *mự* mà mả của ông bà thân *tui* to và đẹp nhứt làng Lộc Đại.”

Mẹ mời bác uống nước trà rồi đi vào câu hỏi mà mọi người mong đợi,

“*Tui* biết bác theo *bên tề* đã lâu. *Rǎng chừ* qua *bên ni*?”

“Sau ngày đình chiến, về làng gầy dựng con Năn thành người có văn hóa là *tui* mǎn nguyện. Không vợ con, không màng bon chen, *tui* vô trong *ni* sống cho yên ổn cái thân già,” bác trả lời như đọc bài soạn sẵn.

“Bác vô khi *mô*?”

“*Tui* vượt tuyến vô Nam mới ba ngày *ni*.”

Bác Mậu vượt tuyến tìm tự do! Mới tháng trước, thằng Xê con cậu Há cũng vượt tuyến – bơi qua sông Bến Hải. Số là cuối năm ngoái, chính phủ hai bên cho phép qua lại thăm viếng thân nhân trong khi chờ đợi tổng tuyển cử như hiệp định *Giơ-Neo* (Genève) quy định; cậu Trần, em cậu Há và cán bộ Vem kỳ cựu, vào “thăm gia đình” và dụ dỗ thằng Xê theo về làng. Kế hoạch nằm vùng ở Huế trong chiến dịch “Diệt Ác Ôn” thất bại, cậu bị phê bình kiểm thảo gắt gao. Các “đồng chí” kết tội cậu vô Nam “hủ hóa” – uống cà phê hút thuốc lá Méliá vàng của Thực dân – rồi cho cậu về vườn.

Để chuộc lỗi với ông anh, cậu Trần lén đưa thằng Xê vào làng Vĩnh Ô thuộc huyện Vĩnh Linh trên nguồn sông Bến Hải, nơi bộ đội miền Bắc canh gác lơ lửng. Đợi thằng Xê bơi qua bên kia sông và được cảnh sát Quốc gia đón nhận, cậu quay về làng – chờ đợi hình phạt nặng nề của đảng và nhà nước.

Thằng Xê trở thành anh hùng và là niềm hãnh diện lớn lao của gia đình cậu Há và bà con đồng hương. Báo chí đăng tải và đài phát thanh Huế phỏng vấn và truyền thanh nhiều ngày. Do đó, mẹ thắc mắc,

“Bác vô đường *mô* mà không nghe *chi* hết?”

“Thú thiệt với *mự*, *tui* đi đường *rú* (rừng) gần biên giới Việt-Lào, vô Nam qua ngã Lao Bảo gần Khe Sanh nên không gặp giới chức miền Nam *mô* hết. Theo lời con Năn, *tui* hỏi đường tới nhà chú *mự*.”

“*Răng* bác biết *tui* ở đây?”

“Huyện Lệ Thủy có cụ Ngô thì Đồng Hới có chú *mự* là sao Bắc đẩu của tỉnh mình, ai mà không biết?”

Mẹ nghiêm mặt, không lay chuyển vì lời tâng bốc quá đáng ấy,

“Bác là anh con Năn, cũng là gia đình *tui*. Mời bác ở lại đây, cơm nước thì có mắm ăn mắm, có muối ăn muối với nhau. Còn chỗ ở thì *chật bụng chớ chật chi nhà!*”

“Cám ơn *mự*. *Tui* xin ở tạm đến khi tìm được việc làm sẽ ra ở riêng.”

“Bác nghỉ ngơi cho khỏe. Việc vãn thì đợi ông nhà *tui* về giúp cho.”

Bác Mậu vui vẻ, niềm nở, và hay hỏi han bọn trẻ con chúng tôi. Bác biết rành rẽ về gia đình tôi và thỉnh thoảng hỏi những câu tôi không biết trả lời. Anh Quang không ưa bác ra mặt và nhất định lánh xa; bác lân la làm quen với tôi,

“Em biết không, ngày xưa dòng họ Nguyễn giàu có nhất tỉnh Quảng Bình. Ông *sơ* em là đại địa chủ, có quyền sở hữu trên nửa ruộng đất toàn tỉnh.” Ông “*sơ*” là cha ông cố, hay ông nội của ông nội tôi.

Mẹ hay kể ông cố tôi giàu *nứt đố đố vách*, tiêu tiền như nước, thường cùng hai người hầu cỡi ngựa bạch vô Huế chơi. Đi coi hát bội cầm trống chầu, ông thường vung tiền hàng nắm lên sân khấu thưởng đào kép. Vì máu mê cờ bạc, ông dần dà bán hết tài sản để trang trải nợ nần và, lợi dụng người em duy nhất không rành chữ nghĩa, làm văn khế bán luôn phần ruộng đất của em. Đến đời ông nội là con một, gia sản không còn nhiều nhưng đủ để được xem là giàu có nhất làng; nhưng bác Mậu lại kể,

“Người ta đồn ông nội bán ruộng để mua vàng bạc châu báu gom thành kho tàng để dành cho đời sau là các em.”

“Nói *rứa* không *trúng*...” tôi cãi.

“Em sáng dạ hơn người; nhớ kỹ lại đi. Em có thấy ông nội hay cha mẹ cầm vật gì đào bới trong *nương* (vườn) không? Nhớ ra thì muốn *chi* bác cũng thưởng.”

“Con không thấy, không nhớ *chi* hết,” tôi kéo tay con Đoái chạy đi.

Tôi hay hỏi bác Mậu về chị vú, bà mẹ thứ hai của ba anh em tôi ngoài làng, nhưng bác trả lời lửng lơ cho qua chuyện rồi hể hả cười vang. Nghi bác không phải là anh chị vú nhưng tôi không biết làm sao tìm cho ra lẽ – cho đến khi tôi đánh cờ gánh với anh em thằng Biên thằng Sơn. Nhân đó tôi nghĩ ra kế, bàn với con Đoái, và cùng nó tập dượt đến khi suôn sẻ,

“Con Đoái *cuộc* với con là bác có bàn tay sáu ngón giống như thằng Sơn.” “*Cuộc*” là cá, đổ nhau có ăn thua.

“*Mô* có, tay bác bình thường mà! *Răng rứa?*” bác xòe cả hai bàn tay.

“Con nhớ ngón cái bên tay trái của chị vú chẻ thành hai ngón. Con cho là tật trời sinh mà *hắn* khur khur cãi là di truyền – một người có thì cả gia đình ai cũng bị.”

“Con Năn đẻ ra với sáu ngón tay, nhưng ngoài ra không ai như *rúa* hết,” bác cười xòa.

“*Mi* thua rồi, chịu mười cái búng tai đau điếng người luôn!” tôi hăm he con Đoái.

Chúng tôi bày đặt chuyện chị vú có bàn tay sáu ngón mà bác Mậu tưởng thật hòa theo – bác không hề gặp hay quen biết chị. Con Đoái ghé miệng bên tai tôi,

“Chú giữ kín ghen; *mụ* và ba em biết rồi.” Nó gọi mẹ bằng “*mụ*,” tức là *mẹ* hay bà.

Mỗi buổi sáng bác Mậu đội nón rời nhà đi xin việc. Tiếp theo, anh Nối cũng đi công chuyện cho mẹ và về nhà trước khi bác Mậu về tới. Đều đặn như thế trong hai tuần, sau đó không thấy bác Mậu về nhà nữa. Tôi và con Đoái thắc mắc nhưng không dám hỏi; mẹ và anh Nối không hé răng.

* * *

Khi cha từ Đông Hà về, cậu Há thay mẹ và anh Nối tường thuật,

“*Nhờ o lanh trí* và anh Nối ra công theo dõi thằng Mậu rồi kịp thời báo với cơ quan an ninh mà ổ đặc công Việt Minh tại Huế bị tóm sạch. Thằng *Vem* gộc *nớ* tính dùng nhà anh chị làm bình phong để lập mạng lưới nằm vùng, chuẩn bị công tác ám sát và phá hoại quy mô.”

“Mới tới là *tui* nghi liền vì *hắn* không thiệt thà *chi* hết,” mẹ cười.

“*Làm rǎng* chị biết *hắn* giả dạng?”

“Ai cũng tưởng mờ mả cha mẹ con Năn ở làng Lộc Đại, nhưng *tui* biết họ chôn ở làng Hồ Cai. *Hắn* không biết, *nói dứa* theo cho xuôi chuyện mới lòi đuôi.”

“*Té ra rúa* (thì ra vậy)! An ninh quân đội kêu thằng *Xê* lên nhận diện: *Thằng nớ* cầm đầu đội cải cách ruộng đất, đầu sỏ các vụ đấu tố làng mình nên đã từng điều tra rạch ròi lý lịch của anh chị.”

Tôi hiểu thắm thía câu nói thường nghe: “Nói láo như *Vem*.” Cậu Há giải thích thêm,

“Bọn Việt Minh có thói phét lác *một tấc lên tới trời*, bịa chuyện *lá lay* nghịch với lẽ thường mà nghĩ là người ta tin vì cho rằng ai cũng ngu si và đốt nát như *tụi hắn*.”

Tôi nhớ mãi điều này...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Bảy, 2014

Ai Về Xứ Nẫu

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa hè 1956. Hai tuần sau lễ *khảm tháng*, tức là lễ đầy tháng, em Bình gia đình tôi từ giã xóm Cửa Nhà Đò theo cha vào Qui Nhơn, cha nói đơn vị đổi từ Đông Hà vào để lập căn cứ trấn giữ lâu dài. Nhờ đó anh em tôi được đi xe đò lần đầu tiên.

Tới Bồng Sơn xe ngừng lại vì chiếc cầu bắc qua sông gãy sập còn trơ một nhịp duy nhất. Xe và hành lý trên nóc được chở qua sông bằng phà. Hành khách xuống xe lội qua sông; nước ngang mắt cá trong veo thấy rõ lớp cát vàng mịn dưới đáy. Sau đó chuyển xe nghỉ lại ăn trưa trong khu vườn dừa; các cây dừa cao có bẹ dài xanh rì tủa ra thành những chiếc lọng râm mát.

Một người đàn ông trung niên giắt câu liêm giựt dừa bên hông và cầm vòng dây là chiếc nài leo dừa xoắn một vòng thành hình số 8 rồi tròng vào chân. Thoắt một cái, ông leo lên gần tới ngọn dừa cao hơn mười lăm thước, tới gần những bẹ dừa, và bẻ trái liệng xuống đất. Những trái dừa mới hái màu xanh chắt thành đống ngay ngắn trên sạp gỗ cho khách lựa mua. Bà bán nước dừa tươi vạt dừa bằng chiếc dao dài to bản; bà vung dao chặt xiên ba nhát chung quanh nùm trái dừa cho sạch vỏ xanh rồi cuỗi cùng lia ngang lưỡi dao vạt một miếng gáo thành lỗ tròn để khách ghé miệng uống. Anh Quang nhìn chăm chăm khâm phục,

“Mấy người *ni* giỏi võ lắm! Leo dừa tài tình như *rứa* phải biết phi thân, và bà *tê* vạt dừa tinh xảo như đường Mai Hoa Đào trong ‘sách.’”

“*Răng* anh biết?” theo thói quen tôi hỏi lại.

“Người Bình Định nổi tiếng về võ thuật; *liền* bà con gái cũng giỏi côn quyền nên *họ* nói

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.

Vô trong nớ *tau* sẽ tìm thầy học võ,” anh gật gù.

Cha thuê một căn nhà trong dãy phố đường Tăng Bạt Hổ cho gia đình ở. Ở Qui Nhơn mà anh em tôi tưởng như một xứ lạ vì người địa phương nói “tiếng nẫu” đặc biệt của vùng Bình Định - Phú Yên; họ dùng đại danh từ “*nẫu*” rất rộng rãi để chỉ người ấy, bọn họ, hay người ta. Dỏng tai nghe và tròn xoe mắt nhìn miệng mà chúng tôi vẫn không hiểu các câu nói thông thường; thí dụ như

Tấu thui tấu thít rầu! Mời ông bae bàe máe dìu eng côm, có ké giới mực neng già rượu níp. Eng rầu ngủ cho phẻ phẩn. (Tối thui tối thít rôi! Mời ông ba bà má về ăn cơm; có cá với mực nang và rượu nếp. Ăn rồi ngủ cho khoẻ khoản.)

Thêm vào đó, những từ ngữ tán thán như “*dãy ngheng*” (vậy ghen), “*dãy ó*” (vậy đó), “*dãy na*” (vậy à), “*ờ hé*” (ừ nhỉ), và “*chui cha*” (giống như “trời ơi”) lồng vào câu nói mà âm thanh cất cao ở cuối câu nghe như tiếng hát nhưng càng thêm khó hiểu.

Hàng xóm, trẻ con cũng như người lớn, nhìn chúng tôi với đôi mắt nghi ngại không muốn làm quen. Khéo kết bạn như anh Quang mà cả tháng anh chưa có bạn chơi cùng. Mẹ an ủi,

“Bình Định mới được Quốc gia tiếp thu nên lòng người còn *chộn rộn*. Các con tử tế và lễ phép với người ta thì họ sẽ đối xử tốt với mình.”

Mẹ vui vô kể khi gặp lại thím Sẻ, chị em bạn dâu với mẹ năm xưa. Chuyện kể rằng bà nội cưới thím cho chú Lam khi biết chú thương yêu cô hàng xóm sau nhà và cuộc tình éo le không được bà tán thành. Chú không dám cãi lời bà, chỉ không gần gũi với người vợ lớn hơn chú mười tuổi. Sau ba năm làm dâu mà như không chồng, thím buồn tình ra làng xin *để* (ly dị) chú.

Thím Sẻ và chồng mới là ông Bàn có tiệm tạp hóa buôn bán trong chợ Qui Nhơn; trước là cửa hàng, sau là nhà ở. Ông Bàn khoảng bốn mươi tuổi, hiền lành ít nói, kiêm thêm nghề chích lễ và bầu giác. Gặp mẹ và anh em tôi, thím Sẻ ôm tôi khóc rờn và gọi con gái vào,

“Chào bác gái và *anh Bé* đi con. Mới sáu tuổi mà cháu giỏi lắm, công việc trong nhà ngoài tiệm lo được hết.” *Con Bé* cùng tên với tôi, nói giọng Quảng Bình *đặc sệt* như thím chứ không pha tiếng nẫu của ông Bàn.

* * *

Tôi hay đến nhà thím Sẻ chơi với *con Bé*; nó là bạn duy nhất của tôi và, giống như thím, chiều chuộng tôi hết mình. Khách hàng vào tiệm tạp hóa được thím thân mật hỏi han nên các bà khách hay tâm sự kể lể chuyện nhà cho thím nghe, tôi tha hồ hóng chuyện người lớn.

Mẹ đi chợ ghé thăm thím Sẻ khi tôi và *con Bé* chơi *ô làng* dưới hàng hiên. Để chơi trò chơi này, tôi kẻ ô hình chữ nhật trên sàn và chia thành mười ô vuông, mỗi bên gồm năm ô gọi là *ô dân*; ở hai đầu kẻ thêm hai ô hình bán nguyệt hướng ra ngoài gọi là *ô làng*; lúc bắt đầu chơi mỗi ô dân có năm quân là các viên sỏi nhỏ, và hai ô làng có hai viên đá lớn gọi là *làng*.

Thím Sẻ gọi *con Bé* vào trông tiệm vì ông Bàn đã đi ra ngoài. Hai đứa la lên “*hết làng tàn dân*,” xóa bàn ô làng rồi chạy vào nhà. Trong khi nó bận rộn bán hàng, tôi lảng vảng ra nhà sau nghe lóm mẹ và thím tâm sự. Mẹ kể chuyện chú Lam, thím sụt sùi,

“Từ ngày rời nhà *bọ vú*, lúc mô *tui* cũng nghĩ tới gia đình mình.” Cha mẹ và chú thím gọi ông bà nội bằng “*bọ vú*.”

“Mừng thím tìm được nơi ưng ý để gá nghĩa,” mẹ dè dặt.

“Hơn ba năm làm dâu, *bọ vú* đối xử với *tui* như *đội* (bát) nước đầy, thương như con ruột. *Eng* (anh) Lam lúc mô cũng lịch sự nể nang, chưa hề nói nặng *tui* một tiếng.”

Tôi nghe kể chú Lam *đăng lính* và ở luôn trong đồn, bà nội cho người nhắn chú mới về nhà, và khi về chú mang theo giường bố kê ngủ ở phòng ngoài, không ngó ngang đến thím. Thím Sẻ thút thít nhớ lại chuyện xưa,

“Biết *eng* đã lỡ thương người khác, chuyện tình trắc trở mà không thay lòng đổi dạ, *tui* càng thương càng kính con người có tình có nghĩa.”

“*Răng* thím *để* chú *nó*?” mẹ thắc mắc.

“Vì thương chồng mà phải xa chồng. Đau như cắt ruột mà cắn răng chịu khổ chị ơi!”

Thím ngưng lại lau nước mắt,

“Người ăn học và hiểu để như *eng* không khi *mô* để tui là người vợ *bọ* vú cheo cưới đảng hoàng; *eng* sẽ ở rứa suốt đời. Làm *răng* tui để chồng không có người nối dõi, mang tội vô hậu vi đại?”

“Lòng hy sinh của thím thiệt đáng phục! *Răng* con *Bé* giống chú Lam như đúc?” mẹ nêu lên điều tôi đã nhận thấy khi gặp nó lần đầu.

“Con của *eng* chớ ai vô đó! Trước khi ra làng xin để, tui nhờ người làm đơn, ký tên điểm chỉ xong xuôi và đưa cho *eng*; chỉ xin được hưởng mùi làm *liền bà* một tuần lễ trước khi dứt áo ra đi. Thầm cầu Trời cho đậu một đứa con ‘dễ ghét’ như *thằng Bé*.”

Sau đó thím sang quê mẹ là làng Hải Thành *kẻ chài* kế bên sống với gia đình người cậu. Thím được toại nguyện – sinh ra *con Bé*, nuôi con mà vẫn một lòng hướng về gia đình chồng. Sau hiệp định *Giơ-Neo* (Genève) 1954, được tin mẹ đã di cư vào Nam, thím đưa con về xin ở lại nhà phụng dưỡng ông nội. Không dè, nội *lên cò lộng mợc* (sùng sộ hung hăng) chưởi bới,

“*Tau* biết mẹ con *mi* là ai *mô* mà giả dạng tới đây. Đi mau không *tau* đập chết!”

“*Bọ* thương con thương cháu mà bỏ qua lỗi lầm ngày trước để con được gần gũi *bọ* trong những ngày còn lại,” thím lạy lục van xin.

“*Tổ* cha *mi*! *Tau tra* (già) nhưng có *lú mô* mà tới nhận họ nhận hàng *bá vợ*?”

Đoạn nội vác gậy đuổi đánh mẹ con thím. Giọng thím trở nên bi ai,

“*Bọ* vung *hèo* đập xuống đất thành thạch và xốt mấy bụi cây hàng rào lá bay tứ tán mà không hề chạm vô người mẹ con *tui*.”

“*Hồi* trẻ luyện võ, *bọ* đánh trường côn rất giỏi. *Bọ* dặn dò *chi* không?”

“*Bọ* mắng chưởi mà như khóc, ‘*Đồ* đầu đường xó chợ, mẹ con *mi cuốn gói* đi theo *thằng Gái*, chớ có vô liêm sĩ bám vú chổ *thằng qua*.’”

Thằng Gái là tên gọi hồi nhỏ của anh Quang và *thằng qua* là cách gọi đứa em kế *thằng Sáng*; nó mất trước khi đầy tháng và chưa có tên chính thức. Giọng nói của mẹ đầm đìa nước mắt,

“*Bọ* biểu thím tìm đường vô trong *ni*, đừng ở lại ngoài *nớ* mà bỏ mạng.”

“*Tui* biết...”

“Sắp bị đầu tố là ‘*địa chủ*’ với cả trăm cặp mắt gian ác của Việt Minh dòm ngó, *bọ* giả đờ không quen biết để thím khỏi bị liên lụy.”

“*Đúng rứa*! Ra khỏi cổng là có người theo về tới Hải Thành – *eng* Bàn của *tui* chừ!”

Cán bộ *Vem* rình rập trước nhà nội tên Bàn là người Bình Định ra Bắc tập kết. Cha mẹ mất sớm, theo kháng chiến năm hai mươi tuổi, hy sinh quãng đời thanh xuân cho “*cách mạng*,” nhưng ra Bắc nhìn thấy sự thực ông tỉnh ngộ và đôi khi tỏ ra bất mãn. Sau một loạt phê bình kiểm thảo khắc nghiệt, ông bị hạ tầng công tác làm việc vặt trong đội “*cải cách ruộng đất*” Quảng Bình.

Ông Bàn chứng kiến cảnh nội không dám nhìn nhận mà phải đành lòng rượt đuổi người con dâu hiểu thảo và đứa cháu nội thương yêu đi để mong họ được an toàn, cảnh thương tâm gây ra do chính sách đầu tố tàn ác dã man ông góp phần thi hành. Trong giây phút đó, ông được cảm hóa thành con người khác – một quả tim có nhân tính và biết cảm xúc. Ông theo thím về tận nhà, thú thật hết mọi điều, và xin được phép giúp đỡ mẹ con thím.

Thím gạt nước mắt, nhưng giọng nói vui hẳn ra,

“Lúc đầu tui không dám tin *nẫu*, nói ầu là mình *nghèo mạt rệp* nên tìm cách *ăn lường* ‘địa chủ’ kiếm chút tiền sống qua ngày.”

“Bọn Vẹm *lá lay* gian xảo trăm phương ngàn kế, cẩn thận là phải.”

“Nhưng dần dà thấy *nẫu* thiệt thà, làm đường lạc lối mà biết hối cải, và thương mẹ con *tui* thiệt tình. Nhận lời *lấy nẫu* với lời giao ước: *tui* là dâu họ Nguyễn – suốt đời!”

Bốn tháng sau, ông Bàn và thím Sẻ cùng *con Bé* và gia đình người cậu lên chiếc ghe đánh cá đi ven biển về hướng nam, âm thầm vượt tuyến tìm tự do. Ghe vào Vịnh Qui Nhơn và cập bến ở một bãi vắng gần Ghềnh Ráng. Thím theo ông về

Bình Định có hòn Vọng Phu

Có đầm Thị Nai có Cù Lao Xanh

Em về Bình Định cùng anh

Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.

Với tôi, xứ này không còn là nơi xa lạ! Ở Bình Định tôi có hai đứa em thân yêu – *Bé* và *Bình*. Cha vừa ra quận Tuy Phước làm giấy khai sinh cho em *Bình* ghi nơi sinh là thị xã Qui Nhơn khiến “*Ngự Bình*” thành con gái... xứ *Nẫu*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Tám, 2014

Con YẾN Áo Hồng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối đường Lê Lợi từ phố ra biển, ngôi nhà mới khang trang của mẹ nằm ở góc đường và kế bên nhà bác Hoàng, thượng cấp của cha. Theo kiểu xưa, nhà mẹ xây thành hình chữ Công (工): *nhà trên* theo kiến trúc Tây phương gồm phòng khách, phòng ăn, và ba phòng ngủ; *nhà cầu*, nhà dọc ở giữa đi thông từ nhà trên xuống *nhà dưới*, là một hành lang rộng có mái ngói; và nhà dưới gồm ba gian và nhà bếp cùng với nền xi-măng trải dài ra đến giếng nước và bể cạn sau nhà. Anh em tôi, bốn thằng còn trai, ngủ ở nhà dưới; cha mẹ và em Bình ngủ ở nhà trên.

Chung quanh nhà trồng dứa xiêm, loại dứa cây nhỏ, trái nhỏ mà nước rất ngọt. Mẹ cho anh Quang toàn quyền dùng dải đất sát với hàng rào mặt đường làm vườn hoa. Anh thích trồng hoa mười giờ sắc sỡ thường nở vào khoảng chín, mười giờ sáng và hoa mồng gà màu lửa ngọn xòe ra thành hình cánh quạt trông như mồng gà trống.

Giúp anh Quang làm vườn, tôi nghiệm ra “công thức trồng cây”: số cây bằng số khoảng cách cộng thêm một; thí dụ, trên một đường thẳng có mười khoảng cách đều nhau, sẽ phải trồng mười một cây hoa. Tôi nói ra điều này, anh trề môi,

“Đồ dễ òm, chó cũng biết! Ra giếng lấy nước cho *tau* tưới bông.”

“Gàu múc nước to quá, *tui* thả xuống thì được mà kéo lên không nổi,” tôi thoái thác.

“Cái thằng *nhác nhám*! Nước vô nửa gàu thì kéo lên, ai biểu đọi gàu đầy?”

Biết là khó tránh được công việc nặng nhọc này, nhưng tôi cãi bướng,

“*Răng* biết được tới nửa gàu? Gàu hình tròn miệng rộng hơn đáy; anh biết làm *răng* tính thể tích của khối *nớ* không?” Sách *Toán học lớp Nhất* của Trần Tiểu thầy Trình tặng tôi ở ngoài làng ghi cách tìm thể tích của khối lập phương, khối chữ nhật, và hình trụ là hết.

“Suốt ngày chỉ tính với toán! Bông chết queo rồi *răng mi* còn đứng đó?”

“*Tui* còn một chuyện, anh đừng *đập tui* mới nói.”

“Ờ, hỏi đi...”

“*Răng* anh không trồng bông cúc với *bông thọ*?” “*Bông thọ*” là hoa cúc vạn thọ rất thông dụng ở Huế, dùng để cúng hay chưng Tết.

“Có chứ, mắt *mi* đui hả?”

Ở bên bìa phải vườn hoa có một hàng cúc và bìa trái một hàng bông thọ – chỉ có vậy; tôi không nhin được cười,

“Lèo tèo mấy cây bông cúc bông thọ như *ri*? So với một đồng bông mười giờ chưa tới chiều đã héo queo và bông mồng gà đỏ tái *xấu in*?”

“*Tau đập mi* chết *chừ*; Thơm thích hai thứ bông ni...” anh bẽn lễn tiết lộ.

“Anh *ve* chị Thơm con bác Hoàng khi *mô rứa*? Hí hí hí...” “*Ve*” là làm quen và tán tỉnh đàn bà con gái.

Lần đầu tiên tôi nghe anh kêu tên một người con gái cùng trang lứa mà không có tiếng “con” đằng trước và không có từ ngữ chê bai theo sau. Như “con” X “bộ xương cách trí” (ổm tong teo), “cháu *mụ* Liếc” (mập ú như *mụ* Liếc ở Huế, cơn ác mộng của các bác xích lô), “mai liên” (nói lái là “miên lai,” nước da đen đúa như người Miên), “rớt thùng đĩnh” (mặt rỗ), “mái tây hiên” (bộ răng hô chìa ra), “chấm phết” (có tật chân đi cà nhắc), v.v.

Bác Hoàng có hai người con, cả hai đều học nội trú trường dòng ngoài Huế: chị Thơm lớn hơn anh Quang hai tuổi và thằng Thụ bạn anh trước đây. Hai tuần trước chúng tôi gặp chị lần đầu trong buổi liên hoan Tết Trung Thu dành cho trẻ em trong đơn vị dưới quyền bác.

Ngoài mục phát quà bánh và ăn uống, buổi liên hoan có các cuộc thi vui như nhảy bao bố, ăn bánh in, v.v. Kể thi nhảy bao bố đứng nguyên người trong bao đan bằng sợi bố, tay giữ miệng bao ngang ngực, và nhảy thật nhanh về phía trước; ai tới đích đầu tiên sẽ thắng cuộc. Anh Quang đoạt giải nhất và lãnh giải thưởng là cây bút máy *Oa-têc-măng* (Waterman, đọc theo tiếng Pháp) do chị Thơm thay mặt bác Hoàng trao tặng. Da chị trắng xanh, dáng ẻo lả như người bệnh, nhưng đôi mắt trong sáng và nụ cười hiền hòa đã chinh phục con tim của anh ngay từ lúc ấy.

Biết mình *vô tài bất tướng* nên tôi lặng lẽ ngồi ăn bánh trung thu. Cha tới kéo tay,

“Thằng ‘thợ ăn,’ ra thi ăn bánh in.”

“Nhưng...” tôi lắp bắp.

“*A-lê-hấp*, đứng vào bàn thi, không nói *oong-đơ* chi hết.” “Không nói *oong-đơ* là lời ra lệnh cho người khác đừng nên nói gì cả; “*oong-đơ*” do tiếng Pháp “*un-deux*” (một-hai).

Thi ăn bánh in thì trong thời gian hạn định người ăn nhiều bánh nhất sẽ thắng cuộc. Tôi miễn cưỡng vì bánh in làm từ bột trộn với đường ép lại thành từng mẩu hình vuông có dấu chữ Phúc, Lộc, hay Thọ không ngon lành gì cả. Dưới sự cổ vũ của anh em tôi, tôi gối yên lành chiếc bánh đầu tiên; qua chiếc thứ hai tôi bắt đầu mắc nghẹn, nuốt cục bột khô khan xuống một cách khó khăn. Tôi ăn nhanh chiếc thứ ba, cố gắng hợm nghẹn lại, nước mắt nước mũi tuôn tràn; anh Quang đánh liều bước ra,

“Thôi không thi nữa. *Mi* chết nghẹn *chừ*.”

* * *

Chị Thơm không về Huế mà ở lại Qui Nhơn học trường công giáo tư thuộc nhà thờ chánh tòa như tôi và anh Quang. Trường có năm lớp – lớp Năm đến lớp Nhất (lớp 1 đến lớp 5 bây giờ). Tôi học lớp Nhì (lớp 4 bây giờ); anh Quang và chị Thơm cùng học lớp Nhất.

Lần đầu tiên vào lớp, tôi vô cùng ngạc nhiên gặp lại con Yến. Hơn ba năm trước, từ ngoài làng mẹ đưa ba anh em tôi (lúc ấy chưa có thằng Triết) vào Lăng Cô thăm cha, chủ nhà là *mạ* con Yến tiếp đãi chúng tôi như người thân trong gia đình. Tôi nhớ như in hình ảnh con bé xinh xắn trong chiếc *áo tay phùng* màu hồng, nhưng giả vờ không nhận ra. Hai đứa “người Huế” được cô giáo nói tiếng Huế lai giọng Bình Định xếp ngồi cạnh nhau.

Trạc tuổi mẹ, cô giáo giảng bài nhỏ nhẹ và từ tốn và thường mang đứa con trai trạc tuổi thằng Sáng vào lớp, cho ngồi ở bàn đầu; cô vừa dạy học vừa trông con. Giờ học đầu tiên trong ngày là Giáo lý, môn ưng ý nhất của cô, kéo dài đến giờ ra chơi. Cô nói theo Thánh kinh năm 2000 sẽ tận thế – còn những 44 năm nữa nên bọn học trò lớp Nhì không cần lo lắng. Giờ Toán, cô dạy những bài toán thật dễ; tôi hỏi cô cách tính thể tích hình khối giống như chiếc gàu múc nước, cô bảo “để cô coi lại” rồi cô quên.

Chị Thơm đi học bằng xe hơi nhà đưa rước tận cửa; về nhà chị ở luôn trong phòng, không ra ngoài. Anh em tôi đi bộ đến trường; buổi sáng anh Quang đi học sớm đứng đón chị ở cổng trường; chị chào bằng nụ cười thanh tú cố hữu và sánh vai anh bước vào lớp học. Tan trường, anh ôm sách vở tiễn chị ra xe, chị chia tay bằng một nụ cười nữa. Thế là anh mãn nguyện.

Con Yến hay mặc áo màu hồng và ưa hỏi chuyện lằng nhằng. Tôi thường âm ừ cho qua chuyện, nhưng không bao giờ chê các món ăn vặt nó bới theo, nói *mạ* nó để dành cho tôi. Khi thì bánh đậu xanh ướt, khi thì bánh tráng chè kê, khi thì bánh rán kẹp bánh ít, v.v. Giờ ra chơi nó quần quít bên tôi khiến tôi nhột nhạt tưởng chừng như mọi người đang nhìn mình chế giễu. Anh Quang tình cờ hỏi,

“Con Yến tốt với mi *dữ quá hi?*”

“Anh đừng *cặp đôi*, *tui* không chịu *mô*.” “*Cặp đôi*” là gán ghép ví là vợ chồng.

“Ai nói *chi mô?* *Mi* đừng có tạt giạt mình.”

“Anh chống mắt lên mà coi, *tui* không thèm ‘chơi’ với con gái *mô!*”

Hôm ấy, con Yến mặc áo dài màu hồng, khác với chiếc áo cụt thường ngày, và đôi má ửng hồng. Trông nó thật dễ thương nhưng *thằng Bé* nhà quê làm ra vẻ *ta đây*, lăm lăm một mình, “*Làm đày* cách mấy cũng chẳng đẹp để *chi!*” “*Làm đày*” là trang điểm loè loẹt hay làm dáng.

Con Yến vui và nói nhiều hơn thường ngày, không để ý miếng kẹo đậu phụng tặng tôi vẫn còn y nguyên. Khi cô giáo kể xong chuyện Chúa làm phép lạ – sắp hết giờ Giáo lý, tôi cố tình đánh rơi ngòi bút ra sau ghế, loại băng ghế dài năm học sinh ngồi dính liền với bàn học. Giả vờ chui xuống tìm, tôi kéo nhẹ vạt áo dài sau của nó buộc vào cây xà ngang tròn đóng chắc vào giữa ba chân ghế.

Giờ ra chơi, con Yến vô tình đứng dậy; vạt áo rách toạc một đường ngang eo. Nó nhìn xuống, nhận ra cố sự, và bật khóc. Tôi dợm chạy ra sân, nhưng tiếng khóc tức tưởi khiến tôi chùn chân. Cô giáo bước tới,

“*Rằng* em khóc? Có phải trò *ni hoang* (ngịch phá) làm áo rách?”

“*Dạ* con *sơ ý* không biết áo kẹt vô ghế mà rách, khóc vì sợ *mạ* la,” nó lấy vạt áo trước chùi nước mắt.

Tôi hối hận; ước chi con Yến mách cô giáo để tôi bị phạt cho đáng tội. Nó cầm tay tôi, lần đầu tiên, gượng cười,

“*Chiều ni mạ* tới đón mình tới nhà thăm hai bác. Từ lúc gặp ở Lãng Cô tới *chừ mạ* nhắc bác gái hoài.”

“*Tau... tui...*” tôi lắp bắp không ra tiếng.

“Chiều *ni ma* đi *một chấc* (một mình) vì mình phải về nhà thay áo.”

Cả ngày hôm ấy tôi suy nghĩ tìm cách chuộc lỗi. Kiếng tan trường vừa đánh, tôi quay sang nắm tay con Yến. Không để nó kịp ngạc nhiên, tôi lấy bàn tay nó tát mạnh lên má mình một cái thật mạnh. Rồi chạy ù ra cửa.

Tôi gặp khuôn mặt rầu rĩ của anh Quang ở cổng trường. Không thấy xe nhà bác Hoàng đến đón chị Thơm như mọi ngày. Hai anh em lầm lũi về nhà; anh đi thẳng xuống nhà dưới, vào giường nằm úp mặt vào tường. Buổi tối cha hỏi,

“Thằng Quang *mô* mà không ăn cơm?”

“*Hấn* buồn vì con Thơm bệnh trở nặng, e không qua khỏi. Thiệt tội thằng nhỏ!” giọng mẹ trầm xuống.

Không có chuyện gì qua được mắt mẹ! Chị Thơm đã khẩn nguyện thành nữ tu Dòng Mến Thánh giá. Không may, sau cơn bạo bệnh năm ngoái bác sĩ cho biết chị mắc bệnh nan y, sống thêm một năm là cùng. Bác Hoàng đưa chị về Qui Nhơn tĩnh dưỡng, đi học cho đỡ buồn, và chờ ngày ra đi. Chiều nay chị gục ngã bất tỉnh trong lớp; thầy hiệu trưởng kêu xe cứu thương chở chị đi.

Đêm hôm đó tôi nằm mơ thấy mình mặc chiếc quần dài ưng ý nhất đi học một mình. Hết giờ Giáo lý, tôi cầm kéo cúi xuống cắt đứt ống quần ngang đầu gối rồi chỉ cho con Yến. Hai đứa nắm tay nhau chạy quanh sân kê lớn,

“Anh Quang chị Thơm ở chỗ *mô*? Ra đây mà coi...”

Giật mình tỉnh dậy, thấy anh Quang vẫn quay mặt vào tường, vai rung rung...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Chín, 2014

Giấc Mơ Của Mẹ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đối với mẹ, thành phố duyên hải này là nơi đất lành chim đậu với khí hậu và nhân tình hiền hòa là điều kiện thuận lợi để gầy dựng tương lai. Tin tưởng cha sẽ đồn trú lâu dài, mẹ dốc hết tài sản mang theo từ ngoài làng xây nên ngôi nhà thật khang trang và xúc tiến việc sản xuất mắm ruốc, mắm thu, và mắm gừng để bán. Những chum mắm của mẹ nằm chật gian cuối của nhà dưới, và mẹ đã có một số khách hàng mua sỉ.

Đùng một cái đơn vị cha được lệnh di chuyển về Huế – mẹ thất vọng vô kể! Quyết định để cha ra Huế một mình, mẹ cho thuê nhà trên vì mấy mẹ con không cần dùng phòng khách, phòng ăn, và ba phòng ngủ ở đó. Bác sĩ Ngôn ở Sài Gòn mới đổi ra làm việc ở bệnh viện Qui Nhơn thuê nhà vừa làm phòng mạch tư vừa làm chỗ ở gia đình.

Bác sĩ người Bắc nói năng lịch sự và cư xử nhã nhặn với mọi người. Hai ông bà trạc tuổi mẹ có cô con gái tên Loan ba tuổi (như thằng Triết) nhõng nhẽo và hay khóc nhè. Bà bác sĩ có mang, mập mạp, di chuyển khó khăn, và ít khi ra khỏi phòng ngủ. Chị Liên người làm suốt ngày lo săn sóc bà bác sĩ và bé Loan nên ít khi có dịp trò chuyện với người ngoài.

Bác sĩ dựng bảng hiệu phòng mạch trước nhà chưa được một tuần thì bác Hoàng, mới được thăng chức, trở lại Qui Nhơn nghỉ phép trước khi vào Sài Gòn nhận nhiệm sở mới. Nhà ở kế bên, bác cho người mời mẹ sang nói chuyện. Anh em tôi quần áo chỉnh tề theo mẹ sang chào bác; mẹ mang quà là ba thẩu mắm ngon nhất và chai nước mắm nhĩ đặc biệt gạn từ các chum mắm ruốc. Bác niềm nở,

“Chị bày vẽ làm *chi*. *Tui* với anh Thông là anh em.”

“Vừa là bạn vừa là thượng cấp của nhà *tui*, anh đã hết lòng nâng đỡ anh *nó*, và khi *mô* cũng ‘thương’ mẹ con *tui*,” mẹ bày tỏ lòng biết ơn.

Bọn trẻ con sang phòng bên cạnh ăn mè xững Huế bác mang về. Vừa ăn tôi và anh Quang vừa lắng nghe bác nói chuyện với mẹ,

“Anh lâu *ni* đổ đốn hư hỏng, cờ bạc thâu đêm suốt sáng, nợ nần như chúa Chổm. *Tui* khuyên anh *hết nước hết cái*.”

“Trăm sự nhờ anh,” mẹ khẩn khoản.

“Mới đây anh bị chủ nợ đòi thẳng tay và dọa kiện lên tới Quân khu, có thể mất chức và bị tù.”

Mẹ la thất thanh,

“Chết cha! Sự việc tới nước *nó*, anh cứu nhà *tui*?”

“Anh em mà không cứu thì mặt mũi *mô* mà *ngó* ai? *Tui* túng thiếu nhưng rán vay đầu *ni*, giật đầu *tê* giúp anh. Khổ nỗi, họ chỉ cho *tui* mượn tiền nếu anh ký giấy bán nhà cho *tui*.”

“*Rú*a cái nhà *tui* *chừ* thuộc quyền sở hữu anh?” mẹ nhận ra sự thực đau lòng.

“Chị hiểu cho; để anh khỏi bị kiện thưa *tui* đã đưa cho anh bốn trăm ngàn đồng, hơn xa số tiền chị bỏ ra xây nhà.”

Bác khoan dung như mọi khi,

“*Tui* biết hoàn cảnh của chị và các cháu, nhưng anh đã đến đường cùng.”

“Anh nghĩ *chừ tui* phải làm *răng?*” giọng mẹ run rẩy.

“Chị phải tức tốc ra Huế xác nhận mọi chuyện với anh và cần nhất sửa soạn đưa các cháu ra ngoài *nó ở*. Chị ở gần anh thì may ra...”

“Khi *mô* anh lấy nhà?” mẹ hiểu ra ý bác.

“*Gấp đương chi*, chị và các cháu cứ ở tới cuối tháng. *Tui* sẽ lo phương tiện dọn nhà cho chị.” Hôm ấy ngày mồng mười, ba tuần lễ nữa chúng tôi bị đuổi nhà.

Mẹ bỗng em Bình đi Huế gặp cha. Ở nhà anh Quang không thềm đi học, nằm riết trong phòng, và mặt lúc nào cũng hằm hằm như giận dữ điều gì. Tôi nghỉ học theo và tha hồ bày trò nghịch ngợm chơi với thằng Sáng mà không ai cấm cản. Thằng bé lên năm, học ở nhà đã biết đọc biết viết và làm toán cộng toán trừ.

Chiều hôm đó trời nắng gắt và gió to, tôi rủ thằng Sáng ra giếng múc nước đổ vào bể cạn tắm. Tôi kéo nước dưới giếng lên bằng chiếc gàu có quai buộc vào sợi *dây dừa* (dây thừng xe bằng xơ dừa) dài. Giếng nước tròn đường kính chừng hai thước, sâu khoảng mười hai thước, và thành giếng lên ngang ngực thằng Sáng.

Đứng trong bể cạn đầy nước, tôi gọi thằng Sáng mà không nghe tiếng trả lời. Nhìn lại không thấy bóng dáng của nó; chiếc gàu biến mất chỉ còn sợi dây dừa vắt trên thành giếng. Tôi thất kinh nháy ra ngoài; nền xi-măng ướt trơn trượt khiến tôi trượt chân đập mặt vào thành bể. Tôi gượng đứng lên tới nhìn xuống giếng: Thằng Sáng cố ngóc đầu lên khỏi mặt nước; nước tới ngang cằm mà nó không biết bơi. Tôi la to,

“Đứng yên đó, đừng sợ. *Tau* kêu người *lôi mi* lên.”

Tôi vừa chạy vào nhà dưới vừa kêu anh Quang. Trông thấy tôi, anh hốt hoảng,

“Mặt *mi* cả máu. Bị thương chỗ *mô?*”

“*Kệ chó tui* (mặc kệ tôi)! Lo cứu thằng Sáng trước.”

“Hấn chỗ *mô?*”

Anh cúi phăng cái áo đang mặc, lau máu trên mặt tôi,

“Lấy tay đè chặt vô chỗ *ni* cho máu bớt chảy. Nói chuyện với thằng Sáng cho *hấn* khỏi sợ...”

“Anh đi mau đi... Sáng ơi, *tau* đứng đây với *mi* *nì*.”

Ba chân bốn cẳng chạy sang nhà bác Hoàng, anh tìm được hai người đàn ông lực lưỡng. Họ kêu to biểu thằng Sáng đứng lên chiếc gàu làm điểm tựa bám chặt vào sợi dây gàu rồi kéo nó lên. Thằng bé run lập cập, mặt tái nhợt vì lạnh và sợ.

Tôi được dắt vào phòng mạch bác sĩ Ngôn ở nhà trên. Khám xong, ông ôn tồn,

“Vết cắt ở ngay trên mắt trái, sâu nhưng may là không chạm mắt. Phải khâu lại để cái mặt đẹp giai không bị theo xấu đi.”

Năm mũi kim khâu vết thương đánh dấu lần đầu tiên tôi đi khám bác sĩ và thành người đầu tiên trong gia đình được bàn tay bác sĩ điều trị bằng y khoa Tây phương. Khi lành trên trán chỉ còn một vết sẹo mờ, nhưng hình ảnh thẳng Sáng đứng lóp ngóp dưới giếng in sâu trong trí nhớ.

Mẹ về nhà, mệt mỏi và lo lắng, nhưng sung sướng khi biết hai đứa con vẫn còn nguyên vẹn và không ngớt cảm ơn những người đã cứu giúp chúng tôi. Hai đêm sau, khoảng bốn giờ sáng, mọi người bị đánh thức vì tiếng đàn bà rên siết kêu la. Ở nhà trên đèn đuốc sáng trưng, bốn người đàn ông mặc áo choàng trắng đứng chụm đầu bàn thảo. Ấm bé Loan nằm ngủ trên tay và đứng ngoài nhà cầu nhìn vào, chị Liên khóc sụt sùi thuật lại.

Ngày ở Sài Gòn, khi bà mang thai, bác sĩ Ngôn khám phá ra bà bị một chứng bệnh bất trị mà khi sinh nở tính mạng của hai mẹ con sẽ mong manh như chỉ mảnh trao chuông. Là người công giáo giữ vững niềm tin, bà nguyện hy sinh thân mình cho con được sống. Đêm nay tới lúc lâm bồn, bác sĩ Ngôn mời cả ba vị bác sĩ trong thành phố, trong đó có bác sĩ Hòa, lớn tuổi nhất và nhiều kinh nghiệm về hộ sản, đến giúp ông chẩn bệnh và chữa trị.

Mặc dù đau đớn tột cùng – vừa đau đẻ vừa đau vì cơn bệnh hành hạ, bà nhất quyết không dùng thuốc giảm đau để cho đứa con sơ sinh có thêm khả năng sống sót. Bốn vị bác sĩ thành công trong việc đỡ đẻ – bà sinh một chú bé trai, nhưng bó tay không cứu được mẹ. Bác sĩ Hòa dắt tay bác sĩ Ngôn ra ngoài nhà cầu, nói bằng tiếng Pháp tôi hiểu lờ mờ,

“Đã hết cách... Bà đi rồi...”

Gia đình bác sĩ Ngôn từ Sài Gòn ra đưa thi thể bà về tổng táng, mẹ thu xếp dọn nhà, và tôi “đem mặt” lên nhà trên cho bác sĩ tháo băng cắt chỉ. Mẹ kể với thím Sẻ khi thím và con Bé đến chào từ giã,

“Ra Huế *tui* đi coi thầy Phước; thầy nói trúng phóc như ma xó trong nhà. Nghe mà rợn tóc gáy!”

“Thầy nói rằng chị?”

“Năm *ni* hai vợ chồng *tui* bị sao hạn rất nặng. Ba cái búa tạ là sao La Hầu, Thổ Tú, và Thái Bạch chiếu mạng, trong nhà *răng* cũng có người chết. Nhờ *của đi thay người* mà quới nơn giúp đỡ khiến bà bác sĩ ra đi thay cho con *tui*.”

* * *

Trên chiếc xe chở hàng cỡ lớn to như chiếc *Giem-Xê* (GMC) nhà binh, mẹ và hai em Bình và Triết ngồi ở *ca-bin* phía trước với tài xế, và ba đứa lớn ngồi trong khoang chở hàng đằng sau cùng với bàn ghế tủ giường và những món linh tinh khác. Bị gió thổi bạt mặt, tôi nheo mắt để tránh bụi; cây cỏ và cảnh vật bên đường thành những dải xanh và xám chạy vun vút ngược chiều.

Xe ngừng lại ở Tam Kỳ cho tài xế ăn trưa anh em tôi mới nói chuyện được với nhau mà không phải la lớn. Nhìn thẳng Sáng ôm má than rất và nước mắt giàn giụa, anh Quang buột miệng mắng khan như thể phát tiết nỗi bức tức dồn ép từ lâu,

“Ăn cướp... Đạo đức giả...”

“Anh nói ai?”

“Còn ai trồng khoai đất này! Cướp không nhà của mẹ mà còn giả nhân giả nghĩa.”

Biết anh nói bác Hoàng, nhưng tôi hỏi tới cho bằng được,

“Răng anh biết?”

“Ngày gia đình bác *nớ* sắp theo đơn vị dọn đi, *tau* qua nhà tính xin mấy cuốn sách học của Thơm. Không có sách nhưng *tau* nghe cha với bác Hoàng cò kè giá cả trong phòng khách.” Chị Thơm đã qua đời là con gái lớn của bác và bạn anh.

Anh tức tối kể lại cuộc đối thoại của hai người; nấp sau cánh cửa phòng bên nghe cha nài nỉ,

“Anh trả thêm nữa đi. Bốn chục ngàn cho cái dinh cơ mới toanh thì tội *tui* quá.”

“*Moa* không sẵn tiền và không cần mua nhà làm *chi*. Bạn bè thân thiết *moa* mới giúp *toa* có tiền trả nợ. Bốn mươi lăm ngàn, chịu không?”

“*Con vợ tui* chi ra hơn ba trăm ngàn xây cái ‘lâu đài trong mộng’ của *hắn*, chưa kể đám đất ngay bãi biển *chừ chót bẹt* cũng đáng một trăm ngàn. Anh cho thêm năm ngàn *tui* ký liền *tút xuyt*.” “*Tút xuyt*” tiếng Pháp là “tout de suite” nghĩa là “tức thì” hay “lập tức.”

“*Đắc-co*, năm chục ngàn! Nhưng *toa* phải ghi trong văn khế giá bán bốn trăm ngàn.”

“*Đắc-co*” tiếng Pháp là “d’accord” nghĩa là “được,” “bằng lòng,” hay “đồng ý.”

Sau khi ký giấy tờ và trao đổi tiền bạc, cha và bác Hoàng bắt tay và rót rượu uống mừng. Anh dợm chạy về nhà thì bác nói,

“*Moa* có câu này muốn hỏi. Tại *răng* từ trước tới *chừ toa* yêu cầu đừng tiết lộ tin đơn vị sẽ trở về Huế?”

“Nếu biết đơn vị mình chỉ đóng tạm đây, *con nớ* đời *mô* chịu lời tiền ra xây nhà xây cửa? Và đời *mô tui* có nhà để bán như *ri*?”

Đột nhiên tôi muốn khóc. Ước chi tôi đừng ngửa miệng hỏi anh Quang mà biết những điều này... Giã từ Qui Nhơn... Giã từ giấc mơ của mẹ...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Chín, 2014

Nguyễn Ngọc Hoa

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu hiện sống ở North Dakota, một tiểu bang miền Bắc Hoa kỳ, vào mùa hè và đầu mùa thu thì xuôi về nam trú ngụ ở tiểu bang Texas qua mùa đông. Dạo vào đời, ở Sài gòn mười năm và đi học và dạy học đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa và để học hỏi và trau dồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; Kỹ thuật Điện ở Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Sài gòn; và Điện tử và Viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên Vật lý và Kỹ thuật Điện tại một số Đại học Y khoa và Kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả bộ sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai cuốn, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Học Quản trị Xí nghiệp, Quản trị Công quyền, và Kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu hiện sống ở North Dakota, một tiểu bang miền Bắc Hoa kỳ, vào mùa hè và đầu mùa thu thì xuôi về nam trú ngụ ở tiểu bang Texas qua mùa đông. Dạo vào đời, ở Sài Gòn mười năm và đi học và dạy học đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa và để học hỏi và trau dồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương.

TRÍCH TRONG TRUYỆN NGẮN “MỘT ĐỜI THỦY CHUNG”:

Nửa thế kỷ là một thời gian rất dài. Thành Gái – anh Quang – đã hy sinh trên chiến trường Cao Nguyên năm 1970, cha mất ở Hoa kỳ hơn hai mươi năm trước, và thành Sáng – nay gọi bằng tên trong khai sinh là Sang – vừa về hưu sau nhiều năm làm công chức. Sau này có thêm một cô con gái và ba cậu con trai, thị tộc của mẹ với con, cháu, và chắc có cả thảy 31 người.

Trong cuộc họp mặt Giáng sinh cuối năm, trước mặt mọi người mẹ trách, “Xa xứ hơn năm mươi năm mà khi về không ngủ ở quê nhà được một đêm!”

Giữ kín cái chết thảm thiết của nội, tôi cúi đầu nhận lỗi. Quê hương tôi quý quyết và tàn ác, có gì để luyến thương? Vậy mà có người bảo là “chùm khế ngọt”!

GIÁ BÁN: \$US 20.00

